

THIÊN SƯ BỬU THẮNG

Khai Thị

**THIÊN
TRỰC
CHỈ**



Chân dung
Hòa thượng
BỬU THẮNG THIÊN SƯ

CHÙA BỬU MINH - GÒ CÔNG

THIỆN SƯ BỬU THẮNG

Khai Thị

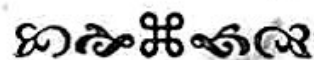
**THIỆN
TRỰC
CHỈ**



Chân dung
Hòa thượng
BỬU THẮNG THIÊN SƯ

CHÙA BỬU MINH - GÒ CÔNG

LỜI GIỚI THIỆU



NAM MÔ BỐN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Mùa an cư năm Canh Thìn PL. 2544, tôi có nhận được một tập bản thảo THIÊN TRỰC CHỈ của Hoà Thượng BỬU THẮNG THIÊN SƯ đã khai thị trong các đạo tràng từ năm 1985 đến 1995, do các Thiên sinh kết tập lại thành một quyển sách Thiên, gửi đến nhờ tôi chứng minh và cho lời giới thiệu.

Sau khi xem qua, tôi nhận thấy đây quả thật là những lời khai thị rất sâu sắc của một pháp môn Thiên độc đáo về trực chỉ, ý chỉ, diệu chỉ và mật chỉ, khiến cho người nghe dễ thấm nhập vào tâm và trực ngộ đường lối vào Thiên theo 4 giai đoạn nói trên. Đây cũng là những kinh nghiệm thực tế của Hoà Thượng đã trải qua hơn 60 năm hành đạo hóa tha, nay đem ra truyền dạy lại cho hàng hậu bối, lấy đó làm kim chỉ nam trên bước đường giác ngộ giải thoát.

Tôi xin tùy hỷ công đức kết tập của các Thiên sinh môn đồ và trân trọng giới thiệu cùng chư hành giả bốn phương tập sách quý này, để góp phần tư lương trên lộ trình khai thị ngộ nhập.

NAM MÔ THẮNG DUYÊN THÀNH TỰU NHƯ LAI THẾ TÔN

**GIÁC MINH TỊNH NGHIỆP ĐẠO TRÀNG
MÙA AN CƯ 2544 / MẠNH THU – CANH THÌN
SA MÔN THÍCH MINH CHÁNH**

Hòa Thượng Thích Bửu Thắng (1917-2001)



**TIỂU-SỬ
HÒA-THƯỢNG THIỀN-SƯ
THƯỢNG BỬU HẠ THẮNG**

**VIỆN CHỦ CHÙA BỬU MINH THỊ XÃ GÒ CÔNG TỈNH
TIỀN GIANG.**

**NAM MÔ TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC THẾ GIỚI TIẾP DẪN ĐẠO SƯ
A DI ĐÀ PHẬT**

**NAM-MÔ BỬU MINH ĐƯỜNG THƯỢNG LỊCH ĐẠI
TRUYỀN GIÁO TỔ SƯ TÁC ĐẠI CHỨNG MINH.**

CHAO ÔI !

*Đường sanh tử như vó câu qua cửa
Chùa BỬU-MINH vắng bật bóng TÔN-SƯ
Thầy râu thần lướt nhẹ chiếc thuyền từ
Rời uế độ vào Pháp-Thân Tịnh-Độ.*

I -THÂN THẾ:

Hòa-Thượng pháp hựu Nhựt-Thuận, Tự Thiện Lý hiệu Thích Bửu-Thắng thế danh Huỳnh-Văn-Giác., thuộc dòng LÂM-TẾ đời Gia Phổ thứ 41, là đệ tử của Tổ HỒNG-HOÀ.

Ngài sinh năm Đinh Tỵ (1917) tại Thị Xã GÒ-CÔNG Tỉnh TIỀN-GIANG. Thân phụ là cụ HUỲNH VĂN THIẾT, thân mẫu là cụ ĐỖ-THỊ-THẾ. Ngài là con trai độc nhứt trong gia đình khá giả, nên thuở thiếu thời Ngài rất mực phong lưu, cầm, kỳ, thi, họa đều tinh thông nhưng sở trường là môn thi phú.

Nhân một dịp lên Sài-Gòn Ngài được xem vở tường về Lịch Sử Đức Phật, tâm hồn Ngài tự nhiên biến chuyển, thường suy tư trầm mặc, hình ảnh Đức Phật Thích Ca luôn xuất hiện trong tâm tưởng Ngài. Nhưng hột giống xa xưa vừa được khơi dậy thì lượng sóng của dòng đời cũng bắt đầu lôi cuốn. Theo quan niệm người xưa, quan trọng việc kế thừa hương quả. Năm 16 tuổi trên gương mặt của người thiếu niên còn rạng rỡ nét hồn nhiên thanh thản, Ngài vâng lệnh nghiêm đường tác thành hôn phối. Trong cuộc sống gia đình, tâm tư Ngài luôn luôn tư duy khắc khoải về cái gì ngoài nếp sống cuốn theo dòng đời. Sự thôi thúc trong tư tưởng mỗi ngày thêm mạnh.

II -XUẤT GIA:

Năm 24 tuổi (1941) Ngài quyết định bước theo chân Đức Phật, sắp xếp an bài gia nội xong. Ngài đến chùa PHƯỚC HỮU Huyện Gò Công Tây, biết duyên đời đã mãn, Hòa-Thượng HỒNG-HOA hứa khả tác lễ thể phát xuất gia. Vốn bản chất thông minh, có trí nhớ tốt lại tinh tấn tu hành nên Ngài rất được Thầy thương mến, sống trong Tăng chúng Ngài luôn luôn hòa với Huynh Đệ, đồng lao cộng khổ, không nài khó nhọc, bên trong thì miên mật dồi trao trí-tuệ thúc liễm thân tâm.

Năm 1944 Ngài được Hòa-Thượng Bồn-Sur truyền giới Cụ Túc Phương-Trượng ban cho pháp hiệu BỬU-THẮNG và nhận biết Ngài là bậc Pháp-khí nên Hòa-Thượng đặc truyền pháp môn vi diệu Thiền-Trực-Chỉ, pháp môn này bị thất truyền gần 200 năm nay, từ khi tổ LIỄU-QUÁN viên-tịch. Khi nghe thuyết giảng, chúng tử sẵn có như được khơi dậy Ngài lãnh hội rất nhanh và chợt bật lên hai câu kệ:

*“Trực-Chỉ dừng ngay chỗ vọng sanh
Tức thì khổ hải biến thành Chơn-Như”.*

Từ đó Ngài chuyên tâm miên mật không hề sao lãng, sáu năm ròng rã Ngài đã ngộ được tâm yếu của Thiền.

Thiền là vô ngôn là chỗ trực nhận, nhưng qua hai bài kệ lời lẽ đơn sơ chất phác Ngài đã nương văn tự diễn tả được chỗ thâm thang rỗng lặng của Thiền.

BÀI 1

Trực-Chỉ dừng ngay thiện ác liền
Tức thì Bát-Nhã chiếu vô biên
Diệt sanh sanh diệt do tâm tạo
Khéo chớ dụng tâm Phật hiện tiền.

BÀI 2

Lân lân lẻo lẻo bật duyên ngàn
Rần rộ hoa lòng phát trở quang
Sanh-tử đâu còn lo sợ nữa
Niết-Bàn tợ huyễn hết cru mang.

Ngay đó Thầy trò tương ngộ, Hòa-Thượng ấn chứng cho Ngài là bậc chân truyền, là người nối truyền mạng mạch Như-Lai và truyền bài kệ pháp phái.

NGUYỄN bốn cao minh siêu thế tục
LINH thành đại đạo độ quần sanh
BỬU truyền lý pháp Tam thiên giới
THẮNG ý tu hành Bát-Nhã sanh.

Năm 1958 Thượng-Tọa trụ trì chùa Bửu-Lý viên-tịch Ngài được bổ nhiệm về giữ chức Trụ trì, nay là chùa Huệ-Quang ở tại thị xã Gò Công. Tuy là một Trụ trì nhưng Ngài có một nếp sống rất là đạm bạc, Ngài thường thối thác những đám cúng tụng linh đình, những nghi lễ rườm rà trịnh trọng. Đối với Ngài lấy việc tọa thiền làm cơ áo, lấy trí huệ làm sự nghiệp tiến thân, thập phương tín thí thường gặp Ngài trong bộ đồ vải sờn vai sút gấu, cuộc sống thô-sơ đạm bạc giúp cho Ngài dễ dàng trui luyện đạo tâm.

Năm 1960 Ngài rời chùa Huệ-Quang về ấp Kim Liên thị xã Gò Công tỉnh Tiền Giang cất một thất lá ẩn dật tu hành cho tròn đạo hạnh và chùa Bửu-Minh được Ngài khai sơn từ đó. Cơ duyên lại đến cũng vào năm này. Ngài thu nhận một người đệ tử đầu tiên Nam giới, từ đó hai Thầy trò tự lực cánh sinh, trong hoàn cảnh thật là kham khó mà Ngài vẫn bền tâm vững chí không một chút sờn lòng. Đây cũng là bước đầu trong giai đoạn hoằng đạo.

III -HÀNH ĐẠO

“Tự lợi là nhà, lợi tha là sự nghiệp” . Đó là phương châm của ngài trên bước đường vào đạo. Năm 1983 Đại-Đức Trụ trì tịnh-xá Ngọc-Thành Chợ-Lách tỉnh Bến-Tre thỉnh ngài về khai thiền, bài pháp ngài nói đầu tiên là :

“LUẬN THỨC CHỖ TU THIỀN”

và từ đó bước chân vân-du của Ngài thường được dừng lại tại các Chùa khác tỉnh Bến-Tre, để thuyết giảng cho những hành giả mến mộ tu thiền. Nội dung của những bài giảng càng sâu-sắc thì sự loan-truyền càng rộng rãi và bước chân của ngài lại càng khắp.

Năm 1985 ngài được Hòa-Thượng Huệ-Hưng hiệu phó trưởng cao cấp Phật-học Việt-Nam, Viện-Trưởng Tu-viện Huệ-Quang Đầm Sen Thành-Phố Hồ-Chí-Minh mời về khai Thiền tại Tu-Viện. Đây cũng là điểm Ngài dừng bước vân du khá lâu (từ năm 1985 đến năm 1987) để khai Thiền-Trực-Chỉ. Ngót hai năm dài trong thời gian rất khó khăn vất vả, nhưng với hoài bão hoằng-pháp lợi sanh báo Phật ơn đức Ngài không nản chí sờn lòng. Tuổi đời càng cao, sức khỏe càng kém, đường dài ngót 50 cây số, Ngài phải lặn lội từ đêm khuya giá lạnh đi bộ gần hai cây số xếp hàng mua vé, chỉ vì hạnh-nguyện Bồ-Tát, Ngài vui trong việc làm Xả-kỷ lợi-tha.

Chúng-sanh vô-biên Bồ-Tát thệ nguyện độ, nhưng duyên hợp tan là sự thông thường trong nhân sinh thế thái, bài pháp được tạm ngưng mà bước chân Ngài chưa dừng lại.

Cuối năm 1987 tứ đại bất an Ngài về chùa Bửu-Quang (Hòa Hưng Sài Gòn) dưỡng bệnh, sau hai tháng vừa bình phục thì Ngài tiếp tục vân du, tập hợp những Phật tử mến mộ tu Thiền thành lập Đạo tràng Kim-Cang Bát-Nhã hơn 100 vị. Thầy trò trong niềm hoan-hỷ đạo tình, khóa thiền này được sinh hoạt từ năm 1987 đến năm 1994, đôi lúc gặp chướng duyên trở ngại Thầy trò đều cùng nhau vượt qua.

Đến 1988 Thượng-Tọa Trụ-trì chùa Long-Hưng huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng-Nai thỉnh Ngài về khai Thiền và chứng minh lễ Khánh Thành Tịnh-thất Giác-Quang trong khuôn viên Chùa. Trong thời gian giảng dạy tại đây Ngài đã tùy duyên hóa độ một đệ tử nữ làm lễ xuất-gia tại chùa.

Năm 1991 truyền giới Sa-Di, Sa-Di Ni phương-trượng cho năm vị xuất-gia tại chùa Long-Hưng. Làm hạnh Bồ-Tát vân du hóa tha nhưng Ngài cũng không quên tiếp độ những ai hữu duyên tại trú xứ. Tại Bốn Tự Bửu-Minh Ngài thọ nhận 18 đệ tử xuất gia, 7 Tăng, 11 Ni vào nội viện. Đệ tử Y chỉ gồm có Thầy Thích Thiện Lạc, Thầy Huệ Quang, Thầy Thiện Chánh, Thầy Quảng Thới, Thầy Thiện Tâm. Số ngoại viện Ưu-Bà-Tắc, Ưu-Bà-Di nhiều không tính kể.

Năm 1995 nghĩ mình tuổi cao sức kém Ngài dừng bước vân du trở về trú-xứ tùy cơ hoằng hóa, thường có những buổi tham vấn Ngài dựa vào câu hỏi của Thiền khách mà khai thiền. Những bài giảng của Ngài trong suốt đời hoằng đạo được các môn sinh gom lại soạn thành sách để làm Pháp bảo trong Tông môn.

Đã soạn: -Sanh tử sự đại, vô thường tấn tốc. -Thiền-Đạo. - Trục-Chỉ-Thiền.

IV –CÔNG HẠNH

Hòa-Thượng là người siêng năng chịu khó, trong sinh hoạt đời sống, ngài không quản gian lao, đem hết sức mình tự lực cánh sinh. Ngài rất thương đồ chúng nhưng luôn luôn giữ hạnh cần kiệm để tránh tiêu pha lãng phí, trong hạnh tu Ngài dùng thân giáo sách tấn Đệ tử, tránh buông lung giải đãi. Trong ngôi cổ-Tự Bửu-Minh Ngài là cội Bách-Tùng cho môn nhơn tứ chúng che mưa đỡ nắng.

Trong hạnh Bồ-Tát lợi tha Ngài luôn chịu kham khổ nhẫn-nại, có đạo Ngài lặn lội từ Gò-Công lên Sài-Gòn đúng ngày giảng quy định, nhưng đến nơi nhơn duyên không thuận thời giảng phải dừng lại Ngài lại quay về ba lần liên tục như thế. Ngài vẫn an nhiên chấp nhận kham nhẫn đợi chờ, tâm Bồ-Tát thể hiện trên khuôn mặt đầy lòng bi mẫn. Với tâm nguyện độ tha báo đền ơn Phật, Ngài làm việc không phân giờ giấc, chẳng ngại yếu già, khách ở xa đến tham vấn đạo, Ngài vui lòng tiếp đến quá bữa Ngọ trai, khách ở đêm Ngài tùy duyên khai-hóa đến qua canh Tý. Ngài thường ví mình như con chim Tiều-Liêu mong đem sức nhỏ bé dập tắt ngọn lửa hồng Tam giới. Công hạnh của Ngài thật quả cao siêu, Ngài là điểm sáng cho đoàn hậu học noi theo.

V –NGỌ BỆNH

Vô thường biến đổi thân tứ đại mỗi mòn, lượng ăn uống càng ngày càng giảm thiểu, tháng Chạp năm Canh Thìn (2000) Ngài ngộ bệnh tại sàng, nhận được thân tứ đại huyễn su đã đến lúc không cần nuôi dưỡng nữa, Ngài nói với đồ chúng:

-Thôi đừng ép tôi ăn nữa, đến đây đã viên mãn rồi.

Rồi Ngài bắt đầu tuyệt thực, nằm yên tịnh thần trong tư thế ngộ thiền để đón nhận sự vô thường phân hoại. Đồ chúng sát xa nhìn vị Thầy tôn kính héo mòn trong từng khoảnh khắc.

Ngày mùng 3 tháng Giêng năm Tân Tỵ (2001) Ngài được đưa vào bệnh viện đa khoa Gò-Công để chữa trị. Các Y, Bác-Sĩ tận tình chăm sóc nhưng sức khỏe Ngài vẫn trong tư thế mỗi mòn chờ đợi. Sáng ngày 18 tháng Giêng năm Tân Tỵ Ngài được đưa về chùa, bốn đại tùy duyên tăng giảm, nhưng trong đôi mắt tinh anh trong sáng Ngài đã biểu hiện được một sức sống vĩnh hằng.

Sáng ngày mùng 10 tháng 2 năm Tân Tỵ Ngài gọi đồ chúng lại dặn dò sắp xếp cho tang lễ, giọng nói của Ngài mệt mỏi rời rạc từ từ .
Đến lúc 2 giờ ngày rằm tháng 2 năm Tân Tỵ Phật lịch 2545 tức ngày 9-3-2001 Ngài thâu thần tịch diệt.

Tuổi đời thọ 85 và được 57 Hạ Lạp.

Trích Bộ sách Từ Điển TRỰC CHỈ THIỀN

BÀI 1

THIÊN TRỰC CHỈ

(Giảng tại tu viện Huệ Quang năm 1995)

Trong hội Linh Sơn Đức Phật đưa cành hoa sen lên, Ngài Ma Ha Ca Diếp mỉm cười, Phật nói: “Ta có chánh pháp nhân tàng Niết bàn diệu tâm nay truyền trao cho ông”.

Tại sao Ngài Ma Ha Ca Diếp không nói câu nào, chỉ mỉm cười thôi mà thầy trò tương hội ? Đó là ý chỉ của “Thiền” mà cũng là nội dung của bài giảng ngày hôm nay.

Phật nói “Vạn sự tùng nhơn duyên sanh, vạn sự tùng nhơn duyên diệt”. Từ “không” rồi do duyên kết hợp tạo thành gọi là “có”, rồi từ có do duyên hoại dần trở về không, hay nói rõ hơn trước do nhân hội đủ duyên kết thành quả, từ pháp hữu lậu đến pháp vô lậu cũng như thế. Người tu hành nếu gieo nhân hữu lậu mà muốn thành quả vô lậu thì ví như nấu cát muốn thành cơm! thế nên Phật nói mật như chánh như, như trong pháp hội tu viện Huệ Quang này trước do phước đức chư Phật và do cái mật như chánh như mà Hòa Thượng viện chủ đã gieo từ kiếp lâu xa nay kết thành quả hiện tại. Nay trong cùng chỗ như duyên mà sanh như duyên, cùng chỗ như duyên để diệt như duyên, tôi xin phân tách.

Xưa, trong pháp hội Huỳnh Mai ngài Huệ Năng đang mang chày giã gạo, đức ngũ tổ đi ngang qua gõ vào

miệng cối hỏi:- Gạo đã trắng chưa ? Ngài Huệ Năng thưa: Gạo đã trắng rồi chỉ còn vừng sàng thôi.

Ngũ Tổ dùng thiền ngữ mà hỏi ngài Huệ Năng đã tỏ ngộ đạo chưa mà cầu làm Phật, tức là đã có cái mật như chánh như chưa? câu trả lời của ngài Huệ Năng là: Con đã có mật như chánh như rồi chỉ chờ đủ duyên kết "Quả" mà thôi. Trong nhà thiền dùng lối nói mây chuyển bên Nam mà mưa bên Bắc nên gọi thiền ngữ.

Nay tôi xin đem cái nguồn thiền từ Tổ Tổ tương truyền tâm tâm tương ấn để khai thị cho chư thiện tri thức, và sau đây tôi xin phân tách hai lối thiền:

1/ Một là Như Lai thiền:

Tu tứ thiền, tứ định là cái tướng của Như Lai, đưa người tu vào Thiền, Giáo, Luật, lấy giới luật làm đầu, chuyên trì tịnh nghiêm rồi qua giáo hay nói đủ nghĩa là giáo pháp. Đức Phật vì thương xót chúng sanh nên dùng giáo pháp làm phương tiện dẫn dắt chúng sanh xa bến mê về bờ giác, đó gọi là tùy bệnh cho thuốc, như dùng pháp quán bất tịnh đối trừ bệnh ái nhiễm, quán từ bi đối trị tâm sân vv.. khi bệnh hoàn toàn dứt sạch, tâm thể như như, nhập vào thể tánh đó gọi là Như Lai thiền, lối tu này chỉ đứng đầu sào thôi vì đó là tướng Như Lai.

2/ Hai là thiền trực chỉ, tức là thiền tánh Như Lai:

Thiền này không có tướng, trong từng sát na đều ở trong thiền. Nếu phát tướng thì trong mười cõi, chư Thiên, quỷ thần đều thấy, còn thiền trực chỉ là chỗ sâu kín

không ai thấy được vì nó không tướng, tuy nói không tướng mà trong tất cả tướng đều có trực chỉ thiên.

Trực chỉ là gì? Là dừng ngay, dừng ngay cái tâm chúng sanh nơi mình, vì tâm chúng sanh là tâm vọng động, khi tâm chúng sanh dừng rồi, vọng động không còn, tâm thể phẳng lặng tức Phật hiện tiền chớ Phật ở đâu mà đi tìm, vì chỗ hiển cận, quá gần không thấy được, ví như mí mắt nó dính sát với con mắt mà con mắt không thấy được mí mắt. Chư vị nên biết cái thức của mình khởi chỗ nào thì nó vào chỗ ấy. Khởi thức Thinh văn thì đến quả Thinh văn, khởi thức Duyên giác thì vào quả Duyên giác, rồi lên một tầng nữa khởi thức Bồ Tát sơ phát tâm thì nó cũng kẹt trong địa Bồ Tát. Còn Thiên Trực Chỉ là dừng, ngay đó không còn cái địa, mà dừng cái gì? Dừng thiện ác. Lục tổ nói: “Bất tư thiện, bất tư ác,” không nghĩ thiện, không nghĩ ác ngay chỗ đó là trực chỉ, mười điều ác không gieo như không vào trong quả thập ác, mười điều thiện làm mà không dính, không vào trong quả thập thiện, Mười quả thiện, mười quả ác nằm trong hai mươi địa, lại không kẹt vào ngũ dục lạc sắc, tài, danh, thực, thù là dừng ngay được hai mươi lăm địa mà địa thứ hai mươi lăm là thù rất khó khăn, tâm không dính kẹt vào thiện ác gọi là dừng, phải tu làm sao làm chủ được khi thức cũng như khi ngủ. Ban ngày tu được bao nhiêu đến tối ngủ không làm chủ được để tâm mê chẳng khác nào bị trộm cất túi, mất hết của. Vì vậy mà Thiên Trực Chỉ là dừng ngay chỗ thiện ác, tâm làm chủ sáng suốt trong tất cả thời, khi thức cũng như khi ngủ, bên giáo nói là “Tứ

pháp quảng vô biên, nguyên kim hồi hướng diệt như thị". Giáo lấy khai, thị, ngộ, nhập làm căn bản; quyền, thiết, đốn, tiệm làm căn bản, thủ, xả, gia, giảm làm căn bản. Sao là thủ xả gia giảm ? Khi tu, định dư thì sanh ra trầm, huệ dư thì sanh phù nên phải gia giảm theo cái tăng giảm của nó mà chế ngự, không cho bên nào quá nặng, bên nào quá nhẹ, giữ sao cho hai bên đồng, khi định huệ bất tăng bất giảm tức thị Kim cang, thị Kim cang tức thị Phật tánh hiển bày, tức là cái Tánh không còn thăng trầm nặng nhẹ không còn sanh diệt nữa tức Phật rồi. Vì sanh diệt là nhơn, mà nhơn sanh diệt thì phải chịu quả luân hồi biết bao giờ thấy Phật được!

Thiền Trực Chỉ là chỉ cho chúng sanh ngay chỗ chúng sanh là Phật chớ không đâu hết, đừng chúng sanh tức Phật chớ còn tìm kiếm ở đâu! bởi vậy kinh Pháp Hoa đức Phật khai quyền hiển thiết. Ngài Thường Bất Khinh Bồ Tát gặp ai cũng nói: "Tôi không dám khinh các ngài, các ngài là Phật". Chỉ vì chúng ta mê muội không nhận được chỗ này, không phóng hạ vạn duyên, kết hoại nghiệp sanh tử rồi đi tìm Phật, cầu Phật cứu rồi, giống như ôm cái chạy mà tìm cái đứng nên tìm hoài không có, bây giờ đừng chạy nữa thì cái đứng ngay đó chớ đâu mà tìm, nên nói trực chỉ nhơn tâm kiến tánh thành Phật, Phật ngay nơi tâm mình chớ không đâu xa. Trong giáo Tổ có nói: "Trực tâm thị đạo tràng, rồi nói trực tâm thị tịnh độ" cũng chỉ chỗ này.

Giáo nói khai thị ngộ nhập Phật tri kiến, mà không biết Phật ở đâu mà nhập. Bên thiền cũng vào tứ pháp:

trực, tri, nhận, nhập, dừng ngay nơi cái thiện ác thì tự nó hiển bày, rồi phải tự mình nhận ra chỗ đó, nhập vào chỗ đó tức là nhập Phật tri kiến, nên nói vì đại sự nhân duyên mà Phật nói ra chỗ này. Phật nói dù gánh một gánh bông đi qua biển lửa mà không cháy một cọng thì dễ, còn đang nghe chỗ thiện tông mật chỉ này là việc khó. Đây chư thiện tri thức, hiểu như thế rồi mới biết đây cũng do căn lành từ muôn kiếp rồi, ươm rấm hạt giống Bát nhã rồi nên kiếp này từng nhân duyên mà hội ngộ chớ chẳng phải ngẫu nhiên đâu! rồi từ cái mật như này, vị lai kiếp sau nó sẽ thành mật quả. Chư thiện tri thức, nếu chư vị gieo cái như sanh diệt mà cầu mật quả thì không thể nào dặng, dầu cho cố công gắng sức hay dùng khổ hạnh trồng chuối ngược đầu hay treo giò như ngoại đạo cũng chẳng thành, vì đạo do nơi giác chớ chẳng phải lấy khổ hạnh mà làm. Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm Phật nói: "Giác mê mê diệt, giác bất sanh mê, cuồng tánh tự yết, yết tức Bồ đề hà tã cù lao khởi lị tu chứng". Một người khi mê, cái mê đó ở đâu đem lại mà có? Ví như Diễm Nhã Đạt Đa khi mê thấy mình bị mất đầu, sợ cuống cuống lên, khi hết sợ, hết cuống rồi cái mê đó đi đâu? Lúc này cái mê đó ở đâu tới? rồi bây giờ nó đi đâu? cho nên chỗ đó là chỗ nhận lầm, mê là cái sanh diệt là con đường sanh tử, hết mê rồi thì tánh bồ đề thể hiện, nên nói giác mê mê diệt, giác bất sanh mê mà.

Giác là biết mê, mà biết mê thì cái mê tự hết, khi hết rồi không còn sanh tử lại. Ví như trái chuối chín thì nó chưa ngọt, mà khi ngọt rồi thì nó không trở lại chín nữa,

ngọt rồi đi đến thiệt ngọt chớ không bao giờ trở lại chát. Cho nên chữ: “Phật” là Giác. Vậy Giác là gì? Giác là biết, biết cái mê biết mình lầm rồi thì từ chỗ đó mà tu, không đi lạc hướng, đó gọi là chánh nhơn, có chánh nhơn rồi sẽ đến chánh quả.

Đây tôi xin nhắc lại trong thiền trực chỉ có bốn bậc: trực, tri, nhận, nhập, đó cũng là bốn tầng bậc: trực chỉ, ý chỉ, diệu chỉ và mật chỉ, nó như tấm bản đồ dò lần theo từng cây số, đi tới đâu biết tới đó, gỡ lớp vỏ rồi tới lớp da.

Sau đây tôi xin lược nói qua bốn thứ lớp:

1/ Trực chỉ: Trực chỉ hiểu nôm na là dừng ngay, mà dừng ngay cái gì ? nó ở đâu mà dừng ? Chư tổ thường nói: té chỗ nào thì chống ngay chỗ đó mà đứng dậy. Trong đời sống chúng ta hành thập ác, tạo thập thiện đều do căn tiếp xúc với trần khởi thức phân biệt, bây giờ tu chỗ trực chỉ này là dừng ngay ở năm căn tức là té chỗ đó thì chống ngay chỗ đó mà đứng lên. Con mắt thấy tốt là nhiệm, thấy xấu thì chê, bây giờ dừng ngay đó, không cho nó nhiệm tức là “Nhãn” tịnh rồi, tai nghe ai nói câu gì sanh buồn phiền tức giận thì liền nghĩ rằng: Vì chỗ sân si này mà mình phải trôi lăn trong lục đạo, bây giờ tu Phật phải dừng ngay, thế là nhĩ căn thanh tịnh, rồi tỷ, thiệt, thân cũng vậy. Khi lên mâm cơm có món gì ăn không được, tâm nổi giận lên, lúc đó nên xét thấy món ăn này vào miệng mình cho là vật tịnh, khi qua khỏi cổ rồi nó thành bất tịnh, khi còn nhai lưỡi tiếp xúc với thức ăn cho rằng tịnh, khi hết nhai rồi là bất tịnh, vì vậy nên thấy món ăn là vật tạm mượn để nuôi huyễn thân này, nuôi huyễn

thân để mượn huyễn thân làm đạo Bồ đề vượt dòng sanh tử. Đối với thân, hành giả có thể dùng pháp bạch cốt quán hay bất tịnh quán để thấy rõ thân này vô thường, chết rồi xương tan thịt rã, không có gì sạch sẽ, không có gì để mình bám dính, mình rớt trong biển khổ, gặp nó như gặp thay ma, tạm mượn nó, đeo nó để vô đến bờ thôi, chớ đừng tiếc thương mến trối nó, vì nó vốn phụ phàng, nó không chung thủy gì đâu. Tổ Quy Sơn có nói: “Triêu tồn tịch vong, sát na vị thế” sớm còn tối mất phút chốc đời, người đời cho là lâu, Phật thì nói trong sát na thôi, một hơi thở ra không trở lại là rồi, vạn sự trên trần có gì là của ta đâu. Vì ôm cái “Ta” này mà huân tập cái “của ta”, tức là ôm cái ái mến, rồi từ cái ái mến kết thành chủng tử sanh tử luân hồi.

Này chư thiện tri thức, nay tôi đem cái chỗ luận này cho quý vị thấy, nếu tâm mình còn ái mến cái gì tức thì vào chỗ đó, vì mình tạo nghiệp thì nghiệp dẫn mình trôi lăn thôi, còn như không ái mến thì nghiệp không dẫn dắt mình được, ví như có người rủ mình đi đến chỗ đó mình dứt khoát không đi vì tâm mình không ưa thích chỗ đó, nhờ vậy mà đường sanh tử dứt, chỗ này mới thấy rõ là mình tự cứu mình chớ không có ông Phật, ông Tổ nào cứu mình hết. Nếu Phật cứu được mình thì Phật không nói: Nước mắt chúng sanh nhiều như biển cả. vì vậy mà trong kinh Pháp Hoa Phật nói: “Tam giới vô an du như hỏa trạch” Ông trưởng giả có bảy con đang rong chơi trong nhà lửa, biết con mình mê muội ham chơi không sợ nhà sập, không sợ chết cháy, ông đem ba thứ xe ra dụ:

-Này các con ơi, các con ra đây ta có cái xe dê ngồi lên đây trong một giờ rong chơi ba tỉnh, mười đứa con nghe vậy chạy ra ba đứa còn bảy đứa vẫn mê muội, ông bèn dụ tiếp:

- Các con ơi, ta có xe nai các con ra đây, trong một giờ dạo khắp bốn phương trời. Nghe vậy nó chạy ra bốn đứa nữa, còn lại ba đứa trong nhà, ông bảo:

- Các con ơi, ra nhanh lên ta có bạch ngưu chi xa, ngồi một giờ đi khắp mười phương cõi Phật. Nghe nói vậy nó mừng quá chạy ra hết, vừa lúc đó cái nhà bị cháy sập âm xuống, chừng đó nó mới tỉnh ngộ biết cha dùng phương tiện cứu mình, mà thật ra không có phương tiện gì hết, không có xe nai, xe dê gì hết chỉ gom lại nhứt thừa mà thôi. Ví dụ khi tôi đến đây gặp Hòa Thượng rồi thì không còn hỏi Hòa Thượng có ở chùa không ? ở đi đâu ? Ở ở đây rồi, hỏi chi nữa.

Vì Phật biết bệnh của chúng sanh là nghe đâu chấp đó nên khai phương tiện, rồi phá phương tiện. Trong kinh Viên giác Phật dạy bốn pháp tu: “ Tát, chỉ, nhậm, diệt”, rồi đoạn khác Phật lại nói bốn pháp này là bị bốn thứ bệnh. Như vậy thì làm sao tu ? Thật ra tại mình không hiểu cho nên chư tổ mới nói: “ Dục tu thông đại đạo lý của Phật đến chỗ nhứt thừa thiết tướng cầu người minh triết chỉ dẫn cho”, nếu không cầu người tri thức chỉ dẫn thì như kẻ đui dẫn người mù rồi cả hai rơi xuống hố, cũng như câu chuyện Phật dụ: “Manh nhưn kỳ hạt mã dã bán lâm thâm trì” có một người đui mua con ngựa, ông ta nghĩ nếu không cỡi mọi người sẽ cười mình, thôi thì mình cứ

cõi, con ngựa nó thấy đường đi đến đâu nó biết đến đó (ngày xưa ngựa biết nói tiếng người) nhưng ngặt nỗi con ngựa lại bị mù, nó nghĩ không sao, có chủ mình sáng mắt, mình cứ chạy ổng giựt dây cương thì mình biết mà tránh hằm hố, thế rồi người, ngựa cứ an tâm mà phóng, chạy một hồi cả hai lọt xuống ao sâu, con ngựa trách chủ:

- Trời ơi, sao anh ngồi trên lưng tôi anh không giựt cương cho tôi tránh, để lọt xuống ao rồi! anh chủ nhẹ nhàng nói:

- Thú thật với chú mày, tui đui, đâu có thấy mà giựt cương, chú mày sáng mắt sao chú mày không tránh. Con ngựa giật mình nói: - Anh chủ ơi! tui bị mù, tui ỷ y có anh sáng mắt, nào ngờ lại như vậy! chừng đó cả hai đều vỡ lẽ thì đã nằm dưới ao rồi! Phật nói: "Giác mê mê diệt, giác bất sanh mê". Cũng như mắt sáng rồi thì thấy rõ cảnh vật, thấy rõ cảnh vật rồi không còn nói mù nữa, như khi mắt nhắm thấy hoa đóm trong hư không, khi hết nhắm mắt rồi thì hoa đóm tự hết, hoa đóm không có nở có tàn, chỉ do mắt bệnh nên thấy lầm đó thôi.

Nầy chư thiện tri thức, học đạo phải nên kiến tự bốn tâm, thức tự bốn tánh. Phải thấy nơi tâm của mình tạo ra cái gì nó thành cái quả đó, tạo ra giống cay nó thành quả cay, tạo giống đắng thành quả đắng, tạo giống ngọt tức là giống thiện thì sẽ về cõi trời, cõi trời hưởng mấy ngàn năm rồi hết phước cũng phải xuống, tức là vẫn còn trong vòng vô thường, vì tâm còn sanh, vì vậy tu là mượn phương tiện để đến giải thoát, mà giải thoát là gì? Giải thoát là ai? Giải thoát tức là Bát Nhã. Bát nhã là Phật

tánh của mình, không dính nhị biên, nó không dính cái nghiệp chúng sanh mà phải kéo mình xuống lên trong ba cõi sáu đường. Nên vì chỗ đó bây giờ mình phải trực, tri, nhận, nhập ngay liền trong từng sát na. Nhận chỗ đó nó còn khởi hay không khởi, khởi căn nào thì ngay căn đó mà cỡi. Trong kinh Lăng nghiêm Phật dạy cái khăn buộc sáu gút, nếu mở được một gút thì năm gút kia tuột hết, ví như cái nhà có sáu cửa, hễ mở được một cửa rồi thì năm cửa kia coi như thông hết, đừng nói không sao đâu! trộm nó không vô được vì năm cửa kia mình còn đóng kín mà! Không phải vậy đâu, nó vô khiêng hết đồ à! một cửa mở mà năm cửa đóng không ăn thua gì đâu! ngay trong sáu căn chư thiện tri thức hãy xem coi nơi nào ô nhiễm là chúng sanh thì ngay nơi gút đó mà mở. Nhưng chư vị phải biết nó ô nhiễm cái gì chớ? Nó ô nhiễm theo năm trần tài, sắc, danh, thực, thù, nó chạy theo tám gió: lợi, suy, hỷ, dự, xưng, cơ, khổ, lạc, nó cứ dính buồn, vui, ghét, bỏ mà nổi sóng, khi gió lặng rồi thì sóng không còn nữa, nên nói: “Thủy động sanh ba, ba tàn hoàn thủy”.

Còn nói năm trần tài, sắc, danh, thực, thù. Đối với người đời chắc là dễ vướng mắc lắm, còn người tu xả thân cầu đạo nhưng mà cái đề thứ năm là thù cũng rất ngặt. Trong Tín tâm minh, tam tổ có nói: “Nhãn nhược bất thù tự trừ chư mộng”. Con mắt mình đừng có ngủ thì nó đã trừ cái mộng, mình khỏi trừ nữa, vì có ngủ đâu mà mộng. Chư Tổ cũng thường nói: “Đừng trong mộng mà tìm người tri thức” vì mộng là mê mà tri thức là sáng suốt, đã mê rồi thì không có sáng suốt. Ban ngày làm được bao

nhiều tối ngủ mê trộm thiền túi lấy hết tiền. Cho nên người tu **phải ráng**, đừng giao của cho trộm. Người tu không nói ngủ, **chỉ** nói nghỉ thôi, ngủ thì bị mê còn nghỉ để bồi đắp lại sự lao nhọc của cơ thể cho khỏi bệnh hoạn.

Có một vị Phật tử ở Bến Tre, Cần Thơ đến học thiền với tôi đã hai năm rồi, vị này hỏi tôi: - Kính bạch Thầy chỉ dạy cho con dùng pháp nào để tu không ngủ ?

Tôi đáp: -Ông ngồi lại đây lắng nghe tôi nói: không có pháp chỉ có mình tự đánh tan cái ngủ. Giả dụ Đạo hữu đang buồn ngủ không thể nào cầm được, không thể nào thức thêm hai phút nữa, vừa lúc ấy có người cháu về gọi: - **Bác ơi bác dậy bác**, tôi nói bác nghe, ghe chìm rồi, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại cũng chết, mấy người con trai, gái chết hết rồi! thì cái ngủ của ông còn không ? Ông không trừ **mà** nó cũng tan rồi.

Bên này tu **cũng** vậy như gả say tha phương cầu thực mà trong búi tóc có hạt Bửu Châu Ma Ni ngày nay nhờ tu mình hiểu chỗ này, lòng mừng vô hạn nên không ngủ được chớ không có pháp gì đâu, không ngủ được chớ không phải bệnh đa nghe. Nhờ vào **thiền** duyệt thức và pháp hỷ thức nó nuôi sự thức ban đêm. Còn người bệnh vì buồn rầu lo nghĩ mà không ngủ được nên sanh bệnh. Như vậy ngủ hay không là do ông chớ không có pháp nào hết, người chưa hiểu đến đó mà cưỡng danh ráng thức chừng một tuần lễ thì đau gan, đau phổi đó đa. Tự nó có cái gì đánh tan cái ngủ chớ không có gượng không có ráng gì hết.

Nên biết: Một cái nhắm là một kiếp sanh tử mà mở là một kiếp sanh tử hiện tiền đó đây. Nên phải tìm cầu Phật ngay nơi chính mình chớ đừng cầu ông Phật bên ngoài. Sử có chép, vào một hôm nọ trong cung đình nhà Trần mở yến tiệc, có đủ mặt đức Vua, hoàng hậu cùng hoàng thân quốc thích, trong số đó có Ngài Tuệ Trung thượng sĩ là bậc tu hành mẫu mực (tại gia) Ngài ung dung gắp thịt bỏ vào chén ăn, hoàng hậu (em gái ngài) thấy vậy nói:

- Anh tu hành mà ăn vậy làm sao thành Phật được ?
ngài đáp:

- Phật là Phật, anh là anh, anh không cầu làm Phật, Phật cũng chẳng cầu làm anh.

Ý nói, chuyện của anh là của anh, chuyện của ổng là của ổng, ông Phật ngay nơi chính mình chớ không có ông Phật nào bên ngoài tác thành cho mình làm Phật hết. Kinh Bát Nhã nói: “Thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không” nghĩa là trong giờ nào, trong tí tắc nào cũng thấy không còn năm uẩn nữa mới độ nhưt thiết khổ ách. Vì còn uẩn là còn khổ ách, chính nó gây ra khổ não, nó muốn cái này, nó đòi cái kia, có muốn giải thoát làm sao được!

Bát Nhã cũng có ba bậc: Bát Nhã tướng, Bát Nhã tâm, Bát Nhã tánh. Ngài Huệ Năng tuy chưa vào tướng Bát Nhã nhưng vì có căn cơ sâu dày nhiều đời nên khi gánh củ đi bán nghe người tụng kinh Kim Cang đến câu: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ Tâm” Ngài được vào Bát Nhã tâm. Ngài an trí mẹ già đến pháp hội Huỳnh Mai khi được ngủ tổ giảng kinh Kim Cang đến câu: “Ứng vô sở trụ

nhì sanh kỳ tâm” cũng cùng một câu đó thôi không thêm bớt gì hết mà ngài liền vào Bát Nhã tánh, ngài thốt lên mấy câu: “Nào dè, nào dè v.v...”

Vì vậy cái tướng thì phải đi ba từng giai đoạn, còn cái lý thì không có giai đoạn nào hết, ví dụ như chư thiện tri thức mà muốn đi Bà Rịa thì tới Bà Rịa rồi, tâm vô hình không có gì ngăn ngại, chỉ chớp mắt là Bà Rịa hiện ngay trước mặt, đó là về lý. Còn về sự, sáng đi Bà Rịa phải thức dậy sớm mua vé xe, đi đến chiều mới tới, cho nên nói lý thì nhanh trong khoảng sát na, còn tướng thì phải từ Địa mà tiến dần.

Tuy nói vậy nhưng muốn đến lý trước phải có sự, ông Phật của mình ẩn chỗ sâu kín muốn đạt đến chỗ đó phải mượn chỗ “Tá giả quy chơn”, tức là mượn cái giả để trở về cái thật, phải mượn hình tượng Phật giấy, Phật gỗ, Phật xi măng v.v để trở về tánh Phật, còn pháp thì có năm tông: thiên tông, tịnh độ tông, pháp tướng tông, mật tông, thiên thai tông, trong đó rút lại còn hai tông.

1/ Tịnh độ tông là đại thừa thiên để cho người tu niệm Phật được chứng tam muội đó là nhứt cú.

2/ Trục chỉ thiên là vô thừa thiên, nó không có thừa mà chỗ nào nó cũng thiên đó là nhứt kệ.

Nhứt kệ là gì ? “Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật”

Nhứt cú là gì ? “Nhứt cú Di Đà vô biệt niệm, bất lao đàn chỉ đáo Tây phương”.

Tại sao niệm Phật Di Đà lại như khảy móng tay mà đến Tây phương ? Bởi vì trong lúc niệm Phật nó ngăn dứt các vọng niệm, cái sanh diệt ở cõi Ta bà là do vọng niệm,

dứt vọng niệm hết khổ, hết vui, hết buồn, hết mừng, hết rầu, tâm thanh tịnh hoàn toàn thì cảnh Tây phương hiện tiền, nhanh chớp nhoáng như khảy móng tay vậy.

Tổ nói: “Hà kỳ tâm tịnh tức Phật độ tịnh”, tự cái tâm mình tịnh rồi đó là cõi Phật, tịnh là nhân, mà nhân tịnh thì quả sẽ tịnh, cho nên thiền trực chỉ chỗ nào cũng tu mà không có tướng tu (nhân tịnh), tùy bệnh mà cho thuốc hết bệnh thôi không uống thuốc nữa, vậy nên nói: “Pháp bốn vô như pháp”. Tu năm căn, ngăn dừng đến chừng không còn nhiễm nữa thì nó chuyển thành lục như. nên Phật dụ cảnh Tây phương có sáu thứ chim để cho chúng sanh mừng mà bỏ cảnh này nào là đau khổ, buồn, rầu, sanh, già, bệnh chết để sau được về đó nào là huỳnh kim vi địa trú dạ lục thời, rồi mới xuất hòa nhĩ âm. Sáu thứ chim là gì? - Bạch hạt, Khổng tước, Anh vũ, Xá lợi, Ca lăng, Tăng già, mà nó phải cộng mạng chi điều, chớ con mắt chịu cái này mà lỗ tai nghịch cũng không được chỗ đó kinh Niết bàn nói là ma sự rồi đa, nó chướng ngại trong đó đa. Phật dụ sáu thứ chim chớ thật ra ở nơi tâm địa của chính mình đây, nó xuất hòa nhĩ âm (không có con nào chửi con nào) rồi mới kỳ âm diễn xướng, nó làm nhịp nhàng, đúng điều quy trong đó.

Tóm lại phần một của Thiền trực chỉ này là dừng năm căn, là có tướng. Bây giờ chư thiền tri thức bước sang phần hai là: “Ý chỉ”. Chỗ này là chỗ chủ chốt mà không có hình tướng.

2/ Ý Chỉ:

Năm căn nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân ví như năm người phổ ky đưa món đồ cho ông chủ tiệm tức là anh ý đó. nếu thức thứ sáu này ưa thích nó liền đưa qua thức thứ bảy, thức thứ bảy có nhiệm vụ thú gom đưa vào cất chứa trong kho là thức thứ tám, gọi là tàng thức hay A lại da thức. Nơi này là nơi tàng trữ hạt giống (chủng tử) để chờ nhân duyên đâm mầm nảy lá.

Tuy phân tách thức lớp có ba thức như trên nhưng riêng ý thức rất nhạy bén, nên nói: “ Công vi thủ tội vi khôi”, làm thiện cũng do nó khởi ra, làm ác cũng do nó khởi xướng rồi sai xử năm căn thực hành theo mệnh lệnh của nó. Mà mệnh lệnh của nó là gì ?

- Là lúc mắt duyên sắc trần, tai duyên thanh trần, mũi duyên hương trần, tỷ duyên vị trần, thân duyên xúc trần, nó khởi phân biệt ưa thích thì ra lệnh cho năm căn thu thập về cho bản ngã, chán ghét thì ra lệnh xua đuổi, giả dụ khi mắt thấy cảnh hoa đẹp thì tay liền muốn ngắt hái, tai nghe tiếng chưởi mắng thì tâm tức giận miệng nói lại lời gì cho hết tức, mũi nghe mùi thúì thì tay liền bịt mũi vv, đó là duyên với năm trần do ý thức sai sử, còn khi không duyên ngòai một mình nó khởi nhớ cái gì đâu đâu, chuyện năm ba năm về trước cho ai mượn món đồ gì chưa trả khởi niệm bức bối đó gọi là ý căn duyên pháp trần.

Bây giờ tu chư thiện tri thức phải thấy được tâm của mình nó tạo cái gì, chư tổ nói: “ Tự kiến bốn tâm, thức tự bốn tánh”. Chơn tâm tròn sáng không có một gợn trần nhưng vì bất giác mê muội phát ra vọng, rồi từ vọng nó

tạo nghiệp để thành quả khổ. Bây giờ phải dừng nơi vọng tâm, như dùng pháp môn niệm Phật ngăn chận vọng tâm, khi hết vọng rồi thì trả về chơn niệm, ví như người bệnh uống thuốc, hết bệnh thôi không dùng thuốc nữa. Ngài Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát nói: “ Từ bốn lai không có vọng niệm, khởi một niệm đầu thì thành vọng niệm, rồi nó tiếp tục như lượn sóng đồn dập. Bây giờ muốn cho pháp thân sống lại thì phải giết ngay cái niệm đầu đó đi, nó sẽ trở về chơn niệm tức là chỗ vô sanh chỗ đâu mà kiếm.

Trong kinh Niết Bàn đức Phật có nói: “Đừng đào đất kiếm trời” không bao giờ thấy được trời, ví như ôm cái chạy mà đi tìm cái đứng rồi nói chạy nhanh lên để gặp cái đứng, hoặc chạy chậm lại để tìm cái đứng cũng không bao giờ có cái đứng, vì vũ cầu vũ viễn mà, chỉ có dừng chạy nữa thì cái đứng hiện ra. Anh chàng Vô Não vì nghe theo thầy tà giết cho đủ một trăm người, mà người thứ một trăm mà anh định giết đó là mẹ anh, đức Phật dùng tuệ nhãn thấy được liền hiện thân để cứu bà lão và độ anh chàng Vô Não. Vô Não thấy Phật liền nghĩ: À, hay là mình giết ông này thay thế mẹ mình cho đủ số một trăm, thế rồi anh ta xách dao rượt theo Phật, nhưng lạ thay Đức Phật chậm rãi đi từng bước còn anh Vô Não thì chạy rầm rập mà không bao giờ theo kịp Phật, hai người luôn có một khoảng cách độ ba thước thôi, anh ta tức quá gọi to:

- Gã kia sao không dừng lại ?. Phật đáp:

- Ta đã dừng lâu rồi, chỉ có nhà người chưa dừng đó thôi.

Vô Nãi vừa nghe qua chột tỉnh ngộ, cúi đầu sụp lạy và quy y theo Phật. Vậy Đức Phật đã khai cái gì mà Vô Nãi chột ngộ ? Đó là chỗ dừng vọng tâm, đức Phật đã dừng lâu rồi nên bây giờ ngài mới là Phật, là đáng “Thiên như chi sư”, còn chính ông ta chưa dừng mới tạo nghiệp sát, giết hại cả một trăm mạng người!

Câu chuyện thứ hai mà tôi dẫn chứng là trong kinh Thủ Lăng Nghiêm. Nàng Ma Đăng Già dùng tà chú quyến dụ ngài A Nan sắp phạm giới thể. Đức Phật cho ngài Văn Thù đến giải nạn đem A Nan cùng Ma Đăng Già về tịnh xá. Phật khai thị Ma Đăng Già tỉnh ngộ xuất gia tu hành, ít lâu sau chứng quả A La Hán. Vậy Ma Đăng Già nào gọi là dâm nữ, Ma Đăng Già nào chứng A La Hán ? - Cũng một đó thôi nhưng khi vọng tâm khởi dậy là chúng sanh, vọng tâm dừng tức Phật tánh. Cho nên nói: “Nhứt thiết duy tâm tạo, vạn pháp duy thức biến”. Thức thứ sáu này trong Duy Thức học gọi là độc đầu ý thức, chỗ hoạt động của nó không thể lường được, chư thiện tri thức nên khéo nắm giữ. Chư tổ thường nói: “Dục cầu kiến Phật đản kiến chúng sanh”. Muốn thấy Phật trước phải thấy chúng sanh, phải biết cái chúng sanh trong tâm mình nó hoạt động chỗ nào, phát tác chỗ nào để mà dừng. Thường chúng ta tu hay nói bị ma khảo, thật sự ma là tâm chúng sanh của mình, muốn trừ ma là phải dừng ngay nơi tâm mình chỗ không có ma nào bên ngoài đâu mà cái chúng đó từ đâu mà đến? - Cũng từ nơi chính

mình đem nó vào nhà, khi ưa thích nó thì thấy nó ngay thẳng, tốt đẹp đem nó về nhà nuôi nấng nó, đến khi biết nó là tên trộm trá hình vào nhà khiêng của mình thì phải chính mình đuổi nó ra chứ ai đuổi!

Chư thiện tri thức ơi, phải chăng tự mình cột trói mình vào đường sanh tử luân hồi chớ có ai trói mình đâu! tổ Đạo Tín đến tổ Tăng Xán xin ngài dạy cho pháp môn giải thoát. Tổ hỏi:

- Ai trói buộc người ?
- Không ai trói buộc con hết

Tổ nói:

- Vậy cầu pháp môn giải thoát làm gì ?

Ngay đó ngài Đạo Tín đại ngộ sụp lạy và theo hầu tổ thờ làm thầy. Vậy Tổ khai cái gì mà ngài Đạo Tín đại ngộ ?. Ngay câu nói của Tổ: Đã không ai trói buộc cầu giải thoát làm gì?. Cái chỗ không có chúng sanh, tự mình khởi chúng sanh tức là mình sấm một sợi dây thừng trói cột mình rồi đi cầu giải thoát. Mình đã tự cột thì mình tự tháo ra chớ ai tháo mà cầu. Tổ chỉ cho ngài Đạo Tín cái chỗ: “Muốn thấy Phật là thấy chỗ chúng sanh không còn nữa” tức là dừng cái chúng sanh mới thấy được ông Phật.

Hằng ngày trong cuộc sống chư vị đem cái lớp chúng sanh phủ lên ông Phật rồi cầu thấy Phật, gặp Phật làm sao mà thấy được, chỉ khi nào chư vị chịu khó cởi bỏ lớp chúng sanh đi thì tự nhiên thấy Phật.

Chư thiện tri thức nên biết cái sanh, già, bệnh, chết nó không vị mình, ngay bây giờ mình phải ươm rầm hạt giống Bồ đề vào tạng thức, nhắm hướng nhứt lộ mà đi, cứ

đi hoài nó sẽ tới, không sợ bị lạc hướng; đừng nghĩ rằng tu vô lượng kiếp lâu quá! nếu không tu thì trong vô lượng kiếp mãi trôi lăn trong sanh tử luân hồi làm sao đây ? mình tự trói mình bây giờ mình phải từ từ tháo gỡ ra, một giọt nước nhỏ lâu ngày cũng đầy bình, chư tổ thường nói: "Ngộ thử pháp môn do nhữ tập tánh". Dù có đăng pháp môn người chỉ, cũng phải do nơi mình tu tập, mình thấy chỗ nào ô nhiễm thì dừng ngay (dừng nơi ý) phải dừng trong từng sát na, huân vào tạng thức từng hạt giống chánh như đến khi tâm không còn ô nhiễm nữa thì như năm anh phổ ky không có việc làm, vì ông chủ (ý căn) không còn sai sử nữa. Tâm không thị phi, không thương ghét nữa thì ngoài tướng cũng không động, tướng động là chỗ sanh diệt, là chỗ thấy biết của chúng sanh, gọi là chúng sanh tri kiến, đến khi tâm không dính mắc ô nhiễm nữa thì không còn sanh diệt gọi là Như Lai tri kiến, hai chỗ này tuy thấy khác mà cũng đồng nên Tổ nói: "Nhược nhưn thử tri giả, chúng sanh dữ Phật đồng".

Chư thiện tri thức nên thấy chỗ khác và chỗ đồng này, ví như cây măng và cây tre, có cái không khác tức là măng sẽ thành tre, ngoài cây măng không thể nào có cây tre mà nói đồng rồi đốn măng về để đưng thúng thì không được, vì chất măng nó khác với chất tre mà! ông Xuyên thiền sư nói: "Nhỏ thì gọi nàng dâu, già thì gọi cụ già". Giữa nàng dâu với cụ già không khác nhưng khi còn nhỏ sống với cha mẹ chồng thì gọi nàng dâu, khi già có con cái cưới vợ gả chồng cho con thì gọi cụ già chớ không ai gọi nàng dâu nữa

Trong kinh Pháp Hoa Đức Phật thọ ký: “ Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành” Phật chỉ cho chúng ta thấy chỗ đồng và chỗ khác này. Đồng là đồng một bản thể, Phật và mình có cùng một bản thể (Phật tánh) giống nhau, nhưng khác là chỗ chúng sanh, mình đang sống với cái chúng sanh tri kiến, rồi mai kia mình tu từ từ cái chúng sanh tri kiến mòn dần đến sạch thì lúc đó sẽ là Phật, cũng một tâm này mà hướng về chúng sanh thì là chúng sanh, hướng về Phật sạch hết chúng sanh thì là Phật, chớ Phật không ngoài tâm này nhưng chớ vì muốn hết chúng sanh thì phải gia tâm tu tập. Kinh nói:

*“ Tắng ái bất quan tâm
Trường thân lưỡng cước ngọa”
Thương ghét chẳng bận lòng
Duỗi thẳng hai chân nghỉ*

Thương ghét là tâm sanh diệt, khi tâm sanh diệt dừng hẳn thì trả về bản thể thanh tịnh, thân được ngủ nghỉ an ổn. Đó là chỗ tu ý chỉ, khi ý chỉ thuần rồi thì bước sang phần diệu chỉ.

3/ Diệu chỉ:

Tu ý chỉ ví như miếng đất đã cày bừa, dọn sạch cỏ rác rồi mà chưa có hạt giống, nếu chưa có giống gieo thì lấy đâu có kết quả! chữ “ diệu” nghĩa là khéo không nhìn ngay người đó nhưng liếc qua liền biết người đó quen hay không quen. Chỗ này là từ ý chỉ nó sang liền, rất nhanh, nhưng vẫn còn pháp vì vẫn còn dính với ý chỉ, như người

bệnh đã hết bệnh rồi mà buông thuốc thì bị bệnh lại, cho nên tuy biết bệnh mà chưa dám buông thuốc.

Ý chỉ là dừng ngay ý căn rồi cứ giữ gìn chỗ này mãi chẳng khác nào chú lính giữ tù, tù ở ngoài nắng mình cũng phải ở ngoài nắng, cứ cho mình là lính chốt không phải tù nào ngờ giữ tù hoài. Chẳng khác nào người tù, sợ mất nó mình phải ở tù nên lúc nào cũng theo sát canh giữ nghiêm nhặt không dám rời. Tức là còn ý là còn cái giữ, bây giờ sang giai đoạn ba là diệu chỉ.

Diệu chỉ là khéo dừng mà không còn chặn giữ cái ý như chặn tù nữa, tuy nói không chặn mà bỏ cái ý cũng không được. Khởi không giữ thì bị dính cái không giữ, khởi giữ thì bị dính cái giữ, cho nên nói “Diệu” mình không khởi mà nó có (khéo)

Giả dụ khi làm giấy chứng minh nhân dân, chỗ tên họ cha mẹ có hai vòng ngoặc. Hỏi ông già còn sống hay chết?

- Dạ thưa ông già tôi không sống.
- Không sống thì ghi chết, không chết thì ghi sống chứ không có lưng chừng khoảng giữa, cũng không có khởi nghĩ phải ghi thế nào.

Trong kinh Thủ lãng Nghiêm đức Phật dùng diệu chỉ khai thị cho Ngài A Nan.

Phật bảo Ngài La Hưu La đánh một tiếng chuông “Boong” rồi hỏi Ngài A Nan.

- Ông có nghe không?
- Thưa, con có nghe.

Khi tiếng chuông ngưng Phật lại hỏi:

- Ông có nghe không ?

Ngài A Nan thưa:

- Bạch đức Thế Tôn con không nghe. Phật quở:

- Tại sao có tiếng thì ông đáp nghe, không tiếng thì ông đáp không nghe ? vậy khi không có tiếng chuông thì cái nghe của ông đi đâu ?.

Chỗ này là chỗ “ Diệu chỉ ” chư vị nên khéo nhận ra. Có tiếng là khi nhĩ căn duyên thính trần gọi có nghe, còn không tiếng tức thính trần không có chỗ đâu phải cái tánh nghe không có, cái tánh nghe nó thường hằng hiện hữu nơi ta, có cảnh thì nó động theo cảnh, không cảnh thì nó vắng lặng (thể) chỗ đâu phải không nghe !

Một dẫn chứng khác: Một hôm họ Mã Tổ đang đi bách bộ với ngài Bách Trượng, chợt thấy một bầy le le bay ngang, Mã Tổ hỏi:

- Bầy gì đó vậy ?

- Thưa, bầy chim le le

Mã Tổ hỏi tiếp:

- Nó đâu rồi ?

Bách Trượng thưa:

- Nó bay mất rồi!

Mã Tổ liền nắm chóp mũi ngài Bách Trượng vặn đau điếng, Ngài Bách Trượng la lên:

- Ối cha! Ối cha!

Mã Tổ hỏi:

- Sao không nói bay mất rồi ?

Ngay đó Ngài Bách Trượng đại ngộ

Chỗ đau quá là chỗ “ Diêu chỉ” mà Mã Tổ khai cho ngài Bách Trượng, bấy chim le le bay mất nhưng cái thấy cái biết (biết đau) vẫn sờ sờ đó chớ có mất đâu. Chỗ này không còn chẵn như anh lính chẵn tù nữa mà tự nó khéo(diêu) nhận ra. Vặn mũi đau quá liền biết đó là chỗ diêu chỉ, nhận ngay mà không qua ý căn phân biệt.

Vua Trần Nhân Tôn tức sơ tổ của phái thiền Trúc Lâm Yên Tử đã nói:

Nhứt thiết tâm bất sanh
Nhứt thiết tâm bất diệt
Nhược năng như thị giả
Chư Phật thường hiện tiền.

Cái chỗ mà tâm không sanh diệt, không dính mắc đó, thì ảnh hiện của chư Phật ngay nơi mình, chỗ này không phải dùng mắt mà thấy, không phải khởi thức mà thấy nên nói:

Chỗ chưa từng nghe, được nghe mới thiết nghe.
Chỗ chưa từng thấy mà thấy mới thiết thấy.
Chưa từng tu mới thiết tu.

Vì chỗ đó nó đã sẵn có ngay nơi mình, chỉ cần nhận ra nó thôi. Chư vị hãy để tâm vắng lặng thì nó hiện tiền, nên Tổ nói:

Dục kiến Như Lai diện
Tiên cầu tự tại tâm

Muốn thấy đức Như Lai, trước phải tu cầu tự tại tâm. Nói cầu đây không phải mong ước suông, chư thiện tri thức nên nhận định rõ chỗ này. Nếu ngồi đó cầu nguyện cho tâm mình tự tại thì không bao giờ có, mà muốn được tâm

tự tại trước phải dứt cái chúng sanh, gọi là “Tuyệt hậu”. Phải dứt tuyệt đi, phải làm chết đi cái vọng động, cái sanh diệt, cái phải quấy, hơn thua.vv.

Khi cái sanh diệt đã dứt tuyệt rồi thì cái tâm tự tại hiện tiền gọi là “Tái tổ”, tức là sống lại, sống lại với cái bản thể thanh tịnh của chính mình.

Trong kinh Kim Cang Ngài Tu Bồ đề hỏi Phật làm thế nào để hàng phục tâm, đức Phật dạy:” Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”.

Không trụ vào sắc sanh tâm, không trụ vào thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, không có chỗ trụ mà sanh tâm tức là cái tâm này vậy. Cái tâm không trụ, không dính mắc vào pháp chúng sanh, vào sanh diệt vô thường đó mới thật tâm.

Nhận được đến đây rồi bây giờ tôi xin bước sang” Mật chỉ”

4/ Mật Chỉ:

Mật chỉ là chỗ vi diệu, chỗ bí mật. Tại sao nói bí mật ? vì chỗ này không thể chỉ bằng tay, không thể nhìn bằng mắt được.

Từ chỗ không chặn, không khởi của diệu chỉ bước liền qua mật chỉ, nó liền ngay đó chứ không tìm kiếm đâu xa, không phải bỏ chỗ này đến chỗ kia mà có.

Trong A lại da thức trước kia nó chứa nghiệp sanh tử, nào là thương ghét, vui buồn, thiện ác, phải quấy vv bây giờ nó đã loại ra hết những thứ ấy rồi, nó không sanh không diệt, trong Duy thức học gọi là bạch tịnh thức, nó

là trí cao tột của bốn trí tức là “Đại viên cảnh trí”, nó không nhờ tu mà có, không nhờ chứng mà được, chỉ khi nào hết cái chúng sanh sanh diệt thì nó hiện tiền. Nên nói: “Thủy động sanh ba, ba tàn hoàn thủy”. Nước động thì mình thấy sóng mà sóng tan thì trở lại nước. Tâm còn khởi tức không phải chỗ vi diệu, không khởi mà tự nó sáng suốt đó mới thật chỗ vi diệu, chỗ này không hình tướng, không màu sắc, không thể dùng mắt thấy hay dùng lời diễn tả cũng chỉ là gương nói mà thôi.

Có một vị thiền sư tên Xuyên gọi tắt là Xuyên thiền sư, ngài dùng ba chữ “Như” để diễn tả chỗ ấy: “Như, như, như” nó như bóng trắng trong gương, nhìn vào gương thấy bóng trắng nhưng không làm sao cầm nắm được.

Tôi xin mượn bài kệ của ngài Tông Bổn thiền sư để nói lên chỗ này:

Sơn cư phong cảnh tự thiên nhiên
Đại đạo chi chiêu tại mục tiền
Bất thức tổ tông, thông mật chỉ
Đồ lao niệm Phật dữ tham thiền

Dịch:

Núi non phong cảnh tự thiên nhiên
Đạo lớn chỉ trong trước mắt liền
Không biết tổ tông thông mật chỉ
Nhọc công niệm Phật với tham thiền

Ý nói các pháp hữu vi (núi non) là do nhơn duyên có sanh có diệt, tự nhiên trong định luật vô thường như vậy thôi, còn cái đạo lớn (chỗ bất sanh bất diệt) không ở đâu xa, gần ngay trước mắt mình. Nếu người tu mà không

thấy được chỗ này thì dù có nhọc công niệm Phật mười chuỗi, hai mươi chuỗi, hay ngồi thiền ngày hai, ba giờ cũng chỉ vô ích mà thôi. Tóm lại qua pháp Thiền trực chỉ nếu nói qua từng giai đoạn phương tiện thì trước phải tu năm căn, giai đoạn này ví như nói chi tiết hình một con voi: con voi (lỗ tai) như cái quạt, con voi (cái bụng) như cái trống, con voi (đuôi) như cây chổi. Qua đến ý chỉ và diệu chỉ thì nói toàn diện con voi, không nói chi tiết nữa. Qua mật chỉ thì con voi như tấm vách, không còn chi tiết, không còn toàn diện gì nữa mà nó sờ sờ trước mắt không chỗ phân biệt, không chỗ nghĩ bàn nữa.

Hôm nay do duyên lành nhiều kiếp, cũng do nơi phước báo chánh nhơn của Hòa Thượng viện chủ, nên bản tăng cùng chư thiện tri thức được gặp nhau trong pháp hội Huệ Quang này, bản tăng mạn phép khai Thiền trực chỉ, chỗ mà đức Phật nói mà không chỉ (Phật thuyết như bất pháp sử quý thân như kinh hải), chư thiện tri thức nên ráng tu hành, bản tăng như người chữa bệnh cho thuốc, chỉ phương pháp, chư vị cần phải theo toa mà uống mới lành bệnh được.

Vã lại trong chuyện hoằng pháp lợi sanh, bản tăng thấy mình tài sơ trí thiếu, nhỏ nhít như con chim tiều liêu, hết sức nhỏ hơn các loài chim khác. Nhưng vì trong kinh Pháp hoa đức Phật có nói: “Tam giới vô an du như hỏa trạch”. dục giới, sắc giới, vô sắc giới đều ở trong nhà lửa vậy thôi; thế nên dù sức kém tài hèn bản tăng cũng nguyện làm hết bốn phận mình hầu báo đền ơn đức Phật.

Nhìn đám lửa hồng đang bùng bùng cháy dậy mà sức mình bé nhỏ như con chim tiều liêu phải làm sao đây?

Chỉ vì lòng thành chơn thật, chim bay ra biển cả uống một bụng nước cho đầy, nhúng thân mình vào biển cho ướt long ướt cánh, rồi ngậm thêm một miệng nước, xong nó bay vào đám lửa hồng đang cháy, nó ói nước trong bụng ra, giữ lông cánh cho ướt nước xuống, rồi nó bay ra biển cả cũng bằng cách ấy, chỉ mong dập tắt lửa hồng.

Sức chim bé nhỏ nhưng chí lớn không gì ngăn ngại nổi, cũng như sở nguyện của bậc tăng để báo đền ơn đức Phật chỉ mong thời pháp hôm nay chư thiện tri thức được nhiều lợi ích.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

HỎI : Xin Hòa Thượng dạy cho pháp gì để không còn sanh tử. Nói rằng nhập Thánh đâu chưa nhập được mà vẫn còn thấy vô thường sanh tử một bên. Vậy thì chư tổ dạy sao ? hay là Hòa Thượng dạy sao ? để sao Phật tử ngay nơi đây mà được chắc rằng mình hết sanh tử trong hiện tại. Kính mong Hòa Thượng chỉ giáo cho

ĐÁP : Tâm mình vốn không sanh thì đâu có tử, cũng như kinh Bát Nhã nói: “ Vô vô minh diệt vô vô minh tận” không có vô minh cũng không có cái hết vô minh. Còn theo thứ lớp mà nói thì có kiến tánh khởi tu và kiến tánh không tu.

1/ Kiến tánh khởi tu: Là nhận biết nơi mình có tánh Phật nhưng vì tâm chúng sanh còn ô nhiễm nên tu bỏ ác làm thiện, rồi từ cái thiện này lên tới cái thiện kia cho đến khi thuần thiện.

2/ Kiến tánh không tu: Là nhận được nơi mình có tánh Phật, tâm liền vắng lặng trong sạch không còn ô nhiễm, mà không ô nhiễm thì tu làm gì, tu là “Đầu thượng thêm đầu, tuyệt thượng gia sương” chỗ này là chỗ sẵn có rồi không phải tu chi nữa.

Ví dụ cụ thể như: Từ sáng tới giờ chư thiện tri thức ngồi đây nghe pháp, tâm chư vị có khởi vọng theo cảnh duyên thì phi thương ghét không ? không chớ gì ? mà chư vị có dùng pháp gì tu định không ? cũng không chớ gì ? không khởi tu định mà không khởi vọng thì tự nó định rồi đâu cần tu nữa.

Cho nên muốn chấm dứt sanh tử thì ngay nơi tâm mình **đừng sanh, đừng nhiễm**. Không dính mắc không ô nhiễm là không sanh, mà không sanh thì đâu có tử. Đó là chư vị dứt được sanh tử trong hiện tại vậy.

BÀI 2

VÔ SANH

Đức Phật có nói: “Dục tri tiền thế nhơn, kim sanh thọ giả thị”. Muốn biết việc đời trước hãy xem việc hiện tại. Mọi sự trên thế gian này đều không ngoài nhân duyên. hôm nay đây bần tăng cùng chư vị gặp nhau trong pháp hội này cũng do nhơn đã gieo rồi bây giờ kết thành quả. Vậy nên tôi xin lấy cái nhơn gieo lại cho kiếp vị lai bằng một bài giảng với đề tài “Vô sanh”

Vô sanh là chỗ mà người tu tiểu thừa hay đại thừa gì cũng phải đến, chỉ khác nhau ở chỗ công hạnh cao thấp mà thôi. Cõi của chúng ta đang sống đây gọi là ngũ trước ác thế, hay cũng còn gọi là “Uế độ”, tức là cõi ô uế, chúng sanh chịu không biết bao nhiêu cảnh khổ. Trong trung A Hàm Phật nói kinh “Uế phẩm”, chỉ cho chúng ta thấy trong cái hàm tàng thức của mình nó chứa không biết bao nhiêu cấu uế, lòng ham muốn của con người không biết bao nhiêu là đủ, nghèo thì muốn cho đủ ăn, đủ ăn rồi cũng chưa chịu, muốn cho khá, khá rồi muốn cho giàu. Chính vì ham muốn nhiều, tạo nghiệp nhiều nên cõi này gọi là uế độ. Phật dùng “Hoa sen” dụ huyển, trong cõi uế trước đó có chỗ không dính nhiễm như đóa hoa sen mọc lên giữa chốn bùn nhơ. Kinh Pháp Hoa Phật cũng lấy cảnh hoa sen khai quyền hiển thiệt để dẫn dắt chúng sanh ngộ nhập vào tri kiến Phật.

Hiện tại đây chúng ta thờ Phật, tạc hình tượng Phật ngự trên tòa sen, có phải thật là ông thái tử Sĩ Đạt Ta đi tu chứng quả rồi lên tòa sen ngồi không ? không phải vậy đâu, Phật ngồi tòa sen là ý nói đức Phật (chỉ Phật tánh) trong sáng không chỗ nhiễm ô, không vướng mắc, ngay nơi chỗ ô uế mà có cái không ô uế ví như cành sen mọc lên giữa chốn bùn nhơ. Chỗ không ô uế đó là chỗ “ Vô sanh”, nhưng làm sao để được vô sanh, đó là điều chánh yếu mà chư vị cần nên để ý.

Bên giáo có nói: “ Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh”, hoa nở thấy Phật chứng vô sanh. Nghe vậy rồi chư vị về trồng một bồn hoa, mỗi ngày chăm sóc bón phân tưới nước cho hoa nở để được thấy Phật, được chứng vô sanh phải không? Không phải vậy đâu! hoa đây là “Tâm hoa”, là đóa hoa trong lòng mình. Khi nào đóa hoa trong lòng mình bừng nở thì Phật hiện tiền, đó chính là chỗ vô sanh. Nhưng muốn cho đóa hoa lòng này bừng nở thì phải làm sao ?

Trong nhân gian có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông, khi mùa xuân đến trăm hoa đua nở, đêm giao thừa bỏ cũ sang mới, người người hân hoan chờ đón, hoa xuân nở, người đón xuân sang, nhưng nhờ đâu mà hoa xuân đua nở ? Nhờ ngọn gió xuân tươi mát, nhờ ánh sáng dịu dàng không nóng gắt chói chang như vào trưa mùa hạ. Đóa hoa trong lòng mình cũng vậy, muốn cho hoa lòng bừng nở thì chư thiện tri thức phải tạo điều kiện ngăn chặn chỗ **phát sanh của tâm**, chỗ ô nhiễm, chỗ dính mắc trong tâm mình, có vậy mới đến chỗ vô sanh được. Mà chư vị nên

biết muốn kiếm chỗ vô **sanh** phải kiếm trong chỗ sanh, muốn kiếm chỗ té rồi đứng đây thì ngay nơi chỗ té mà chỗi. Chư thiện tri thức phải thấy trong từng cái sát na sanh diệt, phải dừng trong từng sát na, tức là phải vô sanh trong từng sát na sanh diệt, vì vô sanh không ngoài sanh mà có, hoa sen mọc từ bùn lầy mà chỗ **sanh diệt** là chỗ mà hằng ngày ta tiếp xúc với trần cảnh nó **khởi sanh đủ thứ**, nếu nắm căn bên ngoài và ý căn bên trong, các căn này trong sáng hoàn toàn tức là hoa lòng bùng nổ, cho nên trong từng sát na nó khởi sanh thì từng sát na chúng ta phải ngăn chặn để liền đó **vô sanh**.

Mắt thấy sắc không đắm nhiễm là dừng được tạng nhãn. Tai nghe tiếng không thương ghét là dừng tạng nhĩ. Thân xúc chạm mềm mại hay trơn lán mà không tác ý ưa thích là dừng thân rồi vv... Nhưng mà đến ý thì khó hơn, chú "Ý" này xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị; chỗ nào cũng có chú hết. Đang ngồi đây, mắt, tai không xúc cảnh mà vọng khởi hoài. vì chỗ này mà chư vị phải nhiệt liệt trực chỉ luôn luôn, phải canh chừng như giữ của không cho kẻ đạo tặc tới trộm cắp, giữ đến chừng nào nó không khởi nữa thì tâm thanh tịnh, mà tâm thanh tịnh thì đây là cõi tịnh độ rồi chớ đâu mà kiếm, nên chư Tổ nói: "Hà kỳ tâm tịnh tức Phật độ tịnh", mà tâm mình tịnh tức là "Độ" rồi đó, mình độ biết bao nhiêu cái khổ ách của chính mình, còn tâm không tịnh thì làm sao nói độ! nên có câu: "Tâm tịnh thì cô ư dị đắc", Tâm tịnh thì việc gì cũng xong, việc gì cũng thành, bởi vì tâm tịnh là tâm sáng suốt, nên làm việc gì cũng trong cái sáng suốt mà giải quyết, công việc

đó rất dễ thành công. Cũng như nói: “Tánh tạng thì vạn cảnh giai minh”, cái thể tánh của mình nó ẩn náo chỗ sâu kín, nếu mình sống được với nó thì tất cả mọi cảnh mọi việc đều được sáng suốt rõ ràng. Nhưng chư thiện tri thức muốn đến quả trước phải tạo nhơn, không có nhơn thì không đến quả, mà đến quả rồi thì không còn nhơn nữa, nó trả về cho cái quả. Trong vô lượng kiếp chúng ta phải chịu nổi chìm trong biển khổ, chúng ta chịu không biết bao nhiêu lượn sóng dập dồn trôi giạt, nên đức Phật nói nước mắt chúng sanh nhiều hơn biển cả. Chúng sanh trong vô lượng kiếp khóc than nhiều như vậy thì sự khổ biết dường bao! Nay muốn hết khổ được vui phải gieo nhơn vô lậu, Phật nói: “Diệt vô phiền não, chi lậu dĩ tận tức đắc A La Hán quả”, diệt hết phiền não, dứt sạch lậu hoặc tức đắc quả A La Hán, nhưng đến đây chỉ là vô sanh nhĩ mà thôi chưa được chỗ vô sanh pháp nhĩ.

Bậc tiểu thừa dừng ở vô sanh nhĩ thì thấy khỏe rồi, đủ rồi nên bằng lòng ngay đó, trụ vào đó, ví như con dê ra khỏi bầy nó mừng quá co giò mà chạy, không dám nhìn lại đồng đội mình, miễn mình ra khỏi bầy thôi.

Qua trung thừa thì Phật dụ con nai nó ăn cỏ lộc lữa trong lúc đêm khuya, nó có lộc nhung, có lông từ bi trong đó rồi. Ra khỏi bầy nó đi không đành, mà vào gỡ bầy để giúp đồng đội thì không dám, sợ bầy sập lần nữa nên nó cứ lững chững hoài.

Đến đại thừa bạch ngưu chi xa, ra khỏi bầy liền mở bầy ngay không để người khác vấp phải bầy, đó là phá tâm vô thượng bồ đề, nếu mình còn ôm giữ bản ngã thì

không thể phát tâm này được, nên Phật dạy chư Bồ Tát cứu độ chúng sanh, Bồ Tát phải có đủ tứ vô lượng tâm, sáu pháp Ba La Mật và dứt bốn tướng chúng sanh. Đến chỗ này là chứng được vô sanh pháp nhẫn.

Phân tách rõ như trên chúng ta thấy được tuy một con đường mà hai điểm đến:

Bậc Tiểu thừa —————> vô sanh nhẫn

Bậc Đại thừa —————> vô sanh pháp nhẫn

Chư thiện tri thức nên tự nơi chính mình cố gắng làm sao cho đóa hoa lòng khai nở, tranh thủ mỗi ngày làm giảm bớt sự lôi cuốn của các căn, như đơn giản nhất là cái ăn và cái ngủ. Ăn là nhu yếu tối cần để nuôi mạng sống nhưng chư vị nên bớt cái lòng vì chỗ ham ăn! ngủ cũng ngủ mà bớt cái chỗ mê ngủ, gọi là ngủ gật gù gật gương đó, mà phải ngủ có chừng mực thôi, ngủ chừng mực thì không bị mê mà ngủ nhiều thì nó bị mê mệt. Sáu căn nó nằm bên mình, nếu duyên theo nó thì nó đưa mình vào chỗ tối tăm không phát huệ được. Cho nên ngoài hai mươi địa thuộc về mười điều thiện, mười điều ác còn năm địa trong ngũ uẩn của mình là tài, sắc, danh, thực, thù. Nhịn ăn được, nhịn tiền được, nhịn sắc được, nhịn danh lợi được mà cái thù là ngủ nhịn không được đồ đa. Vậy phải làm sao tu cho được chỗ này ?

Quý vị phải cầm cự với nó, ban đầu thức tới canh một ngáp lên ngáp xuống, dần dần quen không ngáp nữa, bắt đầu thức tới canh hai, cứ ráng nay một chút, mai một chút sẽ thắng được, vì cái ngủ là đệ thứ hai mươi lăm này nó ngật lắm, nó làm chướng ngại người tu, chư vị nên cố

gắng, vì cái thân này ở trong vòng sanh diệt, bây giờ muốn thoát ra khỏi chỗ sanh diệt không phải là dễ.

Đức Phật chế ra oai nghi tế hạnh cũng chỉ để người tu chúng ta thúc liễm thân tâm lúc hành, trụ, tọa, ngọa đó thôi. Ở trong oai nghi tế hạnh để ngăn đón vọng tâm, vì do vọng tâm mà có sanh có diệt, mà sanh diệt là chủng tử của luân hồi, còn dứt sanh diệt thì đường luân hồi không còn lôi cuốn nữa, nên khi mê thấy nọ thấy kia, khi mừng khi sợ, mà đến lúc tỉnh rồi thì thấy nó như giấc mộng thôi, không dính dáng gì với khi thức hết. Chỉ vì chỗ vô minh mà trong nhiều kiếp chúng ta quanh đi lộn lại và kiếp hiện tại cũng vì vô minh mà gá vào thân này. Thế nên trên đường tu ta đừng để lệ thuộc vào nó, đừng để nó lôi kéo ta nữa, trong sát na nào ta cũng ở trong chỗ không sanh diệt. Nhưng chư vị nên biết chỗ này cũng còn kẹt nhị biên nếu mình chấp trụ vào đó, không dính cái quấy thì cũng còn dính cái phải, mà còn dính cái phải thì cũng còn bị trói buộc.

Nên cái dòng thiền của chư Tổ đưa chúng ta thoát khỏi nhị biên, không có chúng sanh mà cũng không có Phật nữa. Tổ phá cái tâm vọng cầu, còn vọng cầu Phật tức là cái chúng sanh “Vọng” nó “Cầu”.

Không cầu Phật mà có Phật, chỗ không có gì hết mà có đó mới là chỗ chân thật của chính mình. Vì vậy trong đại tạng kinh Bát Nhã nói “Không có gì hết mà có đủ hết”, còn ôm cái chúng sanh mà cầu thì không vào tam muội được, hể còn nguyện là còn dục, còn ham muốn trong tâm, đó là nhưn sanh diệt, lấy nhưn sanh diệt mà tu

thì không thể đến quả Phật được. Đó là mình nuôi dưỡng con đường sanh tử như tôi nghe chư Phật tử thường nói:

- Tôi làm phước để nhờ kiếp sau.

Đó có phải mình còn nuôi dưỡng nghiệp sanh tử kiếp sau hay không ? ráng làm phước để kiếp sau nhờ tức là muốn kiếp sau trở lại đây chứ gì ? tu như vậy là nuôi sanh tử chứ không dứt sanh tử được. Tổ có dạy chúng ta rằng:

Ngột ngột bất tu thiện

Đằng đằng bất tạo ác

Đoạn đoạn bất kiến văn

Tạo ác không tạo thì phải rồi, nhưng tu thiện cũng không tu là sao ? - bỏ ác mà làm thiện là còn chấp một bên, còn thấy thiện để làm, thấy ác để bỏ, ví như nói đây là màu trắng vì có đen nên mới phân biệt có trắng, nếu không có đen thì không dùng tiếng trắng mà nói màu gì cũng được, nó chỉ thuần một màu thôi, rồi đến cái kiến văn giác tri là cái thấy biết của chúng sanh, lấy chúng sanh ngăn chúng sanh là còn trong thế gian pháp. Phật dạy chúng ta không lấy kiến văn giác tri mà nhập vào Như Lai tri kiến tức Vô nguyện, Vô tướng, Vô tác. Bên giáo qua bốn giai đoạn là khai, thị, ngộ, nhập. Thiền cũng có bốn giai đoạn là trực, tri, nhận, nhập, đó là chỗ thẳng tắt, chỗ đốn giáo.

Ngài Xuyên thiền sư nói: “ Như, như , như , mình kiến đương đài vạn tượng cư ”. Tắm gương sáng suốt thì mọi sự vật đều hiện ra trong đó, không cần tìm cầu gì hết, nếu còn dùng tướng cầu thì không bao giờ gặp Phật, “ Vô cầu kiến Phật tướng, tự nhiên thấy Như Lai ”.

quyền hiển thiết, nên khi Phật đã thành Phật rồi thì đâu còn bố thí nữa. Đừng nghe hạnh Bồ Tát bố thí thân rồi người ta xin cái tay, đưa tay cho người ta chặt thành mang tạt! nên biết nhập vào chỗ Phật tri kiến thì bố thí cũng không có (không chấp) mà tham lam cũng không có.

Bát Nhã Tâm Kinh nói “ Vô vô minh diệt” không có vô minh thì diệt cái gì! “ Vô vô minh tận” cũng không có cái hết vô minh thì có gì đâu mà diệt mà tận.

Chư vị nên biết không tán loạn tức là chơn định rồi, chớ lầm như người cỡi trâu mà đi tìm trâu đó đạ! Tổ nói: “ Thù khước bạch ngưu xa tánh ư môn ngoại mịch tam xa”. Minh ngồi trên cái xe bạch ngưu mà nhìn ra ngoài tìm cái xe bạch ngưu, chẳng khác nào tên mục đồng sáng chủ giao cho mười con trâu đếm đủ số, chiều đến nó cỡi con trâu cổ, lừa trâu về, nó kiểm lại còn chín con, sợ chủ đền nó khóc bù non bù nước, gặp lão tiều hỏi nó: Sao cháu khóc! nó kể là chủ giao chăn mười con trâu, bây giờ còn chín con không biết làm sao! Ông tiều bảo nó đếm lại thì nó vẫn ngồi trên lưng trâu cổ đếm, từ một tới chín không tính con mình đang cỡi, ông tiều chỉ cho nó thấy cái sai lầm. Câu chuyện này cho chúng ta thấy cái gần nhất với mình mà mình quên nó đi.

Tại mình quên ông Phật của mình rồi khóc than, nói là tại vì vô minh rồi đi trừ vô minh, chớ thật sự không có “ Vô minh diệt, vô minh tận” mà! ví như từ sáng đến giờ chư thiện tri thức ngồi đây lắng nghe có dùng cái pháp tu định nào để tu đâu mà có định rồi đó. Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói:

- Tu mà vô tu mới thật chơn tu. tu mà đến vô chứng mới thiệt chơn chứng, nghe đến chỗ không nghe mới thiệt chơn nghe.

Sao gọi là chơn định ? Cái định không dùng pháp nào để định đó mới là chơn định, còn ngồi nhắm mắt để định, một lát mỗi mắt đi xuống hết định. Cho nên muốn vào chỗ chơn định đó phải không kẹt nhị biên (chỗ định và động), từ trong sát na không ở chỗ sanh, cũng không ở chỗ vô sanh tức là thoát được nhị biên thì cái sanh tử khỏi trừ mà tự nó tiêu hết hà, chắc chư thiện tri thức thắc mắc sao nói không tu mà vào vô sanh nhần, vô sanh nhần là chỗ đã lột hết cái vô u mê (sanh diệt) bây giờ mình không tu mà sáng suốt trong từng sát na không để bị rơi vào lớp u mê đó nữa thì đó là bất sanh bất diệt tức vô sanh rồi, còn nếu chưa hết cái lớp đó thì dù tu lên tới cõi trời vô sắc giới, hưởng hết phước rồi cũng phải xuống, không ra khỏi vòng luân hồi được.

Xưa Ngài Huyền Giác đến tham kiến Lục Tổ mà không lễ lạy. Tổ hỏi:

- Làm bậc Sa Môn bốn ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh đâu mà không lễ lạy ?

Ngài Huyền Giác đáp:

- Vì sanh tử đại sự vô thường tấn tốc. (ý nói chuyện sanh tử là chuyện lớn, vô thường mau chóng phải lo gấp cái chuyện lớn đó nên cần chi tiểu tiết).

Tổ hỏi:

- Sao không liễu chỗ vô sanh ?

Nghe qua Ngài Huyền Giác biết được chỗ kẹt tướng, thấy chỗ sanh tử sự đại mà chưa thấy chỗ vô sanh, thấy vô thường mau chóng mà không liễu cái không vô thường, nếu liễu được chỗ này thì nhập vào chỗ bất sanh bất diệt liền ngay đó. Thiền sư Tông Bồn nói:

Khô mộc lý long ngâm

Khô lâu lý nhân tình

Trong bông cây khô mà có con rồng ngâm

Trong sọ xương khô lại có con mắt nháy

Thiền sư Vĩnh Gia nói trong cái cục thịt (là thân này) nó có cái vô dị chơn như. Nên chư vị thấy mình được vào chỗ đó rồi thì đừng tu nữa vì tu nó sẽ dư, gọi là “Đầu thượng thêm đầu tuyết thượng gia sương” còn nếu chưa được hãy ráng mà tu. Tu ngay nơi căn ý mình đừng cho dính nhiễm, muốn thấy Phật phải thấy chỗ không có chúng sanh. Ví dụ có người chửi mình một câu:

- Anh là đồ chó. Vừa nghe qua liền giận đỏ mặt, đó là nhĩ căn đã bị dính nhiễm. Còn nghe qua liền nghĩ mình là người, cha mẹ mình đẻ ra mình rõ ràng hớ có phải chó đâu, anh ta nói trật rồi. Nghĩ vậy thì câu nói kia không còn dính dính gì đến mình, không dính thì tâm không động, cho nên nói:

Ở biển khổ mà có còn thiền

Ở sông mê mà có bến giác

Mình không dính thì ở còn thiền bến giác, còn dính nhiễm thì ở bể khổ sông mê, cũng chỉ do mình mà thôi. Giáo cũng có thứ lớp: khai, thị, ngộ, nhập. Thiền cũng có

trực, tri, nhận, nhập. Xưa chư Tổ muốn cho đệ tử nhập vào tánh Như Lai thường dùng nhiều cách khai nơi huyết thiền, như có người đến hỏi đạo Tổ đánh, có người đến hỏi Tổ dùng bình trà rót vào tách trà cho đầy mà thiền khách ngộ đạo.

Ông Bàng Long Uẩn hỏi Tổ:

- Người nào không cùng muôn pháp làm bạn ?

Tổ đáp:

- Ông về uống một hớp hết nước sông Giang Tây rồi lại đây ta trả lời cho.

Đó là Tổ trả lời rồi đó. Ông Bàng Long Uẩn không nhận được hỏi thêm, Tổ liền đưa tay bịch miệng, ngay đó ông ngộ đạo. Chỗ ngộ đó không có kiến văn giác tri. Thiền khách đến hỏi đạo, Thiền sư không trả lời mà vẽ con trâu, con chó vậy mà khách ngộ đạo! chuyện có lạ không ?

Lấy cái tướng mà khai cái chỗ tuyệt tướng, nhận liền tức ngộ. Chỗ không tướng, không nhiễm thì mới có Phật mà đó là chỗ vô ngôn không dùng lời diễn tả được. Kinh Pháp Hoa nói: “ Chi lậu dĩ tận diệt vô phiền não tức đắc A La Hán quả ” người tu đến đó, dứt hết phiền não chứng vô sanh, đắc quả A La Hán mà chỗ này còn bị Phật quở là mầm hư giống rui, còn ở “ Hóa thành ” chớ chưa đến “ Báo sở ” được. Muốn vượt qua hóa thành thì phải vạn duyên phóng hạ, đừng thấy mình được một pháp nào, có một pháp nào để chứng để đắc, còn thấy có là còn nắm, mà còn nắm là còn kẹt, cũng như người ngồi dưới chân núi cũng kẹt cái ngồi mà người ngồi trên chót

núi cũng kẹt cái ngòi. Thế nên phóng hạ vạn duyên phát tâm vô thượng Bồ đề, tự giác giác tha cho đến giác hạnh viên mãn.

Hôm nay nhân ngày đầu xuân, tôi nhớ có một vị Thiên sư nói: “Xuân đáo bách hoa khai”. Tôi mong sao chư thiện tri thức khai mở đóa hoa lòng, chư vị hãy mạnh dạn xé bỏ cái vỏ ra, xé bỏ cái buồn vui, ưa mến, phải quấy, ghét thương, đừng để một vọng tình nào dính mắc vào bản tâm trong sáng, chùng đó đóa tâm hoa bừng nở, phản phát hương thơm. Đó là “Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh”

Chư vị hãy nên cố gắng, Phật đã thọ ký cho chúng ta là Phật sẽ thành mà.

Tôi xin chúc chư vị thiện nam tín nữ đồng ngộ Phật tâm, đồng nhập Phật tánh, đồng thành Phật đạo.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

BÀI 3 TAM PHÁP MÔN

Ngày nay pháp môn "Thiền" rất được quần chúng mến mộ, chẳng những trong giới Phật tử mà cả những người không phải Phật tử cũng rất lưu tâm đến thiền.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thiền định 49 ngày đêm dưới cội bồ đề, ngài đã chứng vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nhưng hơn 2000 năm nay đệ tử Phật khi xuất gia tu Phật thì việc đầu tiên là phải cạo bỏ râu tóc, giới luật tinh nghiêm, song song với việc tham thiền còn phải hiểu thông giáo lý kinh điển.

Vì sao Phật không dạy đệ tử đến cội bồ đề ngồi thiền để được thành Phật mà phải qua giai đoạn giới tướng ? Vậy ba môn này (Thiền, Giáo, Luật) có liên quan gì với nhau, có lợi ích gì cho người tu Phật không ? đó là đề tài tôi nói chuyện với chư thiền tri thức hôm nay.

Trước hết tôi xin nói qua về chỗ tâm yếu của thiền. Xưa có người đến hỏi thiền, chư Tổ thường trả lời một cách băng quơ như: Mây tại thanh thiên thủy tại bình, hoặc cây phượng trước sân chùa đổ vv... hay có vị táo bạo hơn đáp bằng cách dùng tích tượng "Đánh" như tổ Hoàng Bá, hoặc "Hét" như tổ Lâm Tế, tức là câu trả lời hay hành động đánh, hét ấy dường như không dính dáng gì đến thiền, nhưng thật sự đó là chỗ tâm yếu của thiền, thiền khách phải có căn cơ nhạy bén, nhận ra bằng trí vô sư, không qua phân tách của ý thức. Chỗ này đối với người đại căn đại trí, nghe nhận trong khoảng sát na, đối với bậc trung, hạ căn thì khó vào được. Vì chỗ "Nhân tâm bất nhứt, thảo mộc bất tề" căn cơ của chúng sanh sai biệt nhau nên

Phật phương tiện lập ba môn Thiền, Giáo, Luật để người tu Phật nương vịn nơi giáo luật mà đến thiền.

Về giới luật Phật chế oai nghi tế hạnh để người tu Phật thọ trì thúc liễm thân tâm nghiêm trì giới luật. Tổ Quy Sơn dạy người xuất gia tu Phật phải “Hình nghi định đặc, ý chí cao nhàn” thân tướng có trang nghiêm thì tâm thể mới được vắng lặng, ý chí thanh cao. Từ xưa đến nay đệ tử Phật ai ai cũng phải theo quy điều này, chỉ trừ có đức lục tổ Huệ Năng là vị tổ thứ sáu Trung Hoa, Ngài đến ngũ tổ Huỳnh Mai với hình thức một người cư sĩ, qua tám tháng mang chày giả gạo, vào một đêm nọ được vào thất vắng nghe ngũ tổ giảng kinh Kim Cang, Ngài chợt bừng ngộ qua câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, được ngũ tổ truyền y bát làm Tổ thứ sáu, rồi thầy trò xuống thuyền xuôi về hướng nam ngài vẫn còn hình thức cư sĩ. đó là trường hợp đặc biệt độc nhất vô nhị trong thiền sử. Ngài là một con người quá siêu việt nên không qua một hình thức nào mà nơi ngài đã đầy đủ tất cả. Nhưng về sau ngài cũng phải nhờ Hòa Thượng Ấn Tông chứng giới thể phát cho ngài để tiện việc trên đường hoằng hóa, và trong hàng môn đồ của ngài cũng giới luận nghiêm minh.

Kinh Diệu Huyền có câu: “Niệm niệm kiến tánh thẳng tưng thiên kinh, niệm niệm minh tâm bất quảng tam tàng” thấy tánh trong mỗi niệm hơn tưng cả ngàn bộ kinh, tâm thể sáng suốt trong từng niệm thì khỏi xem ba tạng kinh điển, vì trong tất cả kinh điển, bộ kinh nào Phật cũng dạy chỗ Minh Tâm Kiến Tánh, nên người tu Phật điều cốt yếu là phải hiểu được lý kinh và hành trì đúng theo lời

Phật dạy chớ không cần số lượng phải tụng cho nhiều. Phần giáo này là chỗ nương chỗ vịn cho người tu Phật nắm nơi đó để đến mục đích tối hậu, giáo như cây gậy giúp hành giả vững vàng trên bước tiến, khi đến nơi rồi thì không cần gậy nữa, nhưng trên đường đi phải mượn gậy để nương, vịn. Trong pháp môn thiền chư Tổ có chia ra làm hai loại thiền, loại thứ nhất nương nơi giáo để đến thiền gọi là Như Lai thiền, loại thứ hai chỉ thẳng chỗ tâm yếu thiền, không qua một thừa nào gọi là vô thừa thiền. Nay tôi xin phân tách tuần tự:

- Như Lai thiền là thiền tướng, pháp tu là chỉ, quán, tu định tu huệ. Tu chỉ là gì ? Chỉ là dừng mà dừng tức có định. Tu quán là dùng pháp quán như bất tịnh quán, từ bi quán, bạch cốt quán, thập lục quán hay sổ tức quán. hoặc dùng quán để ngăn vọng tức là dùng giáo để đến thiền gọi là thiền giáo đồng hành. Giả dụ như tâm mình đang bị tám gió thổi vào nào là lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc nó đưa mình vào chỗ buồn vui, nhưng nhờ dùng pháp quán tâm dừng lại tức có định, mặt nước hồ tâm không bị lay động, mà không lay động thì cặn cào không nổi lên, do đó mới có huệ, mà huệ này có phải là Bát nhã không? Nếu nói phải cũng không đặng mà nói không phải cũng không đặng. Cái huệ này ví như cây măng, nếu nói nó là cây tre thì không được mà chính nó là cây tre đó. Như muốn thành ông già thì phải chịu làm người nhỏ, vì từ nhỏ sẽ đến già. Muốn vào Bát Nhã trước phải có trí huệ, trí huệ tăng trưởng dần đến Bát Nhã. Vì vậy pháp môn này từ tiệm đến đốn.

Trong kinh giáo chia ra tam thừa. Nói dương xa là thừa thấp nhất cho dễ tu một chút, tu được rồi thì tiến lên, chớ không đứng chững ở đó, nếu gò bó một chỗ đó thì đâu gọi nhứt nhứt tâm! nhưng dương xa cũng còn nặng nề, ỉ ạch, tự mình kéo mình, tự mình độ mình chớ không dám chở thêm ai. Phật lại chỉ thêm xe nai, xe nai thì chở được một vài người, đến chừng qua xe trâu mới chở được nhiều người. Đó là ba phương tiện trong bộ Pháp Hoa mà Phật gọi là “Hóa thành dụ” Phật biết tâm lý chúng sanh nếu nói đường dài 10 cây số thì ngao ngán nên tùy cơ duyên Phật nói xe dê đi khoảng 3 cây số sẽ có chỗ nghỉ ngơi, tiện nghỉ đầy đủ, ăn nghỉ cho khỏe rồi Phật bảo lên xe nai đi tiếp 3 cây số nữa sẽ có một tòa lâu đài vui mát sang trọng hơn. Khi đến đó rồi Phật lại dụ lên xe trâu đi khắp mười phương cõi Phật. Khi đến đây rồi chúng sanh mới thấy thân này có sanh, già, bệnh, chết, ở đây không dụ 3 xe nữa mà giải thoát trong lục đạo vắng hoàn, tam giới bồ bặc. Đó là Phật dùng hóa thành dụ để dẫn chúng sanh ra khỏi sông mê bể khổ chớ không phải gạt chúng sanh, chỗ này chư thiện tri thức thấy Phật đi từ giáo đến thiền, nói ba thừa nhưng gom lại chỉ có nhứt thừa mà thôi ví như đi đường có cây số biết còn xa hay gần mà đi tới, mượn giáo để làm chứng cho thiền chớ thật ra thiền là thiền không có giáo. Bên giáo thì mượn cái tiếng gọi là: “Chơn ngữ”, thiện ra thiện, ác ra ác, đâu ra đó. Còn bên thiền thì tiếng thiền ngữ không nói vậy, khi hết bệnh rồi thì nó lòi cái mạnh ra chớ không phải đi kiếm cái mạnh ở đâu hết.

Vì chỗ khác nhau, nương mượn nhau giữa giáo và thiền mà lập ra định huệ song tu thành một khối trong thiền na, để không còn dính kết nhị biên nữa, tức là mượn giáo phá lần để đến thiền, ví như cây chuối lột lần từng bẹ, hết bẹ rồi còn lại cái "lõi", tức là hết mê là giác. Nhà Phật thường lấy con số 3 làm căn bản, người Phật tử mới đến chùa thì có tam quy hướng về Phật Pháp Tăng gọi là tam bảo, rồi tuần tự tiến lên. Cho nên mình là người hành đạo mình cũng phải biết lộ trình của mình đi đến đâu mới tiến đúng hướng được.

Như Lai thiền lấy tam điều làm gốc: điều thân, điều tức, điều tâm, phải có tam điều này mới đến định được, nếu không sẽ bị nghiêng một bên. Rồi đến tu chỉ là dừng, gặp cảnh nào cũng dừng, dừng cho cái chúng sanh nó phát khởi, vì khi chúng sanh vọng động phát khởi nó sẽ làm mất cái định đi. Lúc nào tôi cũng khuyên chư thiện tri thức từ trong cái đi, cái ngồi đều phải ở trong định huệ, chỉ quán. Cũng như tôi nói ra đây là nó phát huệ đó, nhưng bên trong nó đã có định rồi, nếu không định thì làm sao tôi nói được. Cho nên chỗ đó Phật nói trong định có huệ mà trong huệ có định, tu chỗ này mình cần phải thúc liễm thân tâm, giữ gìn nó, theo nó hoài như tên mục đồng chăn trâu, sơ hở một chút là trâu ăn lúa mạ của người, chừng biết được thì phải đi năn nỉ người ta sao? mà năn nỉ cái gì! nó ăn ruộng lành của mình đó! nên phải nhớ tổ dạy "ngộ thử pháp môn do nhữ tập tánh", dầu tu pháp môn nào mình cũng phải huân tập, giữ gìn lâu ngày mới có kết quả, chớ nói suông không lợi ích gì cả!

Tổ Quy Sơn cũng từng nhắc nhở người xuất gia phải thấy thân này sớm còn tối mất, phút chốc đổi đời, một hơi thở ra không trở lại là trả về cát bụi, sao không ráng mà lo cho mình. Chư thiện tri thức gẫm lại mà xem, con đường sanh tử ví như sáng sớm xách giỏ đi chợ, đi chợ thì sớm muộn gì cũng phải về nhà, cho nên phải lo mà tu, tu cho trót đừng có lưng chừng. Chư vị trồng một cây hoa kiểng gì đó thì phải chăm sóc, bón phân tưới nước nó mới lớn được, còn bỏ ì ra đó nếu nó không chết thì cũng không đâu ra đâu cả.

Tôi xin nhắc lại ngoài tu chỉ và quán, phải giữ gìn giới luật nghiêm minh, có vậy tâm mới vắng lặng được chớ đừng nói tâm tức Phật rồi không cần giới tướng thì không được, tánh và tướng như ghe với buồm, buồm mà dư thì ghe chạy theo không kịp nó sẽ bị chúi mũi và chìm, còn ghe lớn buồm nhỏ thì không bọc được, gặp sóng nó cũng nhận chìm, nên hai cái đó phải tương ứng với nhau. Vì vậy mà có pháp: phát, chế, xả. Nếu nó phát quá thì phải chế, nó trầm thì phải phát cho nó quân bình lại.

Chư thiện tri thức nên biết người xưa rất quý thời giờ nên có câu: "cổ nhân bình trúc" là người xưa đốt đuốc đi chơi ban đêm, mình tu mình cũng phải biết tận dụng thời gian, tiết chế việc ăn, uống, ngủ, nghỉ, sao cho điều độ đủ giữ sức khỏe chớ đừng phí phạm buông lung để thời giờ trôi qua vô ích, nhất là việc ngủ, ngủ nhiều làm cho tâm mê nên người tu cần phải thiếu dục, phải tự mình tiết chế giảm thiểu. Có người hỏi tôi có phương pháp nào tu không ngủ? - Tôi nói: không có pháp nào cả, giả dụ như quý vị

đang buồn ngủ đến mức độ không thể gắng gượng được nữa, vừa lúc đó có người báo xe đồ lật có người nhà của mình bị chết thì quý vị có còn buồn ngủ nữa không ? khởi phải trừ, có phương pháp nào trừ ngủ đâu. Tu cũng vậy mình hành thâm Bát Nhã Ba La Mật đa, tâm mình luôn luôn theo hoài theo hoài pháp tu giống như ngoài đời người ta làm ăn buôn bán, có vốn rồi người ta cứ theo mãi làm cho tăng vốn lên, cực khổ thức khuya dậy sớm gì người ta cũng không quản. Bây giờ tu cũng vậy mình cứ huân tập miên mật thì tự nhiên nó hết ngủ chớ có pháp nào trừ ngủ đâu. Chư vị nghĩ coi một ngày trôi qua rất nhanh, ăn, uống, ngủ, nghỉ, chiếm hết bao nhiêu thì giờ, còn lại giờ tu có thấm vào đâu! nên Phật dạy: "bán dạ đồ mình tỉnh" Đêm khuya thanh vắng tâm mình nó trong sáng, cây cỏ vạn vật đều thanh tịnh, ngoài biển cũng theo quy luật thời tiết sóng lặng gió êm, đó là vào giờ tý, giờ đó rất khó thức, nhưng mình là người tu nên có khó cũng phải ráng, mình tu cho mình mà, ráng thức dậy tu trong giờ đó, cái định huệ huân tập mỗi lần một ít rồi có ngày nó sẽ phát triển, phát ra cái trong sáng của chính mình chớ không tìm cầu ở đâu hết.

Đến đây chư thiện tri thức đã biết rõ chỗ vịn, chỗ nắm lần lần từ hữu thừa đến vô thừa. Ví như người chạy xe đạp muốn buông tay thì trước hết phải tập vịn, tập chạy cho thật vững vàng rồi tập buông một tay, giữ xe thẳng bằng không chao đảo rồi đến tập một tay vịn gá hờ hờ, xe vẫn chạy thẳng bằng chừng đó mới dám buông hết hai tay xe vẫn không chao đảo, đó tức là vô thừa. Sau đây xin nói

qua vô thừa thiên. Vô thừa thiên là Thiên trực chỉ, không có chỗ nắm chỗ vịn, không đốn không tiệm.

Như Lai thiên nói tu chỉ là dừng, dừng vọng niệm trả về ơn niệm tức định, mà định đó là tâm Phật nên nói. "Tức tâm danh huệ, tức Phật nãi định". Đến đây không còn cái chúng sanh nữa nhưng còn kẹt chỗ tâm Phật, tức còn trong vòng tương đối. Vì nếu không có tâm chúng sanh làm sao có tâm Phật, lấy cái Phật để đối trị cái chúng sanh là còn đối đãi. Tuy nói vậy nhưng đến đây nó không còn kẹt trong vòng nhân quả của vọng niệm, cũng không kẹt trong cái định khô cứng như cây đá, cây đá là vật vô tri, tu định mà khô cứng như cây đá là định chết. Định của thiên là trong định có huệ, huệ là chỗ gạn lọc hết mê qua giác, huân tập cái giác vào tàng thức giống như chất bông ướp vô trà, nó rút mùi thơm của bông lải vào trong trà, lâu ngày trà sẽ tỏa ra mùi thơm thoang thoảng đó là có nhân rồi mới đến quả.

Thế nên người tu thiên phải chú tâm vào chỗ định huệ. Tổ nói: "Huệ đa định thiếu tăng trưởng tà kiến", cái huệ nó nhiều nó phát tác ra mà thiếu định ví như người ăn học khôn ngoan thì hay tính toán chuyện lợi lộc trước mắt, vì thiếu định thấy không chính chắn, cũng không dừng được, nên có khi vì lợi lao vào rồi thất bại! Còn "Định đa huệ thiếu thì tăng trưởng vô minh". Định mà không có huệ thì thành ra si định thường hay thấy biết sai lầm không đúng thực tế, từ chỗ thấy biết sai lầm này nên trong việc lầm phán đoán không đúng cũng khó đạt được kết quả mỹ mãn. Cho nên người tu phải định huệ tương

ưng. Sao gọi là tương ưng ? tức là phải biết phát, chế, xả. Phát chế xả là lối khẩu truyền chỉ nói riêng cho người tu thôi. Ví dụ như có hôm ngồi thiền sao nó cứ trầm trầm hoài, nó buồn ngủ hoài, biết đó là bị trầm rồi đa, liền dùng pháp “Phát”. như con ngựa không đi thì dùng roi mà quất nó. Rồi có hôm ngồi thiền nghe nó rần rần đó là nó bị phát, phải dùng pháp chế mà giảm nó. Nên biết:

Tâm sanh thì pháp sanh

Tâm diệt thì pháp diệt

Tùy bệnh mà cho thuốc. Phát, chế, xả đây cũng là giả sanh giả diệt, còn bệnh thì còn uống thuốc mà hết bệnh thì không còn uống thuốc nữa. Nên lưu ý khi huệ dư nhiều nó thường lên óc bị nhức đầu, xả nó dừng cho nó hướng thượng nữa thì nó sẽ trả về định để giữ quân bình. còn nếu huệ thiếu thì nó phát tướng trầm, thì dừng phóng hạ nữa mà trở về hướng thượng. Thế nên phải thay đổi liên liên phát, chế, xả, như bệnh trở thuốc, khi chịu thuốc rồi thì dừng trở nữa, uống cho đến khi mạnh. Nên Phật nói: “thủ xả gia giảm”, bệnh còn thì giữ thuốc, bệnh tăng thì gia thêm thuốc bệnh bớt thì giảm thuốc, mạnh rồi thì thôi, không uống cũng không giữ nữa cho nên người tu phải có phương chăm, phải có phương pháp, nếu không sẽ bị bệnh thiền, gọi là cuồng thiền, giống như núi chỉ rồi mà gỡ trật mối thì càng gỡ nó càng rối thêm. Khi định huệ quân bình rồi cũng còn nằm trong nhị biên, đây là trường hợp kiến tánh khởi tu, là nhận biết nơi mình có tánh Phật rồi phát tâm tu hành giới luật nghiêm minh, giới sanh định, định sanh huệ, trong giới có định trong

định có huệ, giới định huệ nương nhau mà tiến dần. trong kinh Pháp Hoa đức Phật thọ ký cho chúng sanh là Phật sẽ thành là trường hợp này, Phật tánh là nhân nhưng phải dụng công tu hành mới đến Phật quả.

Bây giờ muốn vượt qua chỗ nhị biên Phật dạy mình phải vào trung đạo, tức là không dính bên này cũng không dính bên kia, không dư không thiếu mà nó hợp cả hai cái lại. ví như cái áo màu đen và màu đỏ pha lại thành một màu là màu “nu”, màu nu gọi đỏ cũng không đúng mà gọi đen cũng không được, phải gọi nu mà thôi. Đó là chỗ bát nhã vậy.

Kinh Duy Ma cật nói pháp môn không hai, tuy không hai mà nói một cũng không phải đa. Nó như vậy là như vậy mà thôi. Đây là chỗ kiến tánh không tu, tức là ngộ được nơi mình có Phật tánh liền dứt sạch phiền não, nhập vào thể tánh không qua phương tiện giáo luật, không máng thêm một cái gì vào đó, đây là trường hợp hết bệnh hết thuốc, không thêm một pháp tu nào cả. Nói tu định tu huệ, tu tỷ, ngộ, mẹo, dậu là còn cái tướng còn sanh diệt. Còn chỗ “định tịnh” của Phật nói là na già hành tại định, na già trụ tại định, na già ngộ tại định, vô hữu bất định thời, từ trong chỗ sát na nào cũng định, không phân biệt khi đứng lúc ngồi gì hết, cho nên chỗ nào cũng tự “như” hết tự như rồi thì nó không còn ngăn ngại, nên nói: “tự tâm bất nhị, vạn pháp nhất như”, tâm mình không dính kẹt nhị biên thì các pháp đều gom về một, không còn phân biệt xấu tốt, hơn thua, phải quấy. Nếu định mà khởi tu để được định như nói giờ tỷ, giờ ngộ tôi

ngồi để được định thì định đó gọi là "vọng định", vì tâm khởi mong ngồi cho được định tức là vọng rồi, mà tỷ định ngộ định rồi giờ mẹo giờ thân thì sao? cho nên bất cứ giờ nào chỉ cần tâm không vọng động thì tự nó tịnh, không khởi chúng sanh tri kiến thì trả về Phật tri kiến chớ nó đi ngã nào? cũng như con thoi trong khuôn dệt, nó không ở bên này thì nó qua bên kia chớ nó đi đâu.

Phật nói: "Dục cầu kiến Phật dẫn kiến chúng sanh", đừng cho dấy khởi cái chúng sanh lên mới thấy được Phật, cũng như ly nước, muốn thấy được nước trong thì đừng khuấy động nó, để nó lắng yên thì tự nó lắng trong. tự tâm mình vốn nó sẵn cái thanh tịnh mà mình cứ nói tôi ngồi tu tịnh, tôi làm xong công chuyện này sẽ đi ngồi tịnh thì tự mình máng cái tịnh thêm vào. Ví dụ như chư thiện tri thức đang nghe tôi khai lớp thiền từ sáng đến giờ, chư vị có vọng động không?

- Dạ không!

- À! không mà chư vị có trừ vọng không?

Không trừ vọng mà nó tịnh rồi, chỗ đó gọi là chỗ Phật nói: Chơn thường, chơn lạc, chơn ngã, chơn tịnh. Cái đó nó đã sẵn có nơi chính mình chớ không phải tìm cầu mà được. Thế nên nói thiền mà thật ra còn pháp tức còn kẹt vào năng sở, còn năng sở thì không đến chỗ giải thoát cứu cánh được. Chư thiện tri thức có hiểu vì sao đức Phật Thích Ca là vị giáo chủ sáng lập ra đạo Phật sao ngài không dạy chúng sanh niệm danh hiệu ngài để khi lâm chung ngài đến rước mà chư vị lại niệm danh hiệu đức A Di Đà? Vì niệm Phật là mượn tiếng niệm để ngăn cái

vọng niệm chúng sanh chớ không phải niệm cho Phật nghe rồi đợi mình sắp chết đến mà rước, cũng không phải niệm để tính đếm số lượng cho nhiều, nếu niệm để lấy số lượng thì hằng ngày niệm được nhiều rồi, chấp vào đó thấy mình tu nhiều lại vướng vào nhơn ngã, càng thêm bệnh chớ có giải thoát gì đâu.

Như ngài Pháp Đạt tụng kinh Pháp Hoa đếm đến được 3.000 bộ rồi thấy mình hơn người sanh tâm cao ngạo, đến gặp Tổ lay đầu không sát đất, bị Tổ rầy quở, khi bị quở lại lo sợ không dám tụng nữa, Tổ nói:

- Tụng kinh có lỗi gì đâu! tức là đừng chấp vào tụng (chấp tướng, chấp có) cũng đừng rơi vào không, cứ giữ trung đạo mà tiến. Cho nên hiểu chỗ Phật dạy mình tu để dứt nhơn ngã, dứt hơn thua mà làm lệch đi thành chấp nhơn ngã. Đức Phật A Di Đà ở cõi Tây Phương, ngài có rảnh để đến rước chúng sanh từng người một không? Đó là điều không được chắc chắn, nhưng niệm danh hiệu ngài để dứt vọng niệm là điều hữu hiệu thiết thực nhất, niệm đến nhứt tâm bất loạn rồi thì ông Phật của mình hiện tiền trước mắt gọi là: "Tự tánh Di Đà, duy tâm tịnh độ" cõi Tây phương tịnh độ ngay nơi tâm mình chớ không xa xôi gì, vì nó gần quá nên mình không thấy đó thôi, ví như con mắt không thấy được mí mắt mà thấy cảnh vật bên ngoài rất rõ. Chúng sanh cũng vì tâm vọng cầu không thấy cái gần mình mà cứ hướng ra ngoài. Bây giờ chỉ cần cố nhớ từ trong sát na nào cái huyết kinh phải biết cái huyết kinh, huyết thiên phải biết huyết thiên. Ví như người đi buôn phải biết chỗ mua và chỗ bán mới được,

nếu không biết mà ra buôn bán sẽ có ngày mất vốn, làm ăn mà mất vốn là dẹp tiệm đó đa.

Đến đây tôi đã phân tách qua hai loại thiền nhưng chư thiền tri thức nên khá dễ dặt, Phật đã từng dạy: “Dục kiến mỹ ốc, tiên trúc kỳ cơ” muốn cất cái nhà cho được tốt đẹp, lâu bền thì trước tiên phải xây nền móng cho được vững chắc, chư vị nên cẩn thận đi từng bước một giới luật tinh nghiêm, thiền giáo đồng hành tiến tu miên mật. Tôi cũng khuyên chư vị ngay từ giờ phút này gieo lần hạt giống Bát Nhã dần dần thuần thục đến chỗ vô sanh, là chỗ bệnh hết thì hết thuốc, chư vị sẽ không còn bị sanh diệt chi phối nữa.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

BÀI 4 THIÊN TỊNH

(*Duy tâm là tịnh độ*)

Trước tôi đã khai Thiên trực chỉ, nghĩa là dừng ngay không qua phương tiện, không có chỗ vịn, chỗ nắm, không có pháp tu mà chỗ nào cũng tu hết. hôm nay tôi cũng khai thiên mà trực tâm, trực tâm là có cái tâm. Kinh Duy Ma nói trực tâm tức thị đạo tràng là ngay nơi tâm mình là đạo tràng rồi chớ chẳng có đâu xa. Kinh Di Đà nói cõi tịnh độ ở Tây phương đó là chỉ cái quả, chúng sanh mong cầu nơi đó, mà ngay nơi tâm mình không có như thế làm sao đến quả được!

Đức Phật khai viên, chỉ cái quả bên kia, Tổ thì hiển cận chỉ bày cái như nơi đây. Chính vì vậy hôm nay tôi lấy đề tài "Duy Tâm Là Tịnh Độ" để chư thiện tri thức hiểu rõ đừng tưởng cõi Tây phương xa xôi kia mới có cõi tịnh độ, mà nếu ta trực nhận ngay nơi cái tâm ta tức là tịnh độ rồi, đạo tràng hay tịnh độ cũng là một, là ngay nơi tâm mình mà thôi. Khi tâm mình không còn phát khởi chúng sanh nữa, không còn tướng ngã như, bỉ thử nữa thì đó là Phật độ chúng sanh, còn nếu ta không trực được cái tâm đó thì không vào được Đạo tràng (chỗ thanh tịnh), đó gọi là chúng sanh độ Phật, nó chỉ có hai lẽ đó thôi, nếu ngộ thì Phật độ chúng sanh còn mê thì chúng sanh độ Phật.

Vậy Phật ở đâu mà chúng sanh độ ?

Phật đây là chỉ cho Phật tánh sẵn có của mình, khi mê mình quên Phật tánh chạy theo cái sanh khởi của chúng sanh, để cái sanh diệt ấy nó làm chủ mình, dẫn dắt mình vào nghiệp sanh tử, nên nói là chúng sanh độ Phật còn khi ngộ thì Phật độ chúng sanh. Ngộ là nhận ra nơi mình có Phật tánh rồi ngay nơi đó mà sống, không còn chi phối bởi cái sanh diệt của vọng tâm nữa gọi là Trục tâm, cái tâm thanh tịnh này làm chủ mình, không duyên theo trần cảnh mà khởi nghiệp nên nói Phật độ chúng sanh. Tổ nói “Duy tâm tịnh độ bốn tánh Di Đà” đức Phật Di Đà cũng ngay nơi tâm mình mà cõi tịnh độ cũng ngay nơi tâm mình, thế nên trong từng sát na gian chỗ tri kiến của mình phải trực nhận ngay nơi tâm này tức là đem tâm Phật mà độ chúng sanh. Vì vậy hôm nay tôi nói hai pháp Thiền và Tịnh.

Thiền là vào thẳng gọi là trực chỉ, mà trực chỉ thiền chính là bát nhã, không năng, không sở, không nội không ngoại, không đầu không đuôi, không có chỗ nắm chỗ vịn mà chỗ nào cũng là thiền. Còn Tịnh thì có chỗ nắm là tâm, nhắm ngay nơi tâm Tịnh tức Phật độ tịnh nên tổ nói “Hà kỳ tâm tịnh tức Phật độ tịnh”. Nếu tâm mình không tịnh thì không có ông Phật nào độ mình được, tâm tịnh thì dầu không cầu cũng có Phật. Đức Phật thường dùng ví dụ như bóng mặt trời, mình đi đâu thì mặt trời theo đến đó chỗ không mất. Tuy nói là không cầu nhưng cái như đã tịnh rồi thì cái quả tịnh sẽ có, còn mình cầu quả tịnh mà như tịnh không có thì làm sao? Bên tông Tịnh độ dùng sáu chữ Di Đà lập bằng lục độ, nhưng bí yếu chỉ có hai chữ thôi;

hai chữ Di Đà là Trung đạo, biết niệm hai chữ Di Đà cũng như cái chui chày nắm rút thì bao nhiêu, chỗ nào cũng gom lại trong hai chữ đó.

Chữ Di là gì ? - Chữ Di ngoài tiền niệm Di Di Di, Đà Đà Đà còn vào tâm chữ Di đó là “Đạo bất giả tu du li giả” viết là duy. Từ trong một phút một ngày mà ta không lìa cái niệm giữa ta và Phật đó là chữ Di rồi, là niệm Di rồi. Chư Tổ đã nói trong thiền là: “Tiền niệm vô sanh tức tâm, hậu niệm bất diệt tức Phật”. Lấy hai chữ “Tức tâm, tức Phật” đây ta không lìa một niệm tức chỗ này là Di vậy.

Còn Đà tức là chỗ Minh tâm kiến tánh, tâm tánh sáng suốt không còn bị một chúng sanh nào bị xâm nhập vào tự tâm mình là chỗ “Duy tâm tịnh độ thẳng thừa lương, bốn tánh Di Đà do tự giác”. Chư vị đừng nghĩ có ông Phật Di Đà nào ở ngoài, nếu có chẳng nữa cũng chỉ là ông Phật ở ngoài, tự tâm mình không Di Đà cũng không làm sao được quả Di Đà. Vì thương xót chúng sanh trôi lăn trong sanh tử nhiều kiếp Phật chế ra phương tiện thiện, giáo, luật để chúng sanh làm chỗ nương, chỗ vịn bước vào tự tánh Di Đà. Bước đầu của người tu Phật là phải trì trai giữ giới, đó là chỗ tu tướng, nhưng nếu ôm giới tướng đứng một chỗ thì bị kẹt vào giới tức chấp giới, chư thiện tri thức phải lần qua giáo tức học hỏi kinh điển giáo lý. Trong kinh pháp Phật dạy từ tiêm đến đốn từ quyền đến thiệt, phân tách từng chặn, quyền, thiệt, đốn, tiêm để chúng sanh tùy theo căn cơ mà ứng dụng, nhưng khi thực hành công phu tu tập lại còn phải biết thủ, xả, gia, giảm để giữ mức quân bình. Sao là thủ, sao là xả, sao là gia, sao là giảm ?

Ví như người tu niệm Phật, niệm thường xuyên thời gian lâu dần tâm được định, khi tâm vào định rồi giữ cái định đó mãi thì bị trầm tức dễ sanh buồn ngủ đó là chấp định, lúc đó phải xả bớt cái định đi, gia cái huệ vô cũng như nước nóng quá đừng có châm nước nóng vô nữa mà phải châm nước mát vô, đó là giảm cái kia mà gia cái nọ. Biết thủ, xả, gia, giảm trong lúc công phu rồi còn phải biết quyền, thiệt, đốn tiệm để hiểu rõ ý nghĩa sâu mầu của kinh điển. Đức Phật khai quyền hiển thiệt, dạy pháp tiệm để đi lần đến đốn.

Qua đến đại thừa kinh Phật dạy tác, chỉ, nhậm, diệt, trong bốn cửa đó vào cửa nào cũng đến chỗ, tùy theo nhơn duyên hoặc theo căn cơ của mình. Chỗ cần yếu là người tu phải biết thủ, xả, gia, giảm, nếu không biết thì khi hành công phu nếu không bị trầm cũng bị phù, không ở mức quân bình được, mà không quân bình ở Trung đạo thì không đến đích được, chỗ này đức Phật chỉ dạy khá rõ ràng. Phật dạy:

- Huệ đa định thiếu tăng trưởng tà kiến, người thiếu tu định thì dễ sanh tà kiến, tuy thông minh, ăn học giỏi, tính toán hay nhưng dễ bị lệch lạc vì thiếu định không có được chánh kiến.

- Định đa huệ thiếu tăng trưởng vô minh, người tu mà nghiêng về định nhiều, định dư mà huệ thiếu thì không đủ trí huệ để nhận định sự việc cho chính xác, từ đó phát sanh nghi ngờ, quyết định sự việc theo tri kiến sai lầm, đó chính là vô minh. Vì vậy bên Thiên Thai giáo lập ra tam chỉ và

tam quán, còn bên niệm Phật thì có ba phương pháp gọi là tam trì. Tôi xin nói qua về tam trì:

- **Mật trì** : là chỗ sâu kín, niệm sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật hay niệm một chữ Phật cũng được. Đừng nghĩ phải niệm cho nhiều để lấy số lượng, cũng đừng nghĩ niệm nhiều là hay, niệm ít là dở, chỗ nghĩ đó chính là “Vọng niệm”, chớ vì nên biết mình niệm Phật để lấy cái niệm này ngăn dừng niệm kia, tức là làm cho cái niệm chúng sanh kia nó không xen vào được. Chữ Phật tức là vào chỗ mật trì kín đáo nghiêm ngặt. Nhưng khi áp dụng mật trì nhỏ nhiệm kín đáo quá nó dễ bị hôn trầm, mình phải thường xuyên tự kiểm, tự biết, tự tri, tự kiến, khi vừa bị hôn trầm thì phải liền đổi sang Kim Cang trì.

- **Kim Cang trì** : là niệm không ra tiếng mà vừa cho tai mình nghe (Lớn hơn mật trì), Kim Cang trì là để trị bệnh hôn trầm, nếu nó vẫn còn hôn trầm thì phải đổi qua cao thanh trì.

- **Cao thanh trì** : là niệm thành tiếng cho sáu căn nghe, dùng âm thanh để trị hôn trầm, âm thanh Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật. Niệm cao như vậy sẽ làm cho bệnh hôn trầm tan đi. Nhưng chớ thiện tri thức phải tự kiểm thường xuyên gọi là nhứt nhứt tâm, tức là phải thay đổi liên liên chớ đừng ở một chỗ tu nào, vì nếu dùng Cao thanh trì hoài thì không vào được định mà phải trở lại Kim Cang trì là vừa niệm vừa nghe, cái nghe này là cái nghe của thức riêng mình thôi, nếu dùng Kim Cang trì trong giây lát mà không bị trầm thì đổi sang mật trì. Chỗ sâu kín này chỉ nhớ một chữ “ Phật” thôi.

Tuy chỉ có một chữ “Phật” thôi nhưng nhờ đó mà dứt được thức thứ sáu là độc đầu ý thức, dứt được thức này thì không còn khởi sanh vọng niệm, dần dần dứt sạch rồi nhập vào Như Lai tánh, đó là chỗ “Vô niệm” tức là niệm của Tự Tánh hay bát nhã tánh. Niệm còn khởi thì mình còn tu, còn dùng tiếng niệm Phật để trừ vọng niệm tức là còn bệnh thì còn uống thuốc, đó chưa phải là chỗ giải thoát, vì nếu không uống thuốc thì nó sẽ bị bệnh lại. Do vậy mà Tổ nói chỗ “Vô niệm” và “Hữu niệm”. Từ hữu niệm đi dần đến vô niệm chớ không đứng hoài tại chỗ được, hữu niệm đây là chỉ cái pháp “Niệm” dùng cái chúng sanh khởi, đó chưa phải giải thoát. Đức Lục Tổ có nói: “Vô niệm tức niệm chánh, hữu niệm niệm thành tà”. Trong cái niệm này nó còn nằm ngoài lớp phần thịt, chưa vào đến phần xương, đến vô niệm tức vào phần xương, mà vào phần xương được mới đến phần tủy được.

Theo pháp này lấy “Tâm” làm căn bản để “Trực tâm”. Trực tâm rồi phải phát cái “Thâm tâm” là chỗ sâu kín, chớ đừng tưởng nói chúng sanh là Phật, nghe vậy cho là đủ rồi! Ông Phật của mình ở chỗ sâu kín lắm, muốn mời ổng ra khó lắm đa. Ví như vàng ở trong mỏ phải dùng quặng để lọc vàng, đừng nghĩ rằng vàng ở trong quặng mà lắm, chỉ nhờ quặng để lọc vàng thôi, khi lấy được vàng rồi thì quặng không cần nữa. Bao nhiêu kiếp lâu xa nghiệp chướng vô minh của mình nó đóng đầy quá nên phải dùng pháp môn “Tiệm” tu lần lần như dùng quặng gạn lọc lấy vàng vậy.

Trong kinh có câu: “Nhứt cú Di Đà vô biệt niệm, bát lao đàn chỉ đạo Tây phương” chỉ niệm một câu Di Đà đến chỗ vô biệt niệm thì về cõi Tây phương nhanh như khảy móng tay. Nhưng riêng tôi, tôi xin quyết với quý vị rằng chỉ tu có một chữ “Di” thôi. Trong một giây hay trong một phút nào mà không vọng niệm thì chữ “Di” đã niệm rồi! tôi nói chỗ này có ai chứng minh cho tôi không?

- Thưa chư vị, có Tổ chứng minh cho tôi, Tổ đã nói: “Tiền niệm vô sanh tức tâm, hậu niệm bất diệt tức Phật”. Niệm trước không sanh tức là tâm, niệm sau không diệt tức là Phật. Mà chỗ niệm trước không sanh, niệm sau không diệt tức là chỗ “Nhứt tâm bất loạn”, thấy Phật Di Đà hiện tiền ngay trước mắt, hay nói cách khác là cõi Tây phương tại đây chớ có xa xôi gì đâu.

Phần trên tôi đã nói về pháp môn tịnh, có phương tiện, có chỗ nắm, chỗ vịn, đi từ tiệm đến đốn, bây giờ tôi xin nói qua thiền. Cánh cửa trọng yếu của thiền là Bát nhã, Bát nhã chỉ chỗ bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh. Bát nhã như tánh nước vậy, ở trong chúng sanh nó hoà quang tiếp vật với chúng sanh mà không cấu không nhiễm, bát nhã ví như tánh nước dù có pha màu vàng hay màu đỏ gì cũng vẫn là nước, nước hòa đồng vào màu sắc mà không mất tánh ướt của riêng nó, nên nói tâm vô quái ngại, đối cảnh tùy duyên không ngăn ngại chỗ nào hết. Trong 260 chữ đức Phật nhắc đi nhắc lại sáu lần Bát nhã, vì sợ chúng sanh vô minh quên bản giác, đức Phật từ bi nhắc nhở, ngài dạy phải hành thâm bát nhã ba la mật đa, rồi kế tiếp ngài lại nói: “Bồ đề tát đỏa y bát nhã ba la mật đa”. Chư vị Bồ Tát

cũng y nơi Bát Nhã Ba La mật đa, đoạn sau Phật nhắc lại tam thế (3 đời) chư Phật cũng y nơi Bát nhã ba la mật đa, rồi lần chót Phật dặn dò: cố tri Bát nhã ba la mật đa, có thuyết Bát nhã ba la mật đa, cho nên “Bát nhã ba la **mật** đa” gọi là “nhứt kế giai thành Phật đạo”. Tu một câu **hệ** này thôi thì thành Phật đạo. vì sao? Vì Bát nhã là thiên trực chỉ, chỉ thẳng chúng sanh là Phật chớ không ai **hết**, đừng chạy đi kiếm ông Phật ở ngoài, vì ông Phật không thể làm cho mình thành Phật được đâu, mình tìm kiếm hoài đến chết cũng vậy thôi, Phật dạy mình phải tự thấp **đuốc** lên mà đi, mình phải tự cứu lấy mình, cũng đừng nghĩ ông Phật này hay hơn ông Phật kia, không có chuyện đó **đâu**. Tu niệm Phật hay tu quán sổ tức quán, từ bi quán, **bach cốt** quán, thập lục quán gì cũng chỉ cốt để ngăn dừng vọng **tâm** không cho nó khởi sanh diệt đó thôi. người tu phải lấy **tâm** mình làm căn bản, trực ngay nơi đó là đạo tràng là tịnh **độ** chớ đừng để chúng sanh **độ**.

Vậy phải làm sao để trực ngay cái tâm kia ? Trước hết chư vị phải ngộ cảnh tức là năm căn nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân khi tiếp xúc với năm trần sắc, thanh hương, vị, xúc ngay nơi đó mà dừng, đừng để nó dẫn mình vào lục đạo luân hồi, đó là chỗ mình **độ** mình chớ không ai **độ** mình được, muốn xây cái nhà cho cao cho chắc thì trước hết quý vị phải xây nền móng cho vững, nếu nền móng không vững chắc mà xây nhà cao thì ắt sẽ sụp đổ. Thế nên Phật nói giới rồi đến định và huệ, nó có thứ tự mà nó tương quan chặt chẽ với nhau; nếu tu giới nghiêm minh thì tâm không vọng, không vọng tức định gọi là định nhiếp giới,

lúc đó giới đã thuần thục nên không giữ nữa mà giữ cái định, lìa giới tu định rồi giữ cái định đó hoài thì nó bị trầm. Chỗ này Đức Phật có kể câu chuyện ví dụ: Hai người đi buôn vào rừng hái bông gánh ra chợ bán, trên đường về gặp một người gánh gánh chỉ, ông ta cần bông nên xin đổi gánh chỉ, để lấy gánh bông anh chàng A vì tiếc công lao mình khó nhọc lắm mới lấy được gánh bông này nên không chịu đổi, anh chàng B liền đổi ngay, đi một dạo nữa gặp một người gánh gánh bạc xin đổi anh chàng A cũng tiếc không đổi, anh B đổi chỉ lấy bạc, đi một đoạn nữa gặp một người gánh gánh vàng xin đổi anh chàng A cũng nghĩ công khó mình đã gánh từ rừng về bây giờ đổi uổng nên không đổi, anh B đổi lấy gánh vàng về bán làm giàu cất nhà cao cửa rộng, còn anh A gánh bông ra chợ chỉ đổi gạo qua ngày, nghèo cũng vẫn nghèo suốt đời! Đó là vì khư khư chấp vào chỗ mình đang có mà không tiến được. Thế nên khi thực hành công phu phải biết phát, chế, xả, lúc nào thấy định dư thì mình phải chế giảm đổi qua huệ. còn huệ dư cũng phải biết gia giảm chớ nếu huân tập chỗ đó hoài thì sanh ra cuồng thiền, nên phải tùy theo bệnh mà trị liệu, nếu nó trầm phải dùng phát mà trị, nếu phát vừa rồi, thì phải xả cho nó huân bình lại chớ không được nghiêng bên nào.

Thế nên nắm vào phương pháp tu hành mà bản tăng khai thiền rồi khai tịnh. Thiền tịnh đi đôi với nhau không có ngoài hai pháp đó. Phật nói bao nhiêu lý kinh đưa vào giáo, nắm vịn nơi giáo mà tu sẽ được định, đó là chỗ đầu sào chứng vô sanh nhứt chớ chưa qua được thiền. Vô sanh

nhân là quả của tiểu thừa. Phật nói thiền để đưa chúng sanh đến đại thừa vượt qua quả Thanh văn Duyên giác.

Thiền là gì ? Thiền nói cho đủ là thiền na, na già hành tại định, đứng cũng tại định, na già ngọa tại định, trong tứ oai nghi đều có định, vô hữu bất định thời, tức là không phân chia thời khóa giờ giấc mà giờ nào, nơi nào cũng thiền; mà nói chỗ nào cũng định thì có nghĩa là không có chỗ nào động, rồi tiến lên một bước nữa không có chỗ nào động, không có chỗ nào định mới là khỏi thức thứ sáu gọi là độc đầu ý thức, lúc ấy trong thức thứ sáu này nó không còn chỗ mang máng là mình phải tu nữa, đó là chỗ chính yếu của thiền.

Đến pháp thiền thứ hai là thiền tướng Như Lai. Pháp thiền này có tướng tu, phải tiết hậu rồi mới tái tô, tức là phải dụng công cho dứt tuyệt cái chúng sanh thì tánh Phật thể hiện gọi là tái tô. Khi dụng công cũng gặp nhiều chướng ngại làm cho hành giả sanh bệnh dễ thoái chí nản lòng nên chư tổ thường nhắc nhở: “Dục tri thông đạo lý tu cầu minh triết nhơn” muốn sáng tỏ được đạo thì phải cầu thiện tri thức chỉ dạy mình phải tu như thế nào, hành như thế nào. Như có khi quý vị ngồi thiền được một ngày hay nửa ngày gì đó thì bị đau bụng hoặc bị tê gân, đó là bị bế khí rồi, vì khi định hơi thở bị dồn vô bụng, nếu không biết giải lâu ngày sanh bị đau bao tử, phải có phương pháp “khử trước lưu thanh tùy vận chuyển”. Ví như cây đèn bị nghẹt tiêm thì phải dùng kim soi cho thông chớ nếu không để lâu ngày sẽ sanh bệnh, tu không kết quả rồi trách Phật sao không thương hồi chưa tu không bệnh, tu

rồi sanh bệnh trở lại oán ghét Phật thì tội biết dường bao, thế nên cần phải cố thầy chỉ dẫn, bẻ chỗ nào khai liền chỗ đó. Ví như quý vị nấu một nồi cơm, khi cơm chưa sôi thì phải chụm lửa cho gạo nở nang, nếu lửa quá nhỏ thì cơm bị xình, đến chừng cơm cạn rồi thì phải bớt lửa vì lửa nhiều sẽ bị khét, phải tùy lúc mà thay đổi, chuyện tu cũng vậy, không thể nắm một chỗ, không thể giữ khư khư hoài được, nếu không biết linh động uyển chuyển sẽ đi đến tai hại không ít.

Tổ lại dạy thêm: “Dục kiến Như Lai diện, tu cầu tự tại tâm” muốn thấy mặt Như Lai thì phải tu sao cho tâm mình tự tại. Như Lai đây là chỉ chỗ bản lai diện mục, khi tâm mình tự tại không còn khởi niệm chúng sanh thì đó là Như Lai, là bản lai diện mục chỗ đâu mà tìm.

Người đời thường ngày mỗi sáng sớm mở mắt ra là công lên chuyện xuống lu bù mãi, hết nghĩ chuyện này đến lo chuyện kia mãi cho đến tối nhắm mắt lại có khi còn mộng mị lập lại việc làm ban ngày, như vậy làm sao mà thấy được Phật, vì tâm tư luôn chộn rộn lo nghĩ lăng xăng không một phút giây yên tĩnh thì làm sao mà có được tự tại tâm! bây giờ phải dứt cái đó đi, chớ vị muốn cầu vô thượng đạo thì trước phải đoạn thế gian tình, nếu tâm mình chứa đầy ấp cái tình thế gian (phải quấy, ghét thương) thì còn chỗ nào để chứa vô thượng bồ đề?

Phải mạnh dạn cho nó tuyệt hậu đi, tuyệt dứt cái tình thế gian đi thì cái vô thượng bồ đề tự nhiên sống lại, gọi là tuyệt hậu rồi mới tái tô. Như mình muốn ăn chay thì phải tuyệt hậu cái ăn mặn, nếu ngày nào còn ăn mặn mà nói tôi

ăn chay trường thì chuyện đó không có, hễ có cái ăn mặn thì không có cái ăn chay, có cái này thì không có cái kia, mà tuyệt cái này thì cái kia tự có. Hết chúng sanh thì có Phật, Phật là vô sanh mà mình cứ mãi ở trong cái sanh, đi kiếm Phật thì làm sao gặp Phật được. Phật là dừng, chúng sanh là chạy, mình ôm cái “Chạy”-kiếm cái “Đứng” thì không bao giờ có cái đứng, rồi lại cưỡng danh mà nói: “Chà, chắc chạy chậm quá không kiếm được, bây giờ phải chạy cho thật nhanh!” - Dạ! chạy nhanh chừng nào càng mất cái đứng chừng nấy. Bây giờ chỉ cần dừng chạy nữa thì liền có cái “Đứng” ngay đây. Chư vị thấy chưa, chỉ tại mình mê lầm nhận giả làm chân, nhận không làm có, nên tổ nói “ Sa trung cơ vọng cầu thức bảo” đem cái công khổ hạnh nấu cát mà muốn thành cơm thì công là công mà cát là cát không làm sao có kết quả được!

Muốn tâm tịnh thì phải tuyệt cái động đi, hết cái động thì tự nó có cái tịnh rồi. Phật khai quyền hiển thiệt chỉ cõi “Tịnh” ở Tây phương, rồi Phật lại tả cảnh Tây phương có ao Thất bảo, huỳnh kim vi địa, cộng mạng chi điều, trú dạ lục thời, xuất hòa nhã âm, kỳ âm diễn xướng, các thứ chim kêu nghe hay lắm, còn ở cõi Ta Bà này thì gà kêu chó sủa nghe ồn cả tai.

Chúng sanh nghe vậy ham muốn về cõi Tây phương, mà muốn về Tây phương thì phải dốc lòng niệm Phật, Phật lại dẫn dụ tiếp rằng phải niệm Phật cho đến nhứt tâm bất loạn thì có Phật A Di Đà đến đón về cõi Tây phương, thật ra đó là một cách khai quyền hiển thiệt, dùng câu niệm Phật để ngăn chặn cái vọng niệm chúng sanh, niệm cho

đến tuyệt hết cái chúng sanh, tâm hoàn toàn thanh tịnh thì đó là “Duy tâm tịnh độ bốn tánh Di Đà” chứ không đâu hết, cõi tịnh độ ngay nơi tâm mình không xa xôi gì hết, đó là chỗ chư Tổ chỉ rất gần, nếu hiểu được chỗ này là Phật độ chúng sanh, còn không hiểu là chúng sanh độ Phật! hằng ngày sáu căn mình nhập với chúng sanh lẫn lộn với sáu trần đó là chúng sanh độ Phật, vậy phải làm sao để Phật độ chúng sanh ?

Bần tăng xin hết lòng thành thật chỉ bày cặn kẽ, thấy sao nói vậy xin chư vị hãy nên thận trọng. Ví như người uống rượu lúc đầu không bao giờ nghĩ mình là người say sưa túy lúy, cứ mỗi lần uống một chút, nhắm một miếng rồi lần lần tăng lên, nhiều lần như vậy đến lúc nào đó say lướt khướt té lên té xuống thì chuyện đã rồi. Thế nên chư vị hãy thận trọng ở chỗ là trong sanh tử mà mình đừng dính sanh tử đó mới gọi là thoát vòng sanh tử.

Mà sanh tử là cái gì ? là từ lúc mình sanh ra đến lúc mình chết đi đó chẳng ? - Đó là một kiếp sanh tử, còn sanh tử ở đây là chính cái sanh diệt của vọng tâm, mình tu để dừng cái sanh diệt này, khi cái sanh diệt này không còn nữa, tâm mình hoàn toàn vắng lặng đó là chỗ bất sanh bất diệt, là thoát sanh tử, là Niết Bàn hiện tiền. Nhưng chư vị nên để ý chỗ bất sanh bất diệt này là tâm gặp cảnh không dính, căn xúc trần không nhiễm, còn khi tâm không gặp cảnh căn không xúc trần mà nói mình không sanh diệt rồi đến khi gặp cảnh nó sanh khởi nó dẫn ông Phật của mình đi tuốt luôn, thế nên phải thận trọng.

Pháp môn Thiền Tịnh có hai yếu điểm là tu thiền và tu định.

Tu định nó còn cái thừa, còn cỗ xe dừng chờ từ đây đến kia, mà muốn từ đây đến kia thì trước phải có giới rồi định rồi đến huệ, trước người tu phải trì trai giữ giới đi tuần tự, do giới có định, từ nhân mà đến quả. Phật chia ra tam thừa:

Tiểu thừa: Như con dê mắc bẫy đến chừng thoát ra khỏi bẫy, nó chạy không dám ngoái lại, không dám cứu vớt ai, miễn mình thoát thân được thôi.

Trung thừa: Tức Duyên giác thừa như con nai, ra khỏi bẫy rồi nó muốn mở bẫy để cứu đồng bạn mà không dám, đi cũng không đành, nó đứng lừng chừng hoài

Đại thừa: Tức bạch ngưu chỉ xa, thoát ra khỏi bẫy quay trở lại mở bẫy liền, dầu có vào vô gián địa ngục để cứu bao nhiêu chúng sanh thoát khổ thì ta vẫn cứu, vì ta đã hy sinh thân tứ đại này từ vô lượng kiếp, xem chúng sanh như con ruột thịt nên xả thân cứu độ nào có tiếc gì, đó là hoằng pháp lợi sanh báo Phật ơn đức.

Bồ Tát nhìn chúng sanh như con ruột, trong vòng luân hồi quanh đi lộn lại bao nhiêu kiếp đã từng là cha mẹ, anh em, thân bằng quyến thuộc với nhau, khi chiếc thân tứ đại bỏ đi, qua một kiếp khác bị cách ăm nó làm mê nên không nhớ. Vì lẽ này mà đức Phật lay động xương khô xót xa rơi lệ.

Đó là nói chỗ thứ lớp tu từ thấp lên cao, tuy là thứ lớp nhưng cũng phải có bậc thầy dẫn dắt. Chư Tổ nói “học đạo không thầy như leo cây tìm cá”, cá đâu có trên cây mà

kiếm, phải nhờ người biết chỉ dẫn, cá lớn ở trong nước đục, nước sinh mới có, chớ kiếm chỗ nước xanh trong cũng không có nữa, đường tu cũng vậy nếu không người chỉ dẫn khi gặp chướng ngại rất dễ chán nản hoặc bỏ cuộc, hoặc làm cầm chừng không đi đến đâu.

Qua phần tu thiền thì không còn thừa, chỗ nào cũng thiền, chỗ nào cũng Phật, ở trong chúng sanh mà không định chúng sanh thì đó là Phật rồi, nên nói trực tâm tức thị đạo tràng, đó cũng là thiền trực chỉ là ma ha bát nhã ba la mật đa, một câu này là phá nhị biên vào đạo tràng thanh tịnh. Dòng thiền này gọi là “niêm hoa vi tiếu” từ hội Linh Sơn Đức Phật truyền cho Ngài Ma Ha Ca Diếp, rồi từ đó Tổ Tổ tương truyền, tâm tâm tương ấn mãi đến ngày nay.

Đến đây chư thiền tri thức đã rõ thế nào là Thiền, thế nào là Tịnh, thế nào là Trực chỉ, thế nào là thiền qua phương tiện thứ lớp từ thấp đến cao. Tôi xin chư Phật mười phương gia hộ công đức này cho tất cả chúng sanh đồng tu đồng chứng.

NAM MÔ BỐN SỨ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

BÀI 5

DUY THỨC LUẬN

Giảng năm 1983

Hôm nay đầu xuân Quý Hợi 1983, được chút duyên lành, Sư Giác Trí trụ trì Tịnh xá Ngọc Thành đến viếng bỗn tự và có lời thỉnh cầu tôi khai pháp thiền trực chỉ. Vậy tôi xin thuyết minh một lớp thiền trong duy thức luận.

Đức Phật có nói: “nhứt thiết duy tâm tạo vạn pháp duy thức biến”. Vậy thức là gì và công năng của nó ra sao ?.

Chúng ta có mặt trên cõi đời này là do thần thức gá vào tinh cha huyết mẹ mà thọ sanh khi thọ thân tứ đại rồi, cũng do thức duyên theo trần mà tạo nghiệp, đến khi mạng chung nghiệp lại dẫn dắt chúng ta đi thọ thân khác, cứ loanh quanh mãi trong ba nẻo sáu đường không khi nào ra khỏi đều do nơi thức.

Duy thức học chia ra làm 8 thức gọi là “ bát thức tâm vương”. Năm thức đầu: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân; có hình tướng nằm nơi thân căn gọi là tiền ngũ thức; ba thức sau sâu kín bên trong là: ý thức, mặt na thức, và a lại da thức, ba thức này mỗi thức có một công năng khác nhau, nhưng chúng tương quan với nhau rất là chặt chẽ, khi năm căn tiếp xúc năm trần thì thức thứ sáu này khởi phân biệt, xấu tốt, hay dở, phải quấy, hơn thua. v.v... Thức thứ 7 Mặt na thức là thức chấp ngã, thu lượm vào những cái vừa ý và đẩy lùi ra những cái không vừa ý nên nó còn có tên là truyền tống thức. Thức thứ 8 A lại da thức là một cái kho để thức thứ 7

đưa vào cất chứa, hạt giống lành giống ác gì nó cũng tích trữ để chờ ngày đủ duyên gieo gặt. Tám thức này liên tục hoạt động không ngừng, tạo nghiệp chất chồng rồi đến khi thân hoại mạng chung lấy nghiệp làm nhân, theo đó mà thọ sanh, quanh đi lộn lại trong ba nẻo sáu đường. nếu thức chứa nhóm cảm thú thì quả sanh vào cõi súc sanh, thức chứa nhóm nhơn đạo thì sanh làm người, thức tu tiên thì sanh về cõi trời hưởng phước báo. Tóm lại thức còn sanh khởi thì còn quanh đi lộn lại trong vòng sanh tử.

Tuy nói tám thức nhưng chủ động là do ý thức, nói “vạn pháp duy thức biến” cũng đều do thức thứ 6 này thôi, công năng của nó là khi xúc trần nó liền khởi thấy, nghe, hay, biết rồi phân biệt tốt xấu, khen chê. Như khi nhãn căn tiếp xúc với sắc trần khởi cái thấy biết; nếu nói do mắt thấy, vậy sao khi xác thân hoại thức thứ sáu tách rời với sắc thân thì mắt không còn thấy nữa? con mắt là căn trần nó chỉ làm duyên cho ý thức khởi thấy biết đó thôi. Thấy biết rồi nó lại khởi phân biệt hay dở, khen chê. Ví dụ như cùng một lúc có 2 người đi ngang một nhà hát nọ, có tiếng đồn ca, anh A cứ thanh thản đi, không để ý gì đến lời ca tiếng nhạc, còn anh B chăm chú lắng nghe tiếng hát, tâm khởi nghĩ ca sĩ nào, hát bài gì, hay hay dở, bao nhiêu tư tưởng khởi lên liên tục, đó là thức thứ 6 của anh ta đang hoạt động, còn anh A thì thức thứ sáu không khởi nên tâm anh thanh tịnh.

Vì vậy tu thiền là cần tu ngay thức này để chuyển thức thành trí, duy thức học gọi là Diệu quang sát trí. Ý thức này làm chủ tiền ngũ thức, năm thức trước ví như người làm

công, ông chủ sai bảo gì cũng phải nghe theo. bây giờ tu là ngay đó mà chuyển chỗ không phải tìm kiếm đâu xa.

Đức Phật vì đại sự nhân duyên mà xuất thế, khai bốn tướng thiên để dẫn dắt chúng sanh, nhập Phật tri kiến, bốn tướng ấy là khai, thị, ngộ, nhập. Bởi vì chúng sanh cứ khai cái chúng sanh tri kiến hoài, nó vừa hết cái quả sanh diệt này, liền ương hột giống sanh diệt khác nối tiếp nhau không dứt, cho nên Phật dạy chư Bồ Tát hãy đem bốn tướng khai, thị, ngộ, nhập gieo vào tàng thức của chúng sanh. Trước tiên là Như Lai khai tướng, tức là người tu Phật trước phải phải bỏ râu tóc, mặc áo hoại sắc, thọ trì giới luật, đó là cái tướng Như Lai. Nhưng phải hiểu tướng Như Lai cũng vẫn phải biến hoại theo định luật vô thường. Kinh Niết Bàn nói chư hành vô thường, thị sanh diệt pháp, các hành đều vô thường thay đổi, Đức Phật cũng phải sanh, già, bệnh, rồi tịch diệt, thân tứ đại trả về cho tứ đại, chỉ có pháp thân Phật (tánh Phật) là thường hằng bất biến.

Kế đến là Như Lai Pháp, đức Phật mở bày các pháp qua tam thừa tứ quả. Người tu tiểu thừa trì trai giữ giới, mỗi tháng 6 ngày trai rồi lên 10 ngày gọi là chay kỳ. Qua trung thừa thì trường trai, bố thí phóng sanh trị lòng tham lam bôn xēn. đến đại thừa thì hy sinh thân này thượng cầu Phật đạo hạ hoá chúng sanh báo ân Đức Phật. Đó là trong ba thừa làm hóa thành dụ dẫn dắt chúng sanh từ thấp lên cao. dùng ba thừa này để chuyển cái thức từ si mê lầm lạc, chạy theo sắc, tài, danh, thực, thụý, bây giờ nương nơi giới tướng chuyển lần lần, cũng từ nơi thức mà tu chỗ không có thức lấy đâu mà tu, không thức tức là vô thức, vô tri như cây gỗ,

như sắt đá sao ? tu nghĩ là mình có thức mà không khởi
nhiễm trần, còn gọi là cư trần bất nhiễm trần, không dính
mắc vô cái đúng sai, phải quấy, không để ý đến chuyện thị
phi. Như chị A sáng xách giỏ đi chợ, trên đường đi gặp hai
người cãi lộn, khi về có người hỏi, xóm trên có hai người cãi
lộn lớn tiếng chị có nghe họ cãi gì không ? Đáp: Tôi không
nghe gì hết. Vì khi đó thức của chị không dính nhiễm, cho
nên sanh cũng nó mà diệt cũng nó, lúc nóng giận thì mắng
chửi người ta, đến chừng hết giận nghĩ lại: chà, tôi bậy quá!
đúng hay bậy gì cũng do một chỗ đó mà thôi, chỉ cần
chuyển nó, dừng nó chớ không phải bỏ cái chúng sanh này
để đi tìm cái Phật ở đâu. Giới tướng cũng chỉ để ngăn chặn
vọng thức chúng sanh, khi gặp chuyện hơn thua phải trái
nhớ lại mình là người tu Phật đầu tròn áo vuông đi tranh cãi
khó coi quá, giới tướng như cánh cửa, như hàng rào chặn bớt
người ăn trộm làm cho nó chướng ngại khó khăn vậy thôi.

Còn pháp Như Lai như vị thuốc, chúng sanh đa bệnh
Phật dùng nhiều thứ thuốc, người nào có bệnh tham Phật
dạy pháp bố thí, người nào bệnh sân Phật dạy từ bi, một vị
thuốc trị một chứng bệnh, khi bệnh hết rồi thì cái mạnh tự
nhiên hiện ra chớ khỏi phải đi tìm kiếm. Phạm cũng do thức
mà không phạm cũng do thức, nếu mình thấy cảnh mà
không vọng, không vọng thì đâu có phạm, ví như người
nghèo không có tiền, thì không có cái sợ mất tiền, vì có mới
có cái lo sợ có ngày sẽ trở thành không, còn trong túi không
có tiền mà sợ bị móc túi lấy tiền là chuyện vô lý, như Sư
Giác Trí đây trong luật nói: “Thích tử xưng bần, tích tài hà
dụng” họ Thích đã chấp nhận cái nghèo rồi thì chứa tiền

dùng vào việc gì, mà không chứa tiền thì không có cái sợ mất, thế nên có cái thức khởi rồi thì không có cái kia, dù có đi tìm cũng nhọc công vô ích. Khi tu dùng được thức thứ sáu thì năm căn nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân cũng dùng luôn, tai nghe tiếng ngọt ngào không khởi tâm thương mến, nghe tiếng nói nghịch không khởi tâm chán ghét, con mắt thấy tốt vẫn biết tốt mà lòng không nhiễm, không ước muốn vật đó về mình, năm căn không bị ý thức sai sử nữa thì thanh tịnh, Phật chế ra oai nghi giới luật cũng chỉ để tu chỗ này mà thôi, tu trong tất cả thời hành, trụ, toạ, ngọa đều giữ tâm không vọng động, nhưng nó cũng còn bị kẹt trong giới luật cũng như sợi dây trói thì dù dây kẽm hay dây gòn gì cũng là sợi dây cả, vì thế tu phải tiến lên từ từ cho đến chỗ Niết Bàn diệu tâm là cởi bỏ sợi dây trói buộc, dù cho nhẹ như bông cũng không để dính kẹt nữa.

Niết Bàn diệu tâm là gì ? do đâu mà có ?

Niết là vô sanh, tâm mình không còn sanh khởi vọng thức nữa là tu chữ Niết rồi.

Bàn là bất diệt, chữ Bàn nó còn có nghĩa là không dật thêm sanh tử nữa. Khi thức thứ sáu đã dứt được sự sanh khởi thì mình vào Niết Bàn rồi chớ đâu phải đợi lúc chết mới nhập Niết Bàn, nên nói: “Bất sanh bất diệt tiện thị Niết Bàn” Đây là chỗ: “Niêm hoa vi tiếu”, Đức Phật truyền trao Chánh pháp nhãn tàn Niết Bàn diệu tâm cho ngài Ma Ha Ca Diếp, đó chính là Thiên Trục Chỉ, chúng sanh thị Phật, Tổ Tổ tương truyền đến tổ Bồ Đề Đạt Ma sang Trung Hoa truyền tiếp đến Tổ Huệ Năng tất cả là 33 vị. tổ Huệ Năng

chia ra làm nhiều nhánh, thầy tôi là giọng Nam Nhạc Hoài Nhượng, tính đến nay là 43 đời.

Trực chỉ là chỉ thẳng, dừng thẳng, chỗ thiện ác không có, có tu là dư, không tu là thiếu, bởi vì có tu là còn khởi thức tu, còn dính kẹt trong thức thứ sáu, còn nói tu dư thôi không tu nữa là thiếu vì nó cũng còn khởi cái thức không tu. Ví dụ như tôi đang nói ra đây, có nói ra, ai nói ? quý vị chỉ biết tôi nói thôi, không thêm không bớt, không dư không thiếu gì hết. Chỉ cần nắm chỗ “ Bất tùy phân biệt” vì khi khởi phân biệt nó đều có thức còn không phân biệt là chỗ trở về trí huệ bát nhã. Bát nhã là có mà không khởi ý, như đi ngang qua rạp hát, người ta hát gì mình cũng nghe hết, không ai bịch lỗ tai mình, nhưng mình nghe mà không khởi thức phân biệt nên không ưa thích cũng không chán ghét, nói chúng sanh thị Phật tức là vậy đó, hể nhiệm nhơ là chúng sanh mà hết nhiệm nhơ là Phật chớ không có ông Phật nào ngoài mình. Tổ nói đừng có đào đất mà kiếm trời không bao giờ có, mình cứ ôm cái sanh diệt mà cầu tịch diệt thì không bao giờ được, ví như đang bệnh thuốc không chịu uống mà muốn mạnh thì làm sao mạnh được, chỉ cần uống thuốc cho hết bệnh thì mạnh chớ ngồi đó mà cầu hoài cũng không bao giờ mạnh được.

Tổ dạy: “ Ly tình cắt đoạn trần duyên hữu ái, lưu tình tức thị lâm tai”, ly tình cũng do thức mà lưu tình cũng ở nơi thức mà thôi, hể còn cái thức thì dù việc thiện đi nữa cũng trở lại cội này, thức giữ như nghĩa cang thường (về nhân đạo) thì trở lại cội người, thức tu thập thiện thì lên cội trời sắc giới, khởi tu thập thiện là nhân, cội trời là quả, vì vậy

mà Phật nói ba cõi không an như trong nhà lửa, dù ở cõi trời cũng có hạn kỳ, ví như mũi tên bắn dù nó có sức mạnh cho mấy đi nữa, bay cao đến đâu đi nữa cũng có lúc nó phải rơi xuống. Chư vị phải biết cái thức này nó thiên hình vạn tướng, sanh hay không gì cũng nó thôi quý vị thử kiểm lại xem, mới sáng mới này nó nói tôi nói như vậy là đúng như vậy là phải ai nói khác tôi là sai là bậy, đến chiều nó nói: À, hồi sáng này tôi nói bậy quá! đúng hay bậy gì cũng tự nó thôi, vì thế Tổ dạy té chỗ nào thì chửi chỗ đó mà đứng dậy. Bản thể của nó là “Như như”, bởi nó **khởi sanh** cho nên phải **khởi diệt**, nói diệt mà không diệt chỉ dừng cái khởi sanh mà thôi. Kinh Kim Cang Bát nhã nói “Vô vô minh diệt”, nó không có vô minh mà diệt cái gì? “Vô vô minh tận” nó cũng không có cái hết vô minh, không có sanh, không có già, không có cái hết sanh già; vì nó không có nhân sanh già thì làm sao có quả sanh già, ví như bây giờ mình ra chợ, tâm mình khởi mua món nọ món kia thì miệng mình hỏi giá cả, tay mình trả tiền rồi cầm món đồ đem về, còn không khởi mua thì đâu có trả tiền, đâu có cầm món đồ đem về, thế nên muốn thoát đường sanh tử chỉ cần chỗ thức thứ sáu này đừng khởi phân biệt nữa thì dứt sanh diệt mà dứt sanh diệt thì tịch diệt hiện tiền. Chư vị nên nhớ chỗ tịch diệt này là chỗ sẵn có chỉ cần dừng cái khởi niệm là tự nhiên nó trả về, còn nếu khởi dù cho khởi một pháp tu nào cũng là vọng động, là bệnh của thiền. Chư Tổ nói: “Khởi tâm quán tịnh tại bệnh phi thiền”. Nơi cái định nó đã sẵn có từ vô thủy gọi là “Diệu định” mà chẳng hay chẳng biết, đang ngồi yên lại khởi nghĩ tới giờ tôi tu định, phải đi công phu mới được, mình

khởi cái tâm này là máng thêm cái tịnh nữa. không khởi mà tự nhiên tịnh mới gọi là diệu định. Chư vị nên biết tham thiền là tham tánh, tánh nó tự sáng suốt tự xét thấu chứ không có khởi, đức Lục Tổ nói: thiền tánh vô trụ, vô trụ là thiền tịch. Cái tánh Bát nhã nó không trụ nơi nào, nếu còn trụ tức còn bị chướng ngại, nó ngăn nơi đó, không trụ thì tịch lặng, còn khởi lên mà muốn được tịch lặng thì không bao giờ có, vì nó đã dính cái duyên khởi rồi, thế nên nói còn tu tức còn sanh tử. Vì sao? Vì mình tu phước, tạo phước về sau mình hưởng sự giàu sang. nói như thế không phải tôi bất bỏ sự tu phước nhưng khi tu phước chư vị nên giữ tâm mình cho được tam luân không tịch, người thí, vật thí, kẻ thọ thí đều vắng lặng như hư không tức nó trả về Bát nhã, làm phước mà không cầu nhơn hữu lậu thì dứt được sanh diệt ví như nước khởi lên thì gọi là sóng, sóng lặng thì trả về nước. Có nhiều người tu cứ nói tôi tu để tìm cái tịch diệt, càng tìm thì càng mất, vì cái tâm mình cứ mãi đi tìm kiếm, đi cầu, đi hỏi thì đó là cái sanh diệt, sanh sanh khởi khởi hoài làm sao mà có tịch diệt cho được! nên hiểu cái tịch diệt ở trong chỗ đừng có sanh diệt nữa, cho nên người tu thiền đã vào định đủ rồi nó dứt cái sanh diệt, nhưng cái tịch diệt chưa có, nó còn lưng chừng chỗ đó thì nên trầm tĩnh, đừng khởi nghĩ mong đợi, tâm đừng nôn nóng sao lâu quá! sao định lâu rồi mà chưa được tịch diệt, khởi cái đó là sanh diệt trở lại đó đa. Cứ biết rằng sớm muộn gì trăng cũng phải mọc, hôm nay mười tám rồi trăng lên trễ một chút, chớ có vọng cầu mà kẹt vào thức. Lại có người nghe nó đoạn thức tưởng rằng phải ngồi trơ lặng như đất đá, như cây gỗ cho nên không còn biết

gì hết, đó là lạc lối tu. Tu thiền đây biết nhưng không khởi phân biệt, không phân biệt thì chơn thức hiện ra, cho nên tu thiền hay tu giáo gì cũng nơi thức mà thôi. Tóm lại Duy thức học chia ra tám thức, tu chuyển thành bốn trí:

- Tiền ngũ thức chuyển thành Thành Sở Tác Trí.
- Ý thức chuyển thành Diệu quang sát trí
- Mạt Na thức chuyển thành Bình đẳng tánh trí
- A Lại Da Thức chuyển thành Đại viên cảnh trí

Gọi là pháp tướng tông, nhưng căn bản cũng chuyển từ ý thức, chuyển được ý thức thành Diệu quang sát trí rồi mấy thức kia cũng chuyển theo hết. Còn thiền thì lấy Bát nhã làm gốc, khai mở được trí Bát nhã thì không còn chấp, không còn trụ, không ô nhiễm nữa; tâm vắng lặng hoàn toàn, mà cái gốc Bát nhã này cũng từ thức thứ sáu “Công vi thủ tội vi khôi” nó không sanh diệt nữa tức là Bát nhã, thế nên hôm nay nhân có sư Giác Trí tham vấn tôi khai một lớp thiền qua Duy Thức Luận để cho chư vị thấy được chỗ dung thông giữa hai pháp này, chư vị hãy cố gắng thực hành tu tập sẽ hiểu rõ thêm, vì Tổ đã nói “Tu đạo như thị giáo” cái đạo lần lần nó dạy mình, nó làm cho mình trưởng thành lên, sáng tỏ lên, đó là nhờ vào công phu tu tập.

Thời pháp đến đây đã viên mãn, tôi xin hồi hướng công đức này cho tất cả chúng sanh trong pháp giới.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT.

BÀI 6

CHƠN KHÔNG DIỆU HỮU

Hôm nay sư Giác Trí thỉnh tôi khai chỗ tại sao Phật nói “Chơn không Diệu hữu”

Trước hết tôi giải nghi hai chữ chơn không. Chơn không là cái “không”, không phải đối với cái “có” mà có không, tức là không dính vào các pháp dù rằng một niệm khởi rằng tôi không nghĩ gì hết, tôi đang “không đây” thì cái nghĩ đó cũng là dính kẹt. Ví dụ như một nhóm năm người, bốn người kia cặm cùi làm việc, còn một người nói: tôi không làm gì hết, tôi đang ngồi không đây, tôi trở về với chơn không đây, như thế tức là dính kẹt rồi, kẹt vào cái niệm khởi nghĩ “không”.

Chơn không là cái thể sẵn có từ vô thủy, nó không sanh không diệt, vì mình dính vào các pháp nên có sanh diệt, rồi dùng cái sanh diệt nầy để diệt cái sanh diệt kia để tự gắng cho nó một cái “không” chớ thật ra vẫn còn có pháp, nên nói pháp không thì không phải là chơn không, chỗ chơn không là không còn các pháp nữa, không còn một mảy mai sanh diệt nào nữa, đức Phật nói đó là vô sanh pháp nhẫn, tự trong tánh mình nó đã tự có, đó là chỗ bí yếu không thể chỉ được cũng không thể dùng mắt mà thấy được. Đức Lục Tổ diễn tả chỗ nầy bằng bốn câu kệ:

Bồ đề bốn vô thọ

Minh cảnh diệt phi đài

Bốn lai vô nhứt vật

Hà xứ nhà trần ai

Tánh Bồ đề không có cây, gương sáng cũng không cần đài, vì bản chất của gương đã sáng rồi đâu phải có đài mới sáng, vốn xưa nay trong đó không chứa một vật gì thì có gì mà dính bụi bặm. Chỗ chơn không để bản lai thanh tịnh không dính mắc vật gì, không dùng pháp gì để được nó, cũng không bớt một pháp gì để có nó. mình tu là dùng trống trêu trống, hết trống rồi trở về thể tánh sẵn có của mình, chớ không phải tu để được cái thể tánh nào bên ngoài vào hay ai cho mình. Sao gọi là Diệu hữu ? Phật nói pháp đều là hữu, Phật khai tướng, khai giới, khai hạnh mà sao Phật lại nói:

“ Chư hành vô thường

Thị sanh diệt pháp

Sanh diệt diệt dĩ

Tịch diệt vi Lạc”

Phật chỉ cho chúng ta thấy các pháp đều vô thường sanh diệt, chỉ khi nào sanh diệt hết rồi mới có cái tịch diệt, mà muốn được tịch diệt thì phải dừng sanh diệt tức là đừng có dính với cái vô thường nữa. Phật khai tướng nói “ Có” rồi dần dần chúng ta tu trong cái có đó dần dần trở về cái “ không” như nói có thân này, hiện tại ta thấy mình có đi, đứng, nằm, ngồi, có ăn uống, ngủ nghỉ tức là có thân, nhưng người tu không chấp vào cái có thân, không quý thân; xem thân này như chiếc thuyền ma tạm mượn qua biển khổ, biết thuyền ma mà vẫn phải đeo nó, không đeo làm sao qua khỏi biển khổ! từ chỗ có mà biết tu nên không chấp vào cái có, không tìm cách cung phụng cho thân, khi ăn thì biết mình

ăn để nuôi mạng sống, không tìm cầu đòi hỏi món ngon vật lạ, là vì biết nó vô thường, ăn ngon bao nhiêu cũng chôn vùi theo bốn phần đất, nước, gió, lửa. Đó là không dính vào tướng vô thường sanh diệt, là tu trong cái có mà trở về cái không. Chư vị nên biết trong cái có mà khởi thức là dính với cái tướng vô thường, mà không khởi thức thì không dính, chỗ chủ yếu để tu là thức. Tôi nêu một ví dụ cụ thể như một đứa bé năm mười tuổi mỗi lần tết đến được cha mẹ may cho quần áo mới thì vui mừng biết bao, rồi đến già sáu bảy mươi tuổi cũng may đồ mới, mặc đồ mới, vậy hỏi có còn cái tâm vui mừng như lúc nhỏ nữa không? vì cái thức khi năm mười tuổi ưa thích món đó, còn cái thức của ông già sáu bảy mươi tuổi không còn ưa thích nữa nên không vui mừng. Nên nói cũng ở trong hữu mà không nhiễm ô thì đó là Diệu hữu. Cư trần mà không dính trần, không sanh không nhiễm, cũng không có cái pháp của Phật mới thật là Diệu hữu. Vì vậy mà Kinh Pháp Hoa Phật nói phẩm nào cũng là hóa thành dụ, Phật dùng thí dụ nọ thí dụ kia để mọi người ra khỏi nhà lửa, chứ kỳ thật là để các người đừng dính nhiễm. Chỗ Diệu hữu này ví như đóa hoa sen ở trong bùn nhơ mà không dính bùn nhơ đó gọi là Liên hoa dụ hiển. Trong tàng thức của chúng ta nó đã tích chứa từ nhiều kiếp trong quá khứ, rồi trong kiếp này lưu tình trở lại cho kiếp vị lai để tiếp tục đi trong sanh tử. Bây giờ ngay đây ta hãy đoạn dứt thì bao nhiêu tội nghiệp lần lần tiêu hết, ví như bàn tay ngửa rồi úp xuống thì vật trên tay đổ hết, không lưu giữ một món gì, nên nói:

Nhất niệm viên quang tội tánh không

Đẳng đồng pháp giới hàm thanh tịnh

Đó là nói nhân quả đồng thời, ví như quả dưa hấu, lấy hột gieo nó sẽ lên quả vị lai, bây giờ ăn xong đổ hột xuống sông thì lấy nhơn nào mà có trái dưa trong vị lai ? cho nên ngay bây giờ đây cái thức nầy phải dứt sanh tử trong sát na gian tam muội, phải tu trong sát na tam muội chớ không đợi tý, ngọ, meo, dậu gì hết; mà trong 108 cái tam muội ta lấy cái “không” tam muội tu trước.

Trước hết phải ngộ chỗ tâm vô thường, cảnh vô thường, các pháp huyễn hoá sanh diệt. “không” đây là không có cái gì trường tồn bất biến, ngộ được như vậy rồi thì không còn dính với vô thường sanh diệt nữa. Không tam muội rồi đến vô tướng. Tại sao Phật khai tướng rồi nói vô tướng ? Tuy ở trong tướng nhưng đừng nhận cái tướng nầy là chơn thật thường tồn, hữu hình hữu hoại, tất cả đều tạm mượn thôi. Thân nầy ta cũng tạm mượn nó một thời gian, năm chục, bảy chục năm rồi trả về cho tứ đại, cuộc sống tạm bợ, ví như cuộc hành trình khoảng đường dài ta phải tạm mượn phương tiện xe bus, ngồi trên xe bus ta biết đó là phương tiện tạm mượn để đến điểm thôi nên dù chỗ ngồi có êm, có đẹp đến đâu ta cũng không chút mền tiếc lưu luyến. Rồi từ vô tướng nầy đến vô tác, vô tác là không làm, không làm đây không phải là ngồi không mà không tạo cái gì dật thêm sanh diệt, hiện tại cũng như quá khứ đều không kết dật thêm nữa. Ví như ngồi đây mà quý vị nhớ lại hồi trước tôi thích món đó, bây giờ tôi không còn thích nữa. đó cũng là một niệm kết dật sanh tử, tại sao không còn thích ? không còn thích tức là còn cái “nhớ lại” ngày trước chớ gì

? mà còn nhớ tức là còn sanh diệt. Cái gốc của sanh diệt là do mình nhận lầm cái giả mà cho là thật, rồi bám víu vào đó để chịu khổ muôn đời, cái thân tứ đại này giả tạm vô thường nó đâu bền vững mà phải cần cù phục vụ cho nó. Có nhiều người già tám mươi, chín mươi tuổi rồi khi bệnh thấy thuốc nói bệnh ông không qua khỏi thì sợ hoảng lên, sống thì đi không nổi, thân già than khổ mà nghe đến cái chết lại sợ, cứ nuôi tiếc thân này không dám bỏ, đó chính là chỗ kết dệt thêm vào sanh tử luân hồi. Cho nên người tu thấy được vô thường rồi thì không chấp thân, thấy tâm vô thường không chấp tâm dứt nhân sanh tử. Có người hỏi, nói Phật tại tâm nhưng tâm vô thường biến đổi hoài làm sao mà có Phật, còn nói Phật ngoài tâm thì dùng tâm để tu làm gì, ví như vắt sữa bò, sữa trong con bò không vắt mà vắt sừng bò thì làm sao có sữa! thế nên biết ngay từ cái tâm vô thường biến đổi này mà chuyển, mà tu. Phật dạy phát bồ đề tâm cũng ngay từ cái tâm này mà phát, nên Lục Tổ nói: "Hữu tình lai hạ chủng, nhưn địa quả hườn sanh". Hễ mình có tình (tâm vọng) là đem hạt giống gieo xuống đất nó sẽ có quả trở lại, gieo giống gì thì nó lên quả đó. Còn tu là đoạn, là không còn gieo nữa, nên nói:

Dục cầu tu đại đạo, tiên đoạn thế gian tình.

Dục thoát luân hồi khổ, tảo cấp niệm Di Đà.

Muốn tu đại đạo thì phải đoạn cái tình thế gian, muốn thoát luân hồi khổ, phải sớm niệm Di Đà. Hai chữ Di Đà hiểu rộng ra thì nó đầy đủ trong đó, trong một sát na nào ta cũng không lìa cái đạo nơi tâm ta là Di, nếu lìa tức không đạo, mà trong sát na không đạo thì chỗ nào có đạo? Tự tâm

mình bắt chơn, vô xứ hà cầu chơn? Tâm mình không chơn thì còn cầu chỗ nào. Thế nên phải giả công tu từ trong từng sát na. Ví như người đời muốn được giàu sang phú quý thì trước tiên phải chịu khó nhọc thức khuya dậy sớm ăn ít làm nhiều, tích lũy từ từ mới thành bậc tiểu phú. Lại phải có trí xét đoán nhận định rõ ràng có một hướng đi nhất định rồi thì dù gặp cảnh nào cũng phải chấp nhận, phải vượt qua để đi cho đến bờ đến bến, nếu không có trí nhận định thì dễ bị người khác lung lay. Như có người nọ định xây một cái nhà, ban đầu nghe nói xây nhà ba căn rộng rãi thoáng mát, anh ta kêu thợ lại xây, đến gần xong lại có người nói xây nhà bánh ít cao đẹp, sang trọng hơn, nghe vậy anh ta đập bỏ xây lại, đó là không có trí nhận định xét đoán sẽ gây thiệt hại không ít. Thế nên chư Tổ dạy pháp quán thoại đầu, ví như con chuột cắn đậy ruộng, gặm chỗ nào thì cứ một chỗ đó mà gặm, dù cho nó dày, nó cứng cũng cố gắng mà gặm sẽ có ngày nó bị lủng, còn nếu mỗi chỗ gặm một chút thì không bao giờ thành công được. đó là chỗ: Đạo do tâm ngộ, ngoài tâm không có chỗ nào hết. Đến đây, tôi xin tóm lại, chơn mà đối với vọng để lập chơn là còn trong luật tương đối chớ chưa phải chơn không, nên có câu:

Xả vọng tâm thủ chơn lý.

Thủ xả chỉ nhưn thành xảo nguy

Học nhưn bất liễu dụng tu hành.

Chơn thành nhận tặc tương vi tử.

Xả bỏ cái này (vọng) để giữ cái kia (chơn) là còn chấp một bên, đó cũng còn kẹt trong hư giả, người tu hành nếu không hiểu được chỗ này sẽ vô tình nhận giặc làm con, có

ngày sẽ mất hết của. Chơn không là không vướng mắc một vật gì cả, như bầu hư không rỗng lặng, mây bay, mây tụ gì cũng không làm cho bầu hư không thay đổi. Còn diệu hữu là cái có mà không dính với cái thức khởi thấy, nghe, hay biết của các căn. Chỗ này Tổ Quy Sơn có nói:

Thật tế lý địa bất thọ nhất trần.

Vạn hạnh môn trung bất xả nhất pháp.

Không thọ một mảy trần nào mà cũng không xả một pháp nào, tức là làm mà không dính, không chấp vào việc mình làm, gặp việc đến thì làm, qua rồi thì thôi, như bóng chiếu trong gương, bóng qua rồi mặt gương vẫn phẳng lặng trong sáng. Ngay cả pháp tu cũng không dính mắc, nên kinh Bát Nhã nói: “Vô sở chứng, vô sở đắc”. Nếu còn chứng còn đắc thì còn dính kẹt, phải buông xả hết, tâm không trụ không mắc như ngọn gió rong chơi nhẹ nhàng trên cỏ cây hoa lá. Nên nói:

Vô tu, vô chứng, vô cầu

Tử sanh đâu có, lo rầu tử sanh

Không còn sanh tử nữa thì đâu có chuyện lo rầu vì tử sanh. Đến đây chắc chư vị đã hiểu rõ về Chơn không Diệu hữu, tôi xin chúc chư vị được đồng ngộ Phật tâm, đồng thành Phật đạo

NAM MÔ BỐN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

BÀI 7

NĂM TÔNG THIỀN

Trong bốn mươi chín năm thuyết pháp độ sanh đức Phật tùy bệnh mà cho thuốc, mỗi vị thuốc đều có tác dụng riêng, thế nên bước vào đường tu chúng ta phải biết rõ pháp môn Phật dạy để xem căn cơ trình độ mình thích hợp với pháp nào mà hành trì, ví như người bệnh phải biết công dụng của thuốc mà dùng cho đúng bệnh. vì vậy mà đề tài tôi nói hôm nay là năm tông thiền.

Nói tu thiền phải tu như thế nào cho đúng pháp Phật dạy chớ đâu phải ngồi nhắm mắt mà gọi là Thiền trong Thiền có năm dòng mỗi dòng là một vị thuốc, vì như bệnh nội thương thì trị thuốc nội thương, bệnh ngoài da thì trị ngoài da, mổ mực nhọt hay nhổ cái răng thì phải dùng thuốc tê chích vào vùng thịt chỗ đó để tránh đau nhức khi mổ, thế nên phải hiểu công dụng của thuốc, nếu không, nghe người ta nói thuốc tê giảm đau rồi đem uống thì nguy hại vô cùng. Pháp tu cũng vậy nếu sai một li đi một dặm nên xin chư thiện tri thức nhận xét cho thật kỹ để được lợi ích cho mình. Năm tông Thiền là:

- 1/ Thiền tông
- 2/ Pháp tướng tông
- 3/ Thiền thai tông
- 4/ Tịnh độ tông
- 5/ Mật tông

Trước hết tôi xin nói về Thiền tông.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi Thiền 49 ngày đêm dưới cội bồ đề, chứng đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác và khẳng định rằng Phật ngay nơi chính mình, nếu chúng sanh đều có sẵn Phật tánh. Ngày nay chúng ta tu Phật, phải hiểu rõ Phật ở đâu mà tu, nếu nói Phật ngay nơi mình tại sao lại phải tu ?

Thiền tông tức Trực Chỉ Thiền, chỉ thẳng Phật ngay nơi tâm mình, không qua một phương tiện nào. Đức Lục Tổ dạy vô niệm làm tông, vô tướng làm thể, vô trụ làm bản. Không niệm là khi đối niệm tâm không động niệm, không tướng là đối với sắc tướng mà lìa sắc tướng, không trụ là đối cảnh tâm không dính mắc, được như thế thì Phật hiện tiền, nhưng vì chúng sanh đã bao nhiêu kiếp trôi lăn trong sanh tử nên ông Phật của mình đã bị lớp vô minh phược vô minh gói gọn trong đó, hết tham đến sân, hết sân đến si, cái này vừa qua cái kia nối ráp, nên vì vậy mà không thấy được ông Phật của mình, và bây giờ chính mình phải bào mòn lớp vô minh, quét dọn lớp triền phược cho ông Phật của mình hiện ra. Cổ Đức có nói: Các nhơn tự tạo môi tiền kiếp, bất quản tha nhơn cập tự sương. Nhà của mình có tuyết thì mình tự quét chứ đi quét nhà người ta làm chi! mà quét dọn bằng cách nào, chỗ này Phật khai tướng Thiền, chỉ dạy phương tiện cho chúng sanh tu theo căn cơ thứ lớp. Có một câu chuyện nói về tiền thân đức Phật như sau:

Vào thuở xa xưa trên một chiếc thuyền đưa khách qua sông, đêm khuya thanh vắng có chàng trai trẻ đang

mơ màng nghe tên tướng cướp bàn tính mưu kế với đồng bọn giết năm trăm vị lái buôn cùng đi trên thuyền để cướp vàng bạc châu báu, nghe vậy chàng thanh niên liền nhanh nhẹn ra tay giết tên đầu đảng cướp để cứu mạng năm trăm vị lái buôn. Theo ý nghĩa câu chuyện, chàng thanh niên kia chính là tiền thân đức Phật đã vì lòng từ bi đành phải giết một người để cứu năm trăm người khác, nhưng câu chuyện này còn một ẩn dụ khác, chàng thanh niên kia chính là trí tuệ toàn giác, là Phật tánh của chính mình, năm trăm vị lái buôn dụ cho 5 thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, và thân thức, tên cướp dụ cho thức thứ sáu là ý thức, 5 thức trên vô tư nó chỉ nhận pháp trần để đưa vào thức thứ sáu, thức thứ sáu tác ý phân biệt ưa ghét khen chê để tạo ra muôn ngàn nghiệp chướng, cho nên giết tên ăn cướp là giết thức thứ sáu, đừng cho nó tác ý phân biệt khi năm căn đưa vào, ý nói người tu chúng ta phải luôn luôn vận dụng trí huệ, đừng ngay chỗ ý thức phân biệt thì ví như đốn cây bứng cả gốc rễ, không còn sợ đâm chồi nảy lộc nữa. Trong kinh Phật thường dùng lối khai quyền hiển thiệt, cho nên Phật dạy rằng: Y kinh diễn nghĩa tam thế Phật oan, ly kinh diễn nghĩa tức đồng ma thuyết. Nếu xem kinh mà hiểu nghĩa y theo kinh nói thì oan cho ba đời chư Phật, vì chư Phật nói kinh là dùng ẩn dụ khai quyền hiển thiệt, nếu y nơi văn tự mà không hiểu được thâm ý Phật dạy thì làm sao hiểu được chỗ sâu mầu của Phật pháp. Còn lìa kinh mà nói thì thành ngoại đạo rồi, xa lìa chơn lý Phật dạy nên nói tức đồng ma thuyết.

Trong kinh Pháp Hoa Phật khai quyền hiển thiệt, nói ba thừa xe dê, xe nai, xe trâu để dẫn dụ chúng sanh ra khỏi nhà lửa. Xe dê nó kéo xe dê chứ kéo xe nai không nổi, còn xe nai nó kéo theo sức xe nai chớ kéo xe trâu không nổi, rồi từ đó tác dẫn liền xe trâu kéo xe trâu chớ kéo xe voi không nổi. Ý nói thừa nào theo thừa đó, ráng tu rồi lần lần tăng trưởng chớ không có cái tu nào sớm mai cho tới chiều mà được, nếu tâm mong mỗi tu cho nhanh thì bị kẹt vào vọng động rồi.

Chư Tổ thường dạy: “Dục kiến mỹ ốc tiên trúc kỳ cơ”. muốn có một cái nhà cho đẹp cho bền thì trước tiên phải xây nền móng cho thật vững chắc. Chuyện tu hành cũng vậy, phải đi từng bước một cho thật vững chắc, bước vào đạo điều trước tiên là phải giới luật tinh nghiêm, tích công lũy đức, làm việc thiện, bố thí phóng sanh, giúp người bệnh hoạn đau yếu, ăn ở nghĩa nhân với đời cho tâm mình giảm lần tham sân, đó là tạo dựng một nền tảng bậc nhân thừa cho vững chắc mà đó cũng là cái chất liệu để khai mở trí huệ, ví như trồng một cái cây mà biết cách chăm phân tưới nước thì cây ắt được đơm bông kết trái xinh tốt, phải cố gắng chăm chút bôn mót từ lần ví mình như con chim tiểu liêu, nhào xuống nước uống đầy bao tử, nhúng mình cho ướt lông ướt cánh lại còn ngậm thêm một miếng nước rồi bay vào đám lửa hồng phun nước dũ lông, sức chim bé nhỏ mà chí cả không lui sụt, gian lao khôn khó không nản chí ngã lòng. Người tu hành, giới luật tinh nghiêm, thông hiểu giáo pháp hành trì nghiêm mật thì mới khai mở được trí huệ.

Tóm lại Thiền tướng Như Lai có phương tiện tùy bệnh cho thuốc, trước phải biết rõ bệnh và biết công năng của thuốc. Phật nói pháp Quyền, Thiệt, Đốn, Tiệm; đem pháp đốn mà ráp qua tiệm thì không thể được. Thiền tướng này có thứ lớp qua các pháp thừa, thỉnh văn thừa chấp cố bỏ không, duyên giác thừa chấp không bỏ cố; hai thừa này còn kẹt nhị biên nên Phật nói qua Bồ tát thừa sơ phát tâm, phát cái tâm rộng ra theo các pháp lục độ Ba La Mật, tứ vô lượng tâm, không dính cố, không chấp không, vượt qua nhị biên nhưng đây chỉ là giải ngộ thôi chớ chưa phải triệt ngộ; ví như hiểu trái mít có gai là phải rồi nhưng chưa hiểu mùi thơm của trái mít. Qua đến Bồ tát bất thối thì không còn kẹt nữa, tâm thể vắng lặng như màu đen và màu đỏ hợp lại thành một màu duy nhất gọi là màu Nu chồ này chính là thật tướng Bát Nhã

Thật ra Như Lai Thiền chỉ khác Trục Chỉ Thiền ở chỗ là có thứ lớp, có phương tiện cho người trung căn hạ căn dễ tu, nhưng đến kết quả rốt ráo thì không khác. Còn Trục Chỉ Thiền là chỉ thẳng nơi thể tánh, trực nhận ngay đó không qua phương tiện; pháp Thiền này dành cho những người đã sẵn có thiện căn. Trong kinh Kim Cang ông Tu Bồ Đề hỏi Phật qua đời mạt thế, chúng sanh nghe lời Phật dạy sanh tâm hồ nghi thì sao? Phật đáp: không phải vậy, chỉ có những người vì thiếu thiện căn không nghe được, còn những người đã nghe được từ kiếp lâu xa sở hữu thiện căn chủng chủng như duyên, cho nên nghe liền nhập chớ không còn hồ nghi gì nữa. Ví như hạt giống gieo xuống đất cùng một môi trường đầy đủ phân nước

rồi thì hoặc gặp trời mưa nó nảy mầm lên liền, hoặc chậm một chút nó cũng lên thôi, như có một ông già trồng bông bán tết, trong đám bông của ông có một số nở đúng tết ông đem ra chợ bán, còn số kia chưa kịp nở, qua tết nở muộn ông bán ngày rằm, cũng cùng một giống đó thôi. Ý nói gieo giống nào thì ra quả đó, sớm hay muộn mà thôi, cho nên bây giờ phải tạo nên để được giống tốt, giống chánh giác, giống giải thoát, để mai sau gặp được mình sự khời lên một câu liền bật ngộ, không còn hồ nghi gì nữa.

Kế tiếp xin nói qua Pháp tướng tông hay Duy thức tông.

Sao gọi là Pháp tướng tông ?-Pháp tướng tông là pháp môn quán sát hành tướng và nguyên nhân sanh khởi của vạn pháp. Nguyên nhân sanh khởi ấy là thức , nên nói “vạn pháp duy thức biến”, tất cả vũ trụ vạn hữu đều do thức biến hiện.

Pháp tướng tông hay Duy thức tông không nói về thể tánh chơn như mà nói về tướng của thức, cũng là tướng của các pháp. Duy thức chia chẻ hành trạng của các thức trong nội tâm một cách tường tận tỉ mỉ, tám thức tâm vương là mấu chốt, 51 môn tâm sở là phụ thuộc, người tu phải thấy rõ công năng và phạm vi hoạt động của từng thức trong tám thức tâm vương; Tiền Ngũ Thức là năm thức thô phù bên ngoài, còn 3 thức sau là ý thức, Mạt Na Thức và A Lại Da Thức thuộc về nội tâm ẩn sâu bên trong, tế nhị khó nhận khó biết. Tuy nó nằm bên trong nhưng là chỗ mấu chốt để gây tội tạo phước.

Chủ trương của Đại Thiên Đại là phá trừ vọng chấp ngã chấp pháp bằng cách quán sát rành rẽ hành tướng, sở trường sở đoản và công năng của mỗi thức, biết rõ các pháp điều nung nơi thức hiện ra, từ đó khéo đều hòa trong từng niệm khởi, nuôi dưỡng niệm tốt, dứt trừ niệm xấu ác, những biến chuyển của thức gọi là Y tha khởi, không thật có, vì mê mờ nên chúng ta chấp cho là thật, khi quán sát rõ ràng do thức biến hiện, giống như người tỉnh giấc chiêm bao, biết cảnh trong chiêm bao là do tâm mê hiện ra; biết như thế sẽ không còn chấp ngã chấp pháp nữa, chuyển 8 thức thành bốn trí, trí cao tột gọi là Đại viên cảnh trí. Người tu đến đây thấy được thể tánh chơn thật của vạn hữu, chứng Duy thức tánh, ngộ nhập chơn tâm hoàn thành Phật quả.

Đến pháp Thiền thứ ba là Thiền Thai tông. Thiền Thai tông đầu tiên do ngài Huệ Văn thiền sư dựa vào bộ Trí Độ luận, theo phẩm kệ:

Nhân duyên sở sanh pháp
Ngã thuyết tức thị không
Diệc danh vi giả danh
Diệc danh trung đạo nghĩa

Ngài lập ra tam chỉ và tam quán, truyền đến đời thứ ba là ngài Trí Giả Đại Sư ở núi Thiên Thai, ngài Trí Giả y theo kinh Pháp Hoa bổ túc cho pháp nhứt tâm tam quán được hoàn bị và thành lập phái Thiên Thai. Cũng như các tông phái khác, Thiền Thai tông không ngoài giáo lý căn bản của đức Phật đó là “chư pháp duy nhứt tâm”. Theo quan điểm của Thiền Thai Tông là ngoài tâm không

có pháp, ngoài pháp không có tâm, tâm tức chúng sanh mà tâm cũng là Bồ Tát, sinh tử cũng nơi tâm mà Niết Bàn cũng nơi tâm ấy.

Nhứt tâm tam quán là pháp tu nồng cốt của thiên thai tông, ba pháp quán này còn gọi là ba triển đà la ni:

Một là sơ triển đà la ni tức là “không quán”. Sơ triển đà la ni chuyển tướng sai biệt nhập vào không bình đẳng gọi là không quán. Đứng về mặt chân đế mà nhìn thì mọi sự vật nương với nhau mà sinh khởi, không có một tự thể riêng biệt, cái có của vạn hữu tạm bợ, giả dối, chúng sanh vì lầm chấp thật có rồi quay cuồng trong sanh tử, nay dùng không quán phá trừ mê lầm, cắt đứt tình chấp để thoát vòng sanh tử.

Thứ hai là bách thiên vạn ức Đà La Ni tức là “giả quán”. Pháp quán này đứng về mặt tục đế mà quán sát sự vật tuy không mà vô sở đắc, bản tánh vốn đủ của các pháp muôn hình vạn trạng không thiếu một pháp nào, tuy nhiều như cát bụi nhưng đều có thời hạn của nó, pháp quán này thấy được giả tướng của các pháp gọi là giả quán.

Ba là Pháp Âm phân biệt đà la ni tức là Trung đạo đệ nhứt nghĩa đế. Pháp quán này thấy được sự thật đúng đắn bao gồm tất cả các sự thật khác, hai pháp quán trên cũng thấy sự thật nhưng chỉ mới vén lên một khía cạnh thôi. Trung quán nhìn một lần cả hai khía cạnh có và không, mới nhận chân được các pháp tức chơn tức tục, dung thông cả hai, rõ ràng như ảnh chiếu trong gương,

bóng chiếu và thể tánh của gương đều đầy đủ, thể hiện cùng một lúc mà vẫn viên dung không ngăn ngại.

Khi thuần thực pháp nhứt tâm tam quán, hành giả sẽ thấy ngoài chơn như không có tâm, ngoài tâm không có vật, chơn như, tâm và vật không rời nhau như tánh ướt, nước và sóng. Tuy nói ba như gom về thể thì một, đứng về một phương diện mà xét thì có thể thấy cả ba, đó là ý nghĩa sâu sắc của Thiên Thai Tông.

Tông thứ tư là Tịnh Độ Tông. Tịnh Độ Tông cũng là Thiền mà là Thiền tịnh, đức Phật Thích Ca giới thiệu cảnh giới cực lạc của Phật A Di Đà tốt đẹp trang nghiêm đầy đủ hoa thơm báu lạ, đó là cái quả, người tu muốn đến đó thì trước tiên cái tâm của mình phải thanh tịnh, kinh A Di Đà có nói niệm Phật đến nhứt tâm bất loạn thì khi lâm chung có Phật A Di Đà đến đón, thật sự khi đã đạt đến nhứt tâm bất loạn rồi thì ông Phật của chính mình hiển hiện và cõi tịnh độ ngay nơi chốn ta bà này chớ đâu xa. Pháp môn tịnh độ thịnh hành từ khi Tổ Huệ Viễn xiển dương pháp này tại Trung Hoa vào đời Đông Tấn. Vì chúng sanh đa niệm nên Tổ dạy dùng câu niệm Phật ngăn chặn vọng niệm, tức là lấy cái sanh này để ngăn cái niệm sanh kia, gọi là đập gai lấy gai mà lể, khi cái gai bị đập lấy ra được rồi thì cái gai lể cũng phải bỏ. Niệm Phật được tâm định, nhờ định sanh Huệ, trong giáo có tiền có hậu, nếu không hiểu lời Tổ dạy rồi nắm theo cái tiền cái hậu phân tách theo nhưn ngã thì không được, như có nhiều người hiểu rằng tu định xong rồi ngưng tu định để tu huệ, nghĩ vậy là sai; trong định có huệ, trong huệ có

định. Niệm Phật liên tục, cái chúng sanh niệm này không gián đoạn thì cái vọng niệm kia tiêu dần, ngay đó tâm được định, mà nhờ tâm định nên sáng suốt, khi đối cảnh nhận định chính chắn hơn, rồi đến khi được vô biệt niệm thì trí huệ khai mở, tâm chúng sanh chuyển thành tâm Phật, chỗ này tự mình chứng nghiệm như người uống nước thì tự mình hết khát chứ người ngoài không hết khát được. Ngay nơi tâm chúng sanh có trí huệ chứ không phải tìm kiếm đâu xa, ví như trái chuối sống thì xanh mà khi chín tự nhiên nó thành màu hồng, trái xoài sống thì chua mà khi chín rồi hết chua đến ngọt chứ không phải bỏ cái chua để đến cái ngọt. Cho nên đức Phật e cho chúng sanh chỉ biết mình là chúng sanh thôi, quên rằng mình có Phật tánh nên mới nói: “chúng sanh là Phật sẽ thành”; đấng học trò cũng chính là ông thầy giáo, chứ không có ông thầy giáo nào mà không trải qua thời gian làm học trò cấp sách đến trường.

Tâm chúng ta như dòng nước luôn luôn tuông chảy, nếu chúng ta pha vào những chất cáu bẩn thì nước trở thành đục bẩn, nếu chúng ta pha vào những chất thơm tho thì nước sẽ thơm mát, nếu tâm ta chỉ nhớ nghĩ chuyện buồn khổ thì luôn bị phiền não khuấy đục. Khi niệm Phật tâm ta nhớ nghĩ đến Phật tự nhiên chuyện buồn khổ lắng dịu. Kinh Di Đà nói: giả chư danh cố chư tội tiêu diệt, chỉ một danh hiệu Phật mà diệt được tất cả tội, vì niệm Phật liên tục thì vọng niệm không có chỗ phát khởi, cho đến lúc vọng niệm hoàn toàn vắng bật thì chơn tâm thể hiện,

lúc ấy cõi tịnh độ cũng ngay nơi tâm mình chỗ đâu xa, nên nói:” Tự tánh Di Đà duy tâm tịnh độ”

Đến pháp thứ năm là Mật tông. Người tu đôi lúc bị âm ma quấy phá trong khi ngồi thiền hoặc khi ngủ bị mộng mị thì làm sao ? Mật Tông là phương pháp hàng phục âm ma. Trong kinh Thủ Lăng nghiêm đức Phật trao cho ngài văn thù năm đệ chú để giải cứu Ngài A Nan và hàng phục Ma Đăng Già đem về Tịnh Xá. Mật Tông như vị thuốc tê, không trị nhứt chân nhứt đầu mà dùng nó trị chứng đau nhứt để nhổ răng mổ nhọt.

Mật tông không có phương pháp tu định, không có phương pháp tu huệ nhưng khi tác quán thì nó có chỉ có định. Mật Tông thường dùng chữ “An” đứng đầu như An tất diệt đồ, An tạ phạ nhứt sa học, An lam vv... chữ An này tượng trưng cho đức Tỳ Lô Giá Na tức Pháp thân Phật, nên có câu: Minh trung nghi An chỉ nầy dĩ hô ngô thân Tỳ Lô Giá Na Phật giả.

Phương pháp tu hành của Mật Tông là tam mật dựa trên thân, ngữ, ý đó là thân mật, khẩu mật và ý mật. Khi trì chú tay bắt ấn là thân mật, miệng niệm chơn ngôn là ngữ mật, tâm chuyên vào tam ma địa (thiền định là ý mật).

Phật và chúng sanh khác nhau ở chỗ tịnh và nhiễm, ngộ và mê, tu tam mật tịnh được thân nghiệp dẹp sạch vọng tưởng, ý nghiệp thanh tịnh dứt khỏi ràng buộc được giải thoát an vui. Tam mật chia làm hai giai đoạn :

Giai đoạn đầu gọi là tam mật gia trì. Khi đã làm chủ được thân khẩu ý rồi, tâm vắng lặng như mặt nước

lặng yên không sóng gió, ánh sáng đức Tỳ Lô Giá Na rơi vào nội tâm gọi là “gia”, sự thu nhận được ánh sáng ấy tức là “trì”, hai bên thừa tiếp nhau gọi là tam mật gia trì.

Giai đoạn hai gọi là tam mật du già, khi tam mật gia trì đã thuần thục thì ánh sáng trong tâm của hành giả và ánh sáng của đức Tỳ Lô Giá Na hiệp nhau không sai khác gọi là tam mật du già.

Khi thành tựu tam mật gọi là vô tướng tam mật, đó là thể tánh chơn thật cũng là ý nghĩa của câu “tức thân thành Phật” là chỗ rốt ráo của Mật Tông.

Đến đây chắc chư thiện tri thức đã hiểu vì sao đức Phật đã nhập diệt hơn hai ngàn năm nay mà Phật giáo vẫn phát triển không ngừng, càng ngày càng đi sâu vào tầng lớp quần chúng không phân biệt màu da chủng tộc, đó là nhờ đạo Phật có một chơn lý chắc thật không bị phai mờ theo thời gian tính, và giáo lý của nhà Phật phổ biến một cách phóng khoáng, dung hợp với tất cả mọi căn cơ trình độ ví như một thân cây chia ra làm nhiều cành nhánh, tuy nói năm tông thiền nhưng chỗ rốt ráo của mỗi tông cũng đồng trở về thể tánh chơn thật, tôi xin lược nói chỗ dung hợp của năm tông này.

Thiền tông như chư vị đã biết, bắt nguồn từ khi đức Phật thành đạo dưới cội Bồ Đề sau bốn mươi chín ngày đêm tham thiền nhập định, đó là một sự kiện lịch sử vô tiền khoáng hậu, và từ đó tông phái thiền bắt đầu xuất hiện.

Chúng sanh trải qua nhiều kiếp trôi lăn trong sanh tử luân hồi chính vì vô minh ái nhiễm, thiền là khêu sáng

ngọn đèn trí huệ phá trừ vô minh hoặc lậu. Thiền có nhiều loại, nhiều thứ, ngoài những loại thiền tà, thiền ngoại đạo, ngay trong đạo Phật cũng có nhiều loại thiền như thiền yoga, thiền tiểu thừa, thiền đại thừa vv... vì chúng sanh đa bệnh Phật chế ra nhiều loại thuốc, tuy phân chia nhiều loại thiền nhưng hướng nhắm ra cũng chỉ trở về bản thể. Người thượng căn đại trí nghe một câu kinh một bài kệ liền nhận bản thể sẵn có của mình, bậc trung căn hạ căn thì nương qua các pháp Thiền phương tiện mà tu để trở về bản thể.

Còn như Pháp tướng tông hay Duy thức tông thì chủ trương quy vạn hữu trở về duy thức tướng, sơn hà đại địa, sum la vạn tượng đều nằm trong thức, nhận rõ vạn hữu do thức biến hiện như cảnh hiện ra trong giấc chiêm bao cảnh do chiêm bao mà có, khi thức rồi liền mất, nhận biết như vậy để tu phá ngã chấp và pháp chấp dần dần trở về bản thể chân thật đó là Duy Thức tánh.

Thiền Thai tông thì dùng pháp nhứt tâm tam quán. Không quán trừ kiến hoặc tư hoặc, giả quán dứt trừ trần sa hoặc, trung quán dứt trừ vô minh hoặc. Tu nhứt tâm tam quán thành tựu chứng được ba trí là nhứt thiết trí, đạo chủng trí, và nhất thiết chủng trí, thành tựu ba đức: pháp thân đức, bát nhã đức và giải thoát đức đến chỗ cứu cánh viên mãn.

Tịnh độ tông dùng phương pháp niệm Phật dứt trừ vọng niệm lấy tín hạnh nguyện làm căn bản tu hành. Pháp môn tịnh độ dùng ba yếu tố này ví như cái đỉnh có ba chân, thiếu một chân thì cái đỉnh sẽ bị ngã. Khi tu đến

vô biệt niệm thì trở về bản thể tức tự tánh Di Đà, duy tâm tịnh độ, đó cũng là chỗ gặp gỡ với thiền tông.

Sau cùng là Mật tông, Mật tông lấy tam mật làm căn bản, thành tựu được tam mật gọi là vô tướng tam mật rồi thì tất cả lời nói đều là chơn ngôn, tất cả ý nghĩa đều là diệu quán; đó cũng là chỗ diệu dụng của tự tánh.

Thế nên chia ra năm tông nhưng ví như năm con đường lên đỉnh núi, hướng nhắm cũng cùng một điểm mà thôi. Hiểu như vậy rồi thì tự mình chọn lựa pháp môn thích hợp với căn cơ trình độ của mình để tiến tu vững chắc chớ không có tâm phân biệt cao thấp hoặc chê bai chỉ trích lẫn nhau mà làm sai lệch tinh thần của người tu Phật.

Tôi xin hồi hướng công đức này cho chư thiện tri thức được an ổn tu hành đồng hướng Phật tâm đồng thành Phật quả.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT.

BÀI 8

SANH VIẾT KÝ TỬ VIẾT QUY

Tất cả chúng ta có mặt trên cõi đời này nhưng mấy ai biết được mình từ đâu đến và chết rồi sẽ đi về đâu, cho nên câu hỏi:

Sanh từ đâu đến và Chết đi về đâu?

Gần như là một vấn đề bí ẩn. Nhưng khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chứng túc mệnh minh dưới cội bồ đề thì vấn đề này được giải thích tường tận. Phápthập nhị nhân duyên Phật đã nói rõ sự vận hành của tâm thức, bắt nguồn từ vô minh rồi gá nương vào tinh cha huyết mẹ để thọ thai, khi có danh sắc rồi thì có lục nhập, sáu căn xúc với sáu trần thọ nhận chấp ngã, ái ngã có thủ có hữu, do đây mà có sanh có tử tiếp nối hoài không dứt. Chỗ này cho chúng ta thấy cái nguồn sanh tử là do nghiệp thức dẫn dắt, nên kinh nói: Nhứt thiết duy tâm tạo, vạn pháp duy thức biến. Vì vậy hôm nay tôi xin lấy đề tài “Sanh viết ký tử viết quy”. Sống gợi thắc về, Nhưng nói rõ hơn khi sống cái thức của mình tạo cái gì, dính nhiễm với cái gì thì khi chết nó sẽ về nơi đó, ví dụ như khi sống mình ăn ngay ở thật, giữ năm giới nghiêm minh, đó là tu nhân thừa thì khi chết sẽ được sanh làm người trở lại; hay một ví dụ cụ thể hơn là khi ban ngày mình thích cái gì, huân tập nó hoài thì đêm ngủ nó hiện ra trong giấc chiêm bao, như có nhiều người tánh nóng giận, hay la hay hét thì khi mơ ngủ cũng la hét; cho nên biết rằng thức là đầu mối

dẫn chúng sanh vào luân hồi lục đạo. Bây giờ muốn làm chủ được sanh tử thì phải nhắm ngay nơi thức mà tu. Có người hỏi bây giờ mình đoạn nó phải không?

Thưa, không phải, mình không đoạn bỏ mà chỉ cần không khởi ý ưa thích đắm nhiễm. Nhưng chúng ta lăn đi lộn lại trong sanh tử nhiều đời cũng do cái thức đắm nhiễm huân tập nhiều đời nên muốn chuyển nó không phải là một chuyện đơn giản.

Đức Phật vì lòng từ bi thương xót chúng sanh, khai pháp có nhiều bậc từ thấp đến cao gọi là năm thừa Phật giáo để chúng sanh tùy cơ của mình mà tu tập. Tiểu thừa Phật dạy bỏ ác làm thiện, tạo nhơn lành để tránh quả khổ cho kiếp sau, ở bậc này thức còn khởi nhiều việc sai trái nên Phật dạy lấy giới luật làm hàng rào ngăn chặn, dùng thức khởi giữ để dẹp cái thức sai phạm, đó là đập gai lấy gai mà lể. Từ giới luật qua giáo pháp, pháp có đốn, có tiệm, có quyền có thiết là do chúng sanh đa bệnh mà tùy duyên khai lập, ví như đứa con nít hay khóc, phải dụ coi nó thích cái gì, hứa cho nó cái đồ để dỗ nó nín khóc. Kinh Pháp Hoa Phật nói Khai, Thi, Ngộ, Nhập; Kinh Viên Giác Phật nói tác, chỉ, nhậm, diệt, cho nên chúng ta biết Pháp là cửa để vào, điều chính yếu là mỗi người phải tự hồi quan phản chiếu thấy được sự vận hành của tâm thức mà dừng, nó không thiết, có sanh có diệt như hoa đóm hư không, biết nó không thiết thì chuyện mất còn là thế sự phù hư có chi đâu mà vướng bận cho tâm sanh phiền não. Vì vậy qua đến Đại thừa chủ trương không trụ tướng, người tu pháp đại thừa phải mở lòng vị tha, việc làm vì

lòng từ bi chớ không chủ ý cầu sống lâu hưởng phước, gặp việc thì làm qua rồi thì thôi không bị thức dính nhiễm. Kinh Bát Nhã nói vô vô minh diệt, vô vô minh tận, vì thức không khởi lấy đâu mà diệt tận.

Trong nhà thiền Tổ dạy: “Hữu vô câu bất kể”, có không đừng khởi thức; khởi có thì còn cái ngã “có”, khởi không thì có cái ngã “không”, cả hai đều bị dính kẹt, không khởi đây không phải là không ngộ hay vô tri vô giác, mà khi đối duyên xúc cảnh không bị dính nhiễm qua ý thức chấp ngã. Thỉnh Văn Duyên Giác Thừa còn dính nhị biên có khi cả ngàn kiếp chưa vượt qua được, đến khi thức chuyển qua Bồ Tát sơ phát tâm vẫn chưa qua ngoài vòng nhị biên. muốn vượt qua chỗ này đức Phật dạy: nhứt niệm viên quang tội tánh không, đẳng đồng pháp giới hàm thanh tịnh. Một niệm tròn sáng thì thấy tánh tội vốn không. Vì sao vậy? vì khi tâm niệm tròn sáng không dính mắc một mảy trần nào, đem cái thấy chơn như mà nhìn các pháp có sanh có diệt, sanh sanh diệt diệt liên tục vô thường biến hoại không có bản thể chân thật, khi tạo tội là do vô minh, trong thể tánh vắng lặng, một niệm khởi tạo thành tội, tội từ không mà có, nay tỉnh giác trở về bản thể nên thấy được tánh tội vốn không, và cũng đứng về mặt chơn như mà nhìn thì tất cả các pháp vốn không, đồng chung một bản thể thanh tịnh. Chỗ này có thể ví như dòng sông, khi nước ròng thì bãi đất hiện ra, khi nước lớn thì bãi đất bị lấp khuất ta không thấy được chỗ không phải không có. Vì vậy Phật dạy mượn giáo để chuyển thức thành trí, nói mượn nhưng sự thật không phải như

món đồ máy móc xe cộ mà tự nơi tâm mình khai mở chuyển hóa, khi mê thì gọi là thức, khi ngộ thì thành trí, đó là nói phương tiện, còn thiền trực chỉ thì không có, chỉ thẳng nhận thẳng không qua phương tiện nào cả, chỗ rỗng rang thanh tịnh mà đức Lục Tổ gọi là “bản lai vô nhứt vật” đó là thiền, là Như Lai tri kiến, mà Như Lai tri kiến ở đâu? -Ở ngay trong chúng sanh tri kiến, tuy nói trong nhưng không phải chung lẫn lộn trong cõi ta bà, tuy nói trong chúng sanh nhưng không thấy biết theo cái thấy biết của chúng sanh, Như Lai tri kiến không còn chúng sanh tri kiến, mà không còn chúng sanh tri kiến tức nhập Phật tri kiến, nên nói tâm tức Phật, vì nó ngay nơi đây không phải tìm kiếm, nếu khởi tìm thì không còn ngộ tu.

Tuy nói rất gần như vậy nhưng chư thiện tri thức hãy nên đề dặt vì nó có nhiều chặng đường, coi chừng không khởi chúng sanh tri kiến mà rơi vào Thỉnh Văn tri kiến, Duyên Giác tri kiến; Bồ Tát sơ phát tâm và Bồ Tát bất thối, hai bậc này là tri kiến Như Lai nhưng chưa đến cứu cánh không khéo sẽ nhận lầm là tri kiến Phật. Nay tôi xin nói qua về thập dục trong giáo để chứng minh cho cái thức chúng sanh, bản năng của nó là chịu, muốn, ưa, thích hay nói cho đủ là chấp ngã và ngã sở, từ chỗ cung phụng cho bản ngã nó tạo ra nghiệp để đi trong sanh tử luân hồi, nay Phật dạy chuyển cái muốn, chịu, ưa thích của thế gian trở thành thiện nghiệp để đi dần đến giải thoát.

Người đời ai cũng tham cầu phú quý nên phải tận tụy khó nhọc để tạo ra của cải, có khi phải tạo nghiệp bất thiện, người tu chuyển cái tham cầu phú quý này thành

cái tâm cầu đạo cầu pháp, cần cù siêng năng như cọ cây lấy lửa, trong tứ thần túc Phật dạy: dục như ý túc là thần túc ban đầu, để chuyển cái thức của mình trở về thiện nghiệp, muốn trị bệnh tham lam thì phải thực hành hạnh bố thí, muốn tránh nghiệp sát thì phải phóng sanh, muốn được hưởng phước báu thì phải gieo nhân lành, dẫn đến cái muốn cao cả hơn là: dục cầu vô rượng đạo tiên đoạn thế gian tình, muốn cầu được đạo vô thượng thì phải cắt hết mọi tình chấp của thế gian, phải quấy, hơn thua, đẹp xấu, giàu nghèo gì đều dẹp sạch, trong tâm không cho dính nhiễm một niệm trần nào, chỗ này gọi là “tuyệt hậu”, phải tuyệt cái tình thế gian để làm sống lại cái xuất thế gian gọi là “tái tổ”, tình thế gian là tình thức nằm trong lục dục thất tình đưa chúng sanh vào sanh tử luân hồi, nên người tu phải dứt tình thế gian, khi thức không khởi theo cái dục thế gian thì trí huệ phát sanh, trí huệ này được thành tựu thì vào Như Lai tri kiến, phát Như Lai tâm đầy đủ tứ vô lượng tâm từ, bi, hỷ, xả, gặp cảnh từ dùng theo từ gặp cảnh bi dùng theo bi; nhưng khi làm xong phải xả, nếu không sẽ bị kẹt ở hóa thành không đến chỗ cứu cánh được. Nên Phật dạy dục kiến Như Lai diện, tiên cầu tự tại tâm; tự tại đây là việc thiện việc ác đều không dính, vì nếu còn dính thì còn bị kẹt, thức kẹt vào Thinh Văn, Duyên Giác thì vào địa thinh văn duyên giác không tiến đến chỗ rốt ráo được. Tuy nói vậy nhưng làm sao để không dính mắc thì không phải dễ, nên chư Tổ hạ phương tiện cho bậc trung hạ căn làm chỗ vịn chỗ nắm

mà tiến, đó là: dục thoát luân hồi khổ, tảo cấp niệm Di Đà.

Sao chỉ nói niệm Di Đà mà không nói niệm Nam Mô? -Bởi vì trong thế nó còn có cái dụng kín đáo. Chữ Di Đạo dả dả bất khả du tu lý giả khả lý phi đạo giả. Đạo như vậy, như vậy không phút giây nào rời. Trong một sát na nào cũng không rời chữ Di tức là vô biệt niệm, mà được biệt niệm thì cõi tây phương hiện tiền ngay trước mắt:

Nhứt cú Di Đà vô biệt niệm

Bất lao đàn chỉ đạo Tây phương.

Một câu Di Đà niệm đến vô biệt niệm thì cảnh thì đến cảnh Tây Phương liền như khải móng tay. Đến phương tiện kế tiếp Tổ dạy phải cầu người thiện tri thức chỉ dẫn: Dục tri thông đạo lý, tu cầu minh triết hơn. Chúng sanh vì si mê nên dính nhiễm trong trần lao phiền não, bây giờ phải cầu bậc cao minh dẫn dắt cho đúng đường lối để được minh tâm kiến tánh. Minh tâm là Đà. Đà là sáng, tâm không còn xen tạp vọng niệm, ô nhiễm là Đà. Muốn khỏi ô nhiễm phải lấy tâm Di Đà làm căn bản, niệm Di Đà không lìa một sát na nào, tức là sát na nào cũng ở trong định tâm không xen hở, vọng niệm không xen vào được. Lấy tâm soi tâm đem lòng soi lòng cho đến chỗ không còn gì hết, đó chính là Phật rồi, vì thế mà người ta tượng trưng Phật ngồi trên tòa sen, hoa sen là loại hoa mọc lên giữa chốn bùn nhơ nhưng không ô nhiễm. Phật tánh cũng vậy, ngay nơi tâm chúng sanh mà có Phật chớ Phật không ngoài tâm chúng sanh, cũng không dính mắc với chúng sanh.

Kinh Diệu Huyền có câu: Niệm niệm kiến tánh
thắng tụng thiên kinh, niệm niệm minh tâm bất quảng
tam tạng. Ba tạng kinh, luật, luận đều chỉ dạy cho chúng
sinh sáng tâm, tâm sáng thì không tạo nghiệp, không
vướng mang khổ ách, thoát sanh già bệnh chết. Nhưng
nên hiểu chỗ kiến tánh đây không phải chỗ suy luận của
chúng sinh mà chính là chỗ Như Lai tri kiến. Như nói tôi
tu tịnh đó là chúng sinh tri kiến, vì Như Lai có động đâu
mà tịnh, nói tôi giác, Như Lai có mê đâu mà giác, Như
Lai là bản thể sẵn có không phải tu mới được, không phải
tìm mới thấy. Rồi lại hỏi tu đi về đâu? xin đáp: Còn tu là
còn thức khởi, khởi tu pháp này pháp nọ mà thức khởi nơi
đâu thì về nơi đó.

Dục tri tiền thế nhân kim sanh thọ giả thị

Dục tri hậu thế quả kim sanh tác giả thị

Muốn biết việc đời trước hãy nhìn vào quả hiện tại,
đó là luật nhân quả của nhà Phật, hiện tại mình túng
thiếu bần cùng thì biết đời trước mình thiếu phước bố thí,
hiện tại mình hay đau yếu bệnh hoạn thì biết kiếp trước
mình tạo nghiệp sát sanh, và ngược lại muốn biết đời sau
thế nào hãy xem cái nhân trong đời này. Những kẻ lường
gạt cướp bóc vào tù ra khám thì ắt hẳn đời sau dù có tạo
ra của cải cũng khó mà bảo toàn cho được, những người
tu phước bố thí cúng dường thì ắt hẳn đời sau sẽ được
sung túc dư giả.

Đến đây câu hỏi sanh từ đâu đến và chết đi về đâu
đã được trả lời rõ ràng, hãy nhìn xem thức mình đang
khởi cái gì, hướng về cõi nào. nếu mình chạy theo cái

sanh sanh diệt diệt của thức thì hột giống sanh tử không bao giờ dứt được. Và nếu biết được ngay nơi cái sanh diệt đó có cái bất sanh bất diệt, ngay nơi chỗ động mà không động, chỗ sanh mà không sanh thì hãy tự mình dừng lại chuyển thức thành trí, khi trí huệ thuần thực đến chỗ vô sanh, ví như sóng và nước, sóng dừng thì trả về thể nước, thức dừng trả về thể vô sanh tức được thoát vòng sanh tử.

Trong đời sống chúng ta thường để tâm xây tạo một sự nghiệp cho cuộc sống lại còn tích lũy cho con cháu mai sau như nhà cửa, ruộng vườn, danh vị vv....nhưng nhìn xa hơn nữa chúng ta biết được do đâu mình có mặt trên cõi đời này và khi một hơi thở ra không trở lại mình sẽ đi về đâu tôi mong rằng chúng ta đừng bỏ nghiệp thức, tâm chyen nhất vào pháp tu để làm chủ được tâm thức ra khỏi sanh tử luân hồi.

NAM MÔ BỐN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

BÀI 9

NHƯ THỊ

Hai chữ “Như thị” nghe rất đơn giản, nhưng đối với nhà thiền nó là một thiền ngữ, nên hôm nay chúng ta thử phân tách xem ý nghĩa sâu mầu của nó ra sao.

Khi Đức Phật sắp nhập Niết Bàn Ngài A Nan thưa hỏi: Sau khi Thế Tôn nhập diệt kinh điển kết tập lấy chữ chi làm đầu ? Phật dạy: Sau khi ta nhập diệt, kinh điển kết tập lấy chữ “Như thị” làm đầu, vì thế mà ngày nay chúng ta thấy trong mỗi bộ kinh đều bắt đầu bằng hai chữ “Như thị”, kinh Kim Cang cũng bắt đầu bằng như thị, nhưng phần cuối kinh đức Phật nói bài kệ câu cuối là: Ứng tác như thị quán. Hai chữ như thị được lập đi lập lại; rồi đến đời tổ thứ sáu, Ngài Huyền Giác đến tổ trình chỗ sở đắc tổ ấn chứng bằng câu: Nhữ kiến như thị ngô diệc như thị (chỗ thấy của ông như vậy, ta cũng như vậy).

Vậy ý nghĩa hai chữ như thị hàm súc như thế nào mà tổ lại đặt vào một vị trí có tính cách ẩn ngữ như vậy? Đó là đề tài tôi sẽ nói chuyện với chư vị ngày hôm nay.

Chữ “Như” là Như Lai, Như Lai không đến không đi, không tới không lui, còn “Thị” là cái dụng của như. Trong kinh Pháp Bảo Đàn Lục Tổ có nói vô tướng duy tông, vô niệm duy thể vô trụ duy bản, trí huệ duy dụng.

Trí huệ Bát Nhã là chỗ diệu dụng, tất cả Pháp gom về bát nhã như trăm sông xuôi về biển cả, cho nên chữ dụng đây không còn tác Pháp, vì nếu dụng theo pháp nào

thì nó còn dính vào thức thứ sáu, còn tác ý, tác pháp thì cái Như đó không còn là Như Lai mà như sanh như diệt, nếu không có sanh tử thì cái Như đó mất, còn cái như của Phật nó không có sanh nên không có mất. Tổ Đạt Ma sang Đông độ để truyền trao chánh Pháp nhân tàng Niết Bàn diệu tâm bất lập văn tự giáo ngoại biệt truyền trực chỉ nhơn tâm kiến tánh thành Phật. Vậy tại sao Ngài lại nói: “Ngô hữu Lăng Già kinh tứ quyển, diệc dụng phó nhữ tức thị Như ai tâm địa yếu môn? Ta có 4 quyển kinh Lăng Già nay trao cho ông đó là cánh cửa trọng yếu của Như Lai. Chỗ này mới nhìn qua chúng ta thấy dường như mâu thuẫn với nhau; thế nên phải tìm hiểu cho thật cặn kẽ. Chỗ mà Tổ chỉ thẳng đó không qua văn tự, không qua kinh điển vì nó đã có sẵn ngay nơi mình, nhưng căn cơ của chúng ta còn phải nương nơi ngón tay để thấy được mặt trăng, thế nên Ngài lấy căn bản sanh diệt môn mà trở về chơn như môn. Chơn như không có hình không có dạng mà có cửa vào để cho chúng sinh nắm vịn mà vào, đó chính là chỗ thiền giáo đồng hành.

Vậy sao gọi là cửa vào? đã nói Như Lai sao lại có môn, như nào môn và như nào không môn?

Chỗ đó cũng còn tác pháp tác ý, trong tất cả các bộ kinh đều bắt đầu bằng Như thị ngã văn, riêng bộ kinh Kim Cang thì tiền như thị, hậu như nhị mà thôi, trước sau đều như vậy, bát nhã không bị thời gian không gian làm sanh diệt, trước như thị ngã văn sau ứng tác như thị quán, Kim Cang Bát Nhã không khai quyền hiển thiệt, nó như

vậy là như vậy, bởi vì có cái già nên mới có cái thiệt, còn không có cái già thì cái thiệt nó sờ sờ trước mắt.

Ngài Huyền Giác đến Lục Tổ tham vấn, đi nhiều 3 vòng rồi chóng tích trượng mà đứng. Tổ hỏi: Phàm làm Sa Môn phải đủ ba ngàn oai nghi tám muôn tế hạnh, Đại Đức từ phương nào đến sanh đại ngã mạn ?

Huyền Giác thưa:

- Sanh tử sự đại, vô thường tấn tốc.

Tổ bảo:

- Sao chẳng liễu cái vô sanh cho mau chóng ?

Huyền Giác thưa

- Thế tức vô sanh, liễu vốn không có mau chậm.

Tổ bảo:

- Nhữ kiến như thị ngô diệt như thị (cái thấy của ông như thế ta cũng như thế).

Thế là thấy trò tương hội nào có pháp gì đâu. Đó là chỗ như mà không cửa, không cửa mà vẫn “Như”. Còn chỗ như có cửa vào là Ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ nói: “Tâm sanh hề sanh tử sanh, tâm diệt hề sanh tử diệt”.

Bản chất của tâm mình là sanh khởi, khi sáu căn xúc với sáu trần nó khởi thức làm mất “như” đi, nói mất chỗ thật ra không mất, ví như mặt trăng bị mây che, cho nên vua Trần Nhân Tông khi còn là Thái tử ông hỏi ngài Tuệ Trung chỗ chủ yếu để tu hành ngài Tuệ Trung dạy: “phản quan tự kỷ bốn phận sự bất từng tha đắc”. Xoay lại nhìn nơi mình đó là việc chủ yếu. Vì tâm mình sanh diệt bây giờ mình phải nhìn lại để dừng cái sanh diệt, cũng như đêm rằm mặt trăng bị mây che kín, bây giờ chỉ cần một

cơn gió thổi cho mây tan thì ánh trăng trong sáng, đó là dùng cái pháp khởi sanh “Như” để giữ “Như”, chỗ đó gọi được như chớ thật ra chưa phải, nó còn ràng buộc khởi giữ như, nên chưa giải thoát được, chừng nào căn tiếp xúc trần mà không tác ý, sáu thức không dính nhiễm thì đó là chơn như, chỗ này không còn một pháp tu nào nữa, vì còn pháp tu thì còn sanh diệt, mà còn sanh diệt thì không dứt vòng sanh tử được nên quý vị đừng lầm tưởng nắm giữ pháp tu hoài mà gọi là giải thoát, mắc kẹt trong pháp tu thì không trở về như được. Trong “Như” nó có đủ tất cả thiên hình vạn trạng nên ông Xuyên thiên sư nói: Như, Như, Như minh kiến đương đài vạn tượng cư. “Như” đây là tâm không còn khởi pháp ngăn chặn vọng, tự nó chứa tất cả mà không dính mắc một vật gì, ví như tấm gương chứa tất cả mọi hình ảnh mà không dính, không giữ một hình ảnh nào.

Trong kinh Kim Cang Phật nói: Nhược kiến chư tướng như như bất động. Thấy tất cả các tướng mà tâm không động nhiễm. “Như” đây là bốn tánh chơn như, trả về chỗ đó thì không còn động nữa, đối với các tướng động mà không dính mắc. Vì thế hôm nay tôi đem hai chữ “Như thị” giải bày để chúng ta hiểu rõ mà đừng chạy theo bên ngoài nữa. Đức Phật để lại kinh điển là mượn văn tự để chúng ta nương đó mà trở về tâm, nếu không có văn tự thì làm sao chúng ta biết đề tu, tu là quay lại mình, trở về với Phật tánh của chính mình. Trong kinh nói: “Tâm vô sở sanh, pháp vô sở trụ”. Vì chúng sanh còn có chỗ sanh nên mới có pháp để tu chớ thật ra chỗ Chơn tâm

không có sanh khởi, pháp Phật dạy là đưa chúng sanh từ bến mê qua bờ giác, ví như nường bè qua sông, khi qua đến bờ rồi thì bè cũng không cần nữa. Chúng ta nhờ giáo để thiền, thiền là để trở về bản thể chơn như, hai môn hỗ tương cho nhau không thể thiếu một được, có người không hiểu nói tôi tu giáo chứ không tu thiền. Dạ! không phải vậy, cây măng là cây tre đó, chỉ vì chưa đúng thời giờ nó chưa thành tre chứ thật ra nó là cây tre.

Thiền là phải thấy cho thật rõ ràng, phân biệt chỗ chơn chỗ vọng, mà nhờ đâu mà mình thấy được? đó là nường giáo chứ gì! Vì vậy nên nói giáo với thiền không hai, mà nói không hai tức là một? Mà chỗ nào là một? Đây là chỗ mà chúng ta phải hiểu rõ để phá nhị biên mà đừng kẹt trong chấp pháp, giáo thiền gì cũng mượn tiếng bên ngoài để nhập Phật tri kiến, vào Phật tri kiến rồi thì không còn dính giáo dính thiền nữa, chỗ này hai cũng không có mà một cũng không có. Bây giờ tôi xin trở lại chỗ nường giáo quay về tâm

Đạo Khổng chủ trương “Tồn tâm dưỡng tánh” là dưỡng cái tâm thiện, giữ cái tánh thiện, nắm căn bản bậc nhân đạo.

Đạo Lão chủ trương “Tu tâm luyện tánh”, còn tu còn luyện là còn tác Pháp, dù tu luyện lên đến cõi trời cũng vẫn còn trong vòng sanh tử.

Đạo Phật thì chủ trương “Minh Tâm Kiến Tánh”. Sáng tâm thì thấy được thể tánh chân thật, nơi thể tánh này không có tu luyện gì hết.

Vậy muốn Minh Tâm Kiến Tánh phải làm sao ? - Tu, mà tu cho sáng tâm chứ không tu luyện như bên Lão, mình phải thấy biết tâm mình trong từng sát na, nó khởi nghĩ cái gì, trụ chấp cái gì mình phải rõ biết, tâm thanh văn thừa phải biết nó đang trụ vào thanh văn thừa, ví như học lớp sáu biết đang học lớp sáu, bài vở chương trình của lớp sáu chứ không phải lớp bảy, lớp tám, rồi qua duyên giác thừa biết nó đang ở duyên giác thừa. Qua đến Bồ Tát sơ phát tâm phải làm sao? Phải thấy đó là sơ phát tâm. Qua bất thối thấy thừa đó là Bồ Tát bất thối. Nên minh tâm là phải thấy cho được hết chỗ tu hành từ hữu vi đến vô vi.

Chúng ta có mặt trong cõi dục giới này dù cho có bậc nào tái sanh lại cũng bị mê cách ấm nó làm cho quên hết, nên bây giờ cần phải học hỏi, nương với nhau để phá cách ấm cho tâm mình được sáng trở lại, ví như người ngủ mê nằm chiêm bao, khi tỉnh dậy lần lần nhớ lại từ chút những cảnh đã diễn ra trong giấc chiêm bao. Nên minh tâm là thấy biết từ trong tâm mình nó vận hành như thế nào, ở tầng bậc nào. Cái tâm sanh ra chỗ nào thì nó tập nhiễm theo chỗ đó; trên rừng thì tập nhiễm đốn củi, xuống biển thì bắt sò, nên nói tánh tương cận tập tương nhiễm.

Có chỗ nói không có tâm, mà không có tâm thì tu không nên đạo, mà có tâm cũng tu không nên đạo. Dùng tâm để tu tâm, tâm không còn dính nhiễm thì trở về thể tánh đó là Kiến tánh, kiến tánh cũng có từng bậc:

Kiến tánh tịnh văn thừa chấp có bỏ không, thấy giới luật nhà Phật hay quá liền ôm giữ ngay đó chớ chẳng dè còn có cái cao hơn, từ từ nhờ các bậc thiện tri thức chỉ dẫn tỏ ngộ tiến lên hiểu được cái không lại bỏ có chấp không, chẳng khác nào con vượn mắc bẫy nhựa trong kinh Niết Bàn vậy, đưa tay vào thì dính tay, đưa chân vào thì dính chân, bởi vì tâm không thấy được chỗ dính mắc độ, nên không giải được. Vì vậy mà Phật dùng trung đạo để không dính chấp bên này bên kia, nhưng phải hiểu trung đạo phá nhị biên chớ cũng không có trung đạo.

Kinh Pháp Hoa nói đức Phật xuất thế vì đại sự nhơn duyên khai thị ngộ nhập Phật tri kiến Giả. Vậy Phật tri kiến giả là cái gì ? Bởi vì chúng sanh, có chúng sanh tri kiến hoài nên mới khổ, bây giờ muốn hết cái si mê lầm lạc, phải khai Phật tri kiến. Nói khai, thị, ngộ, nhập có người thắc mắc hỏi ông Phật ở đâu mà nhập, từ trước đến giờ mình chưa gặp ổng thì làm sao mà nhập ? nên thiện nói trực, tri, nhận, nhập. Nhận ra Phật tánh của mình, trong cái có cho đến cái không điều không nhiễm ô, cái thiện cái ác không dính mắc, không cầu Niết Bàn an vui, không tránh Ta Bà thống khổ, nếu còn tránh tức còn dính nhiễm, có người nói tôi tu mấy chục năm nay ăn chay trường, niệm Phật A Di Đà mà không gặp Phật A Di Đà, không biết ổng ra sao mà biểu nhập thì làm sao mà nhập?

Thưa: không phải vậy, nhập là nhập cái thể tánh Như Lai của mình đó. Chúng ta thường nghe chư Tổ nói: Sử Phàm ngu như bất giảm, tại hiền thánh như bất tăng. ở nơi Phàm phu không nhiễm phàm phu, không làm giảm

bớt tánh thể của nó, mà ở trong tánh cũng không làm tăng thêm cái đạo tánh. Nó như vậy là như vậy thôi, cũng như vàng 10 thì để đâu nó cũng là vàng 10, nó không bị cái lực sanh diệt làm tăng giảm, đến chỗ đó rồi thì căn và trần tiếp nhau không khởi thức phân biệt, thấy biết mà không dính nhiễm, sáu căn xúc sáu trần mà nó xuất hòa nhã âm, lúc đó tâm mình đã đến chỗ tịnh địa luôn luôn được an ổn, chư Tổ thường nói: “Hà kỳ tâm tịnh tức Phật độ tịnh”. Muốn đến cái quả tịnh thì ngay nơi tâm phải tịnh, nếu tâm động hoài thì cảnh tịnh không thể nào có được. Như tịnh thì quả tịnh, như sanh hoài thì cầu quả vô sanh không thể có.

Như thị là như lý thị dụng, lý dụng lưỡng tòng tức thành Phật đạo; chỗ đó mà biết dùng thì vạn pháp nhất như, mà tu pháp môn nào cũng trở về chỗ như vậy mà thôi. Bộ kinh nào Phật cũng nói chỗ như vậy, tai nghe tiếng tâm không động theo lời khen chê phải quấy là như, mắt thấy mà tâm không sanh khởi thì là như, mũi ngửi, lưỡi nếm biết ngon dở mà không nhiễm thì như, thân rũi bị thương tích biết đau đớn mà tâm không duyên theo cái đau của thân là như, căn là căn, trần là trần thức không khởi là như. Mười tám giới như thì không còn chỗ tác pháp nữa, chừng đó mình mới giải hết nghiệp khổ, vì nhân khổ không tạo, cảnh khổ không dính nữa nên được rỗng rang thanh tịnh. Còn nếu chưa như thì cũng rất dễ biết, cũng kiểm từ sáu căn của mình, kiến nhãn tâm động thì không như rồi, tối về ngồi nhớ hồi sáng tôi thấy món đồ đó tốt tôi ham quá, vậy là không như rồi, lúc đó lại

phải lo mà trừ cái ham muốn để cho được như, cứ sáng xả chiều quét như vậy biết chừng nào cho rồi, nên tu là làm sao cho mình không xả nữa, cũng không quét nữa.

Chữ “Lai” là lại, là trở về với cái như của chính mình, cái như nào ngoài mình là cái như của người ta chớ không phải của mình, khi mình như rồi thì cái chẳng như là cái sanh tử nó tự tiêu tan hết, cũng như lúc mạnh rồi thì bao nhiêu cái bệnh nó tự tiêu.

Vậy hôm nay mình tu chữ “ Như” là vậy đó. Còn chữ “ Thị” là sao ? - Thị là dụng, mà dụng là gì ? - Dụng là trí huệ là vi dụng là diệu dụng. Đi cũng dùng trong Bát Nhã, nằm ngồi cũng trong Bát Nhã, nó không có một tướng niệm nào mà vẫn ở trong Bát Nhã. Chỗ này khác với bên Tịnh Độ dùng câu niệm Phật, đi đứng nằm ngồi cũng niệm, dùng cái niệm Phật để ngăn cái niệm sanh khởi, còn Bát Nhã thì không có niệm không có ngăn, mà dùng trí huệ xoay lại tâm mình thấy biết các tướng vốn không (Thị chư pháp không tướng) tự trong tâm nó không sanh khởi thì làm gì có pháp ngăn chặn. Hai đường cũng đồng trở về chỗ “Không” nhưng bên niệm Phật thì phải nhọc nhằn phải tác pháp, phải dụng ý. Còn cái không của Bát Nhã khỏi tác pháp, khỏi dụng ý, hễ tâm mình không thì bao nhiêu cái có nó hết liền chỗ đó, hỏi nó đi đâu thì không biết đi đâu, tôi ví dụ như trái xoài hồi chưa chín thì nó chua, chín rồi nó hết chua đến ngọt, hỏi cái chua nó đi đâu ? cái ngọt nó từ đâu mà đến ? Thôi chuyện đó không biết được. Tự nơi mình từ chúng sanh

chuyển qua thanh văn, duyên giác, bồ tát, tự nó chuyển cho mình.

Thiền nói nhập Phật tri kiến rồi thì không còn chỗ nhập nữa, cũng như ngày nay tôi đưa chư thiện tri thức đến đây rồi thì còn hỏi thăm nhà thăm đường gì nữa đến đây là đã đến đây rồi

Giáo thì nói khai, thị, ngộ, nhập. Thiền thì trực, tri, nhận, nhập. Giáo thì vào Như Lai tri kiến, đó cũng là chữ “như” bên thiền, vì mình không hiểu nên phân tách có hai lối khác nhau, như nói tôi uống nước biển không uống nước sông thật ra trong nước biển có nước sông rồi, lại nói tôi uống nước sông không uống nước biển. Dạ! uống nước sông là nước biển đó, nếu không có biển thì làm gì có nước sông mà uống, tại vì mình còn trong nhơn ngã nên thấy có cái ta và cái của ta, cái gì dễ dàng sung sướng thì gom về cho mình, cái gì khó nhọc thì không chịu, đó là tâm chấp ngã, nên Tổ dạy mình “Bất tùy phân biệt” rồi Tổ sợ mình quên nên còn dạy thêm là phải sống với cái thường hằng bất biến, mà thường hằng bất biến nó ở đâu?

Trong kinh Niết Bàn có nói chỗ này, một là thường, hai là hằng, phải thường hằng bất biến mới dám tùy duyên, trong tùy duyên mà bất biến, nếu chưa bất biến được thì xin đừng tùy duyên. Đây tôi xin mượn một câu chuyện ví dụ một người té sông sắp chết đuối, mình không biết lội mà nhảy ra cứu thì thử hỏi có cứu được người chết đuối hay không? không khéo hai người đeo nhau và chết cả hai luôn. Cho nên muốn cứu người chết

đuổi thì trước hết mình phải biết lợi cho giỏi và biết cái thế cứu người phải làm như thế nào để đưa người ta vô bờ được, nên muốn tùy duyên trước hết tâm mình phải bất biến.

Còn thường hằng là sao ?

Thường ở trong Như Lai tri kiến là thường hằng đó, sát na nào cũng thường, chỗ nào cũng thường; như chư thiện tri thức đang nghe đạo đây cũng là thường, còn như ngồi đây mà vọng niệm chuyện ở nhà, chuyện ngoài chợ thì không thường hằng đó đa.

Vậy hôm nay tôi nói về hai chữ “Như Thị” mà quý vị đã hiểu về giáo và thiền, nói giáo không phải khác thiền, ngoài thiền, mà giáo cũng không phải ở trong thiền, nếu ở trong thiền thì Phật không còn khai thiền làm chi. Nên hiểu giáo trợ duyên cho thiền, hai bên hỗ tương cho nhau; nói thiền giáo vô nhị – dạ không phải nữa, tôi khai đây là vô thừa chớ không có nhứt thừa, nhị thừa gì hết. Nhập vào Như Lai tri kiến thì chỗ nào thiền chỗ nào giáo ?

Nói bốn thừa: Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, tôi thượng thừa cũng kẹt vào thừa, dù đến nhứt thừa cũng còn kẹt. Vì thế mà Tổ Đạt Ma sang Đông Độ có nói thừa nào đâu.

Ngài Thần Quang đến Tổ cầu pháp an tâm, tổ bảo:

- Đem tâm ra ta an cho. Thần Quang tìm tâm không có, thưa:

- Con tìm tâm không thấy

Tổ nói : Ta đã an tâm cho ngươi rồi.

Chỗ này có thừa nào đâu, Vậy mà thầy trò tương hội và về sau được truyền y bát làm nhị Tổ.

Đến đây đã tạm đủ ý nghĩa về đề tài” Như Thị” tôi xin chư Phật mười phương gia hộ cho đạo tràng này và chư thiện tri thức hiện tiền huân tập Bát Nhã vào tàng thức và đời đời được ở trong Bát Nhã.

NAM MÔ BỐN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

BÀI 10

KHAI THỊ NHƯ LAI TRI KIẾN

Hôm nay nhân ngày lễ Phật thành đạo, những người con Phật cung tỳ về chùa làm lễ tưởng niệm đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, là đấng giáo chủ đã vì chúng sanh đã khai mở giáo pháp hóa độ, bản tăng cũng đủ nhân duyên gặp chư thiện tri thức tại pháp hội Huệ Quang này, bản tăng không dám hoằng pháp lợi sanh mà ví mình như con chi tiêu liêu góp sức nhỏ mọn để báo Phật ân đức đó thôi.

Kinh Pháp Hoa nói “Tam giới vô an du như hỏa trạch”, ba cõi không an như trong nhà lửa, con chim tiêu liêu rất nhỏ hơn các loài chim, lấy sức mình vào trong biển nước uống một bụng cho thiệt no rồi lại ngậm vào trong miệng cho thật đầy, nhúng lông cánh cho ướt rồi bay vào đám lửa hồng tưởi tắt được một phần nào để trái tấm lòng chân thật đó thôi.

Trong pháp môn của Phật chủ yếu là thiền giáo và luật, những người tu Phật khi mới bước chân vào đạo đầu tiên là giữ giới nghiêm minh đó là tạo cái sắc thân tướng Như Lai, cho đủ oai nghi tế hạnh rồi vào luật cho đúng một người con Phật, nhưng chưa phải như vậy là đủ đâu, còn phải qua giáo. Trong kinh nói thuyết tu đa la giáo như tiêu chỉ nguyệt, nghĩa là mượn giáo kinh như ngón tay để chỉ mặt trăng, khi thấy trăng tức khỏi dùng ngón tay nữa. Giáo là giáo pháp đức Phật nói ra, trong giáo có tiệm, có đốn, đầy đủ các pháp quyền, thiệt, đốn, tiệm, thủ, xả, gia,

giảm, hiển, mật, thiên, viên, tác, chỉ, nhậm, diệt để cho mình biết lối vào. bộ Pháp Hoa thì nói khai, thị, ngộ, nhập, để nhập vào Phật tri kiến và đến thiên.

Hôm nay nhân duyên ngày Phật thành đạo tôi xin khai pháp môn thiên, giáo, luật để đem chút lòng thành báo Phật ân đức.

Giới luật là nền tảng cơ sở ví như người có hai chân mà bị cửa đứt thì giáo là kinh tạng, ví như khúc mình cũng ngồi đó mà chịu chết chớ không đi đâu được, bởi người tu Phật mà không có giới luật ví như xây nhà mà không có nền móng. Tổ nói: “Dục kiến mỹ ốc tiên trúc kỳ cơ”, muốn cất nhà cho đẹp cho chắc thì trước phải xây nền móng g cho vững, cho nên người tu phải lấy giới luật làm đầu.

Khi Đức Phật sắp nhập Niết Bàn có dạy: “Sau khi ta nhập diệt chư Tỳ Kheo hãy lấy giới luật làm thầy thì ví như ta còn tại thế. Còn như ta đang trụ thế đây mà các người không lấy việc giữ giới làm căn bản thì chẳng khác nào ta đã tịch diệt”. Vì vậy là những người con Phật, chúng ta phải tôn trọng giới luật, giới luật là căn bản phát sanh trí huệ đưa chúng sanh đến chỗ giải thoát.

Giáo có nhiều pháp môn để người tu Phật tùy theo căn cơ của mình mà chọn lựa như: Sổ tức quán là Pháp đếm hơi thở cho tâm bớt vọng động, bất tịnh quán là quán thân tứ đại của mình là một khối tập hợp những thứ nhơ nhớp thịt, máu, gân, xương.v.v...thấy như vậy để phá ái ngã và ái ngã sở, thập lục quán hay từ bi quán để bỏ tâm ích kỷ phát tâm vị tha. Đó là giáo dạy pháp tu đối trị, tức

còn bệnh là còn pháp tu, nếu không bệnh thì tu chi, như khi mạnh rồi đâu cần uống thuốc nữa.

Qua đến Thiền thì có nhiều loại thiền nhưng ở đây tôi phân tách 2 loại chủ yếu:

Một là vô thừa thiền tức trực chỉ thiền, hai là Như Lai thiền lấy giới luật làm bước đầu: Ngũ giới, thập giới, Bồ Tát giới, Tỳ kheo giới. Ví như loại xe nào có cái thắng của xe đó, nếu không có thắng khi gặp bất trắc làm sao mà dừng, giới là cái thắng, khi xe cổ bị đung nhờ nó mà không gây thiệt hại nặng như xe không thắng. Có giới tức có hạnh, có hạnh mới tu giáo được. Phật dạy thân này do tứ đại giả hợp, nó hoại diệt theo thời gian, sáng đau chiều bệnh nên trước phải tu với cái thân này, lấy chúng sanh mà tu với chúng sanh chớ không tu với ông Phật được. Ví dụ như tôi sai trái với ông Mít thì tôi xin lỗi ông Mít đừng giận tôi chớ tôi không có đi xin lỗi ông Phật được, chiếc áo rách chỗ nào thì mình vá chỗ đó, té chỗ nào thì mình chửi chỗ đó mà đứng dậy. Phật nói pháp môn để chúng ta dùng pháp môn tu để đừng vấp té nữa, Phật dạy đi lối này để đừng té, đi lối này để đừng khổ nữa. Đó là phần giáo từ ngoài đi vô, từ giới luật qua giáo rồi vào thiền chỉ trừ có đức Lục Tổ Huệ Năng là trường hợp đặc biệt. Ngũ Tổ ấn chứng truyền y bát khi Ngài còn hình thức một cư sĩ, nhưng về sau cũng nhờ Hòa Thượng Ấn Tông thế phát chúng giới cho để ra hoàng hóa, cho nên phải hiểu trong thiền đã nhiếp giới rồi chớ không phải là không giữ giới, cũng như mình đã ăn cơm no rồi thì không ăn nữa; mình giữ giới thuần rồi thì không còn giữ nữa vì giữ cái giữ giới

sẽ bị kẹt vào chấp giới. Khi qua giáo cũng từ tiệm đến đốn, gọi là nhứt nhứt tân, chư vị trồng một cây mít cây xoài gì đó nó cũng lớn từ ngày từ giờ, người tu cũng vậy phải tiến lên từ trong từng sát na chứ không phải đứng một chỗ.

Đây tôi xin nói qua bốn giai đoạn tu giáo từ tiểu thừa qua trung thừa, đại thừa đến vô thượng thừa, Phật nói bài kệ dạy rõ từng bậc trong các thừa.

Một là “chư ác mạc tác”, câu này gồm hết trong tạng luật, vì chủ yếu của luật là ngăn chặn điều ác, người giữ giới tròn vẹn thì không dính phạm điều ác, thực hành được câu này là đã đầy đủ giới luật rồi, nhưng không phải đứng tại chỗ mà còn phải tiến lên nữa.

Câu thứ hai là “chúng thiện phụng hành”, là vâng làm các điều lành, câu này nằm trong phần giáo, Phật dạy gây tạo phước lành bằng nhiều cách: Cúng dường bố thí, thấy người nghèo khó thì bố thí vật chất, người gặp cảnh hoạn nạn tai ách thì dùng lời an ủi giúp cho người bớt khổ hoặc đem pháp Phật nói cho họ thức tỉnh quay về Tam Bảo nương tựa Phật, Pháp, Tăng, tất cả các việc lành đều vui làm không nề hà khó nhọc, ví dụ như khi ra đường gặp một chiếc xe kéo bị lật rồi nói tôi tu tôi đứng đây sao? Phải ra sức phụ giúp nâng xe lên, đó chính là việc thiện cần làm, ác dứt mà thiện làm là đúng theo kinh Phật dạy.

Đến câu thứ ba là đã qua thiền: “Tự tịnh kỳ ý”. Ý đây là ý thức thứ sáu, công năng của nó là khi căn xúc trần nó khởi phân biệt tốt xấu khen chê rồi đưa vào thức

mạt na chấp ngã. Chỗ gây tội, tạo nghiệp bắt nguồn từ thức này mà khi tu chuyển qua thiện nghiệp cũng từ thức này, nên nói nói “công vi thủ tội vi khôi”, lập công nó cũng đứng đầu mà tạo tội nó cũng khởi trước. Nó là chỗ chủ chốt ví như ông chủ ngồi một chỗ điều khiển năm anh thổ ky là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, năm anh phổ ky này khi xúc trần đưa vào thức thứ sáu nếu ông chủ thứ sáu này không chấp nhận thì năm anh phổ ky không có việc làm và thức mạt na cũng không có để đưa qua tàng thức cất chứa. Cho nên nếu dừng được thức thứ sáu rồi thì A Lại Da Thức dần dần được xoá sạch chuyển thành Như Lai tạng, ví như trái chua chuyển thành ngọt vậy.

Tự tịnh kỳ ý là tịnh ngay thức thứ sáu tức là nó không còn tác ý nữa, đó là bước qua Trục chỉ thiện phần này tôi xin phân tách sau. Bây giờ xin nói tiếp về Như Lai thiện

Bước đầu là phải tu giới luật, vẹn toàn giới luật ba ngàn oai nghi tám muôn tế hạnh thì được quả tiểu thừa gọi là nhập lưu. Trong xã hội đối với bà con anh em mình không phạm sai trái, bà con lối xóm cũng noi theo gương mình ăn ngay ở thẳng đời sống được an vui hạnh phúc, rồi nương giáo để đến thiện, trước hết là thiện tướng tự mình phân chia giờ giấc, thời khoá để tu, tâm sanh thiện tạo cái thiện để trở về tâm, ví như mượn cây gậy để lần qua chỗ trơn trượt vậy. Pháp tu nương phương tiện là tùy theo căn cơ Pháp nào thích hợp với mình, ví như đi chợ có tiền nhiều thì mua món giá tiền nhiều, ít thì mua theo giá ít. Còn qua đến Thiện Trục chỉ thì không như vậy nữa, Ngài

Thiên Thai Đại Sư nói “Bớ ai ơi, xưa người ta nay cũng người ta”. Đức Phật Thích Ca là Phật mà chúng ta cũng là Phật mà, chỉ tại mình thiếu cái anh hùng, thiếu cái cương quyết, không có năng lực làm chủ nên đạo không thành. Cụ Nguyễn Du đã từng nói: “Đã mang lấy nghiệp vào thân”; vì thiếu cái hùng cái lực nên bị cái nghiệp nó lôi kéo, nó nặng nề giải đãi không tu đến đâu rồi lại trách trời trách người chớ thật ra chỉ tại nơi mình thôi. Nên hôm nay tôi khai thiên để chư thiện tri thức giải ngộ thôi chớ chưa phải trực ngộ, biết hướng đi rồi không sợ đi lạc, không sợ sai hướng. Chỗ này ví như bày vẽ món ăn, chỉ cách nấu nướng vậy thôi chớ chưa thật sự được ăn, Nhưng biết hướng đi rồi mình ráng tu đừng làm điều sai trái, không sai trái tức phải chớ khỏi phải đi kiếm cái phải ở đâu, chẳng khác nào người có bệnh mà còn tạo thêm bệnh hoài ăn uống phi thời gây bệnh, làm việc quá sức sanh bệnh rồi đổ thừa cho trời đất. Tu mà muốn tìm cầu thì Phật dạy: “Dục tri thông đại đạo lý tu cầu minh triết nhơn”, muốn hiểu cái đạo lý cho đến chỗ siêu thoát phải cầu người minh triết chỉ dẫn cho mình, ví như không biết đường lên núi thì tìm người biết núi chỉ dẫn cho mình chớ hỏi người không biết thì chắc chắn sẽ đi lạc. Đi đúng đường thì bản thân mình được lợi ích rồi hướng dẫn gia đình bà con biết đường ngay nẻo chánh để cùng sống trong lẽ phải biết thương yêu đùm bọc cho nhau, đó chính là hạnh từ bi, còn mình không hiểu đúng, không làm đúng thì ngay bản thân mình không được lợi ích mà gia bà con cũng theo mình lầm đường lạc lối.

Tóm lại thiền Như Lai là dùng phương tiện chuyển từ chúng sanh tri kiến qua tri kiến của Phật, bắt đầu là chuyển từ tâm niệm thô đến tế, tâm vị kỷ trở thành lòng vị tha, không còn tính mưu thân chước quỷ, lường cân tráo đấu mà biết thương người khó khổ cơ hàn, giúp đỡ nhau bất luận thân sơ, người đời nói là lá lành đùm lá rách; còn mình cũng từ bậc sơ đẳng bỏ giữ làm lành (chư ác mạc tác chúng thiện phụng hành) để bước dần lên con đường giải thoát.

Đến câu thứ ba “Tự tịnh kỳ ý” là sang Thiền Trục chỉ, gồm 4 giai đoạn:

1. Trục chỉ 2. ý chỉ 3. Diệu chỉ 4. Mật chỉ

Câu kệ thứ ba này nhằm ngay ý chỉ, đây là thức thứ sáu, tự tịnh là dừng lại không còn tác khởi nữa, vì nếu còn khởi là còn nghiệp sanh tử, mà không khởi đây không phải diệt thức đoạn thức mà là thường hằng bất biến, vì nếu đoạn thức này thì lấy đoạn thức nào để biết mình vào Bát nhã! Chỗ này có thể ví dụ cho dễ hiểu hơn là nước bị gió chao động làm thành sóng, bây giờ mức hết sóng đổ đi thì lấy đâu ra nước, nên chỉ cần dừng động nữa thì sóng hoàn lại nước khỏi đoạn khỏi trừ gì hết, không đoạn không bỏ mà chuyển nó vào trí huệ bát nhã, trái chưa chín nói chưa hái bỏ đi thì làm sao có trái ngọt; nên nói: Diệu quang sát trí kiến phi công; lấy cái trí sáng của mình mà giữ cho tâm đừng cho nó dính vào các chỗ phạm giới luật, trí huệ này chưa phải là trí huệ nhập vào tri kiến Phật, nhưng nó sẽ tăng trưởng dần đến chỗ viên mãn thì đó là tri kiến Phật, ví như cây măng lớn dần thành cây tre vậy, một ví dụ nữa là quan sát một con

voi, có người nói con voi như cây quạt (lỗ tai), con voi như cây cột (chân voi), đó là từng phần chỉ phối con voi, thực ra con voi là con voi toàn diện chứ không có như cây chổi cây quạt gì hết, cho nên người tu mà khán kinh bất minh tử ư cú hạ, xem kinh mà không hiểu ý Phật thì chết giữa câu kinh. Nên trong bộ Viên Giác Phật nói tác chỉ nhậm diệt, vừa nói xong qua chương sau Phật lại nói Tịnh chư nghiệp chương, tác chỉ là khi chưa làm Phật dạy mình làm, còn khi làm rồi mà ôm cái làm đó thì thành bệnh. Ngài Thiên Thai Trí Giả dùng phương pháp tam chỉ, tam quán, lập tam quán phá tam quán, lập tam chỉ phá tam chỉ, vì cái chỗ qua đầu sào đó không có chỉ, không có quán. Vì vậy nên chư Tổ nói học đạo không Thầy như leo cây tìm cá, cứ kể công cho nhiều cực khổ lắm, tu khổ hạnh đầu không đội nón, những cái đó không nằm trong đạo đâu. Phật nói chúng sanh mê, hết mê thì giác, cũng như hết bệnh thì cái mạnh tự có. Chỗ này bên thiền gọi là tuyệt hậu tái tô; phải tuyệt dứt cái chúng sanh thì liền có Phật, còn bệnh mà tìm cái mạnh thì không bao giờ có, cho nên Phật khuyên chúng ta không nên khổ hạnh, cũng không được giải đãi, vì vọng thức của mình nhận lầm cho là khổ hạnh để thành đạo rồi hành theo ngoại đạo, hoặc treo ngược giò, hoặc nhìn đối, thân thể ốm gầy mờ mịt tinh thần lấy đầu sáng suốt mà thành đạo, chỗ thành đạo là trực giác, nhận ra con người thật của chính mình phải sáng suốt mới nhận ra được, ông Phật ở bên mình nhưng tại vì mình xa vị cầu kỳ, bỏ gần mà cầu xa quên ông Phật của mình để chạy theo ông Phật nọ, ông Phật kia; Cho nên Ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ nói với người em gái:

“Phật là Phật anh là anh, anh không cần làm Phật, Phật cũng chẳng cần làm anh.”

Phật là bản thể sẵn có chỉ cần trí huệ sáng suốt thì nhận ra và trở về với bản thể đó thì không còn dính nhiễm với niệm chúng sanh, đức Lục Tổ diễn tả chỗ đó bằng câu kệ “Bổn lai cô nhứt vật, hà xứ nhạ trần ai” “chỗ đó nó không dính một vật gì, đã không dính mắc thì làm gì có bụi bặm mà lau chùi.

Xưa Mã Tổ Đạo Nhất ngồi thiền, Ngài Nam Nhạc đi ngang hỏi ông ngồi thiền để làm gì ? Ngài Đạo Nhất thưa:

- Con ngồi thiền để làm Phật.

Từ hôm đó mỗi lần Ngài Đạo Nhất ngồi thiền thì Ngài Nam Nhạc cầm một miếng ngói đến trước mặt Mã Tổ mà mài. Mã Tổ ngạc nhiên hỏi:

- Ngài mài ngói để làm gì ?

Nam Nhạc đáp:

- Ta mài ngói để làm gương.

Mã tổ rất ngạc nhiên hỏi tiếp:

- Mài ngói làm gương được sao ?

Nam Nhạc đáp:

-Vậy chớ ngồi thiền làm Phật được sao ? Ngay đó Mã Tổ chột bậc ngộ. Ngài Nam Nhạc muốn chỉ chỗ Phật ngay nơi mình đâu phải dùng tướng ngồi thiền mới thấy Phật. Trong nhà thiền thường có những câu ẩn ngữ như nói: “Na Cá tiện thị bổn lai diện mục liễu”, tu như vậy, như vậy thì thấy được bản lai diện mục, mà Như vậy như vậy là sao, hoặc có chỗ Tổ nói:

“Na cá nhược tường minh để xứ
Hà lao Di Lạc dữ Quan Âm”.

Tu như vậy như vậy là đến chỗ tốt ráo, nào nhọc công niệm Di Lạc Quan âm. Đó là chỗ ẩn ngữ của nhà thiền, chỉ cái chỗ không chỉ được nên chư Tổ hay dùng lối mây chuyển bên nam mà mưa bên bắc.

Còn đức Phật thì khai thị tánh thấy cho vua Ba Tư Nặc trong kinh Thủ Lăng Nghiêm một cách nhẹ nhàng hơn.

Phật hỏi nhà vua thấy nước sông Hằng từ lúc nào, nhà vua đáp:

- Con thấy nước sông Hằng từ lúc ba tuổi.

Phật hỏi tiếp:

- Đến năm mười tuổi, hai mươi tuổi, ba mươi tuổi cho tới năm mươi tuổi ông có thấy nước sông Hằng không?

- Bạch Thế Tôn con có thấy

Phật nói: từ năm ba tuổi, mười tuổi, hai mươi tuổi, ba mươi tuổi, cho đến năm năm mươi tuổi thân hình đại vương qua cái sanh diệt có khác đi không, còn cái thấy nước sông Hằng của đại vương có khác đi không?

Bạch Thế Tôn từ ba tuổi đến năm mươi tuổi thân hình con qua biến đổi sanh diệt đã già đi nhiều còn cái thấy nước sông Hằng của con không có khác và ngay đó vua Ba Tư Nặc đã ngộ được tánh thấy thường hằng bất biến. Đó là đức Phật đã khai từ cái dụng của 6 căn để đưa vào cái thể chơn không hằng hữu, chỗ này cũng là chỗ đức Lục Tổ đã ẩn chứng cho ngài Huyền Giác: “Nhữ kiến

như thị ngộ diệt như thị”, cái **thấy** của ông như vậy ta cũng như vậy.

Thể tánh thường hằng đã có sẵn không phải tu mới có, cầu mới được, nếu nói tu là đã máng thêm vào gọi là đầu thượng thêm đầu tuyết thượng gia sương. Trời đã lạnh tuyết phủ rồi lại còn sương xuống nữa, nên Tổ nói: “Nhược hữu thiện căn bất tất như thị”, thiện căn đây là chỉ cái thể tánh thuần thiện không còn dính mắc thì đâu cần tu pháp gì, nếu nói tu tịnh thì chỗ đó không dính động tức đã chơn tịnh rồi. Nên kinh Kim Cang Bát Nhã nói vô vô minh diệt, vô vô minh tận, vô minh đâu có mà diệt, vô minh đâu có mà tận, tại mình khởi vô minh mới có diệt có tận, sống được với tâm Bát Nhã thì không còn bị ý thức xúi dục nữa vì đã không còn năng sở, ngã nhơn thì đâu còn thương ghét khen chê, hoàn toàn làm chủ tâm thức và được giải thoát tự tại.

Qua bài giảng hôm nay tôi đã phân tách về thiền, giáo, luật. Thiền có phương tiện có chỉ thẳng để chư thiện tri thức xem coi mình tương ứng với pháp tu nào mà chọn lựa. Tôi xin nguyện cầu chư Thiện nam tín nữ đồng ngộ nhập Như Lai tri kiến.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

BÀI 11

VÔ TÂM CHƠN TÁNH

Đức Phật nói: “Nhơn thân nan đắc, Phật pháp nan văn”, được sanh làm người đã khó rồi mà được nghe pháp Phật lại còn khó hơn. Đức Phật đã nhập diệt hơn hai trăm năm nay, pháp của Phật nếu không có người nối đèn mỗi đốc ắt sẽ chìm mờ theo dòng năm tháng. Chúng tôi là người thọ ân Phật, nghĩ mình có bốn phận đui dắt kẻ đi sau để cùng thoát ra biển khổ, vì vậy mà hôm nay tôi xin khai mở huyết thiên, lấy đề tài là “Vô tâm chơn tánh” hướng dẫn chư thiện tri thức chỗ trọng yếu để tu hành. Trước hết chúng ta phải hiểu tâm là gì, vô tâm là sao?

Trong chúng ta ai cũng thừa nhận rằng từ bé đến già trước sau gì cũng vẫn là mình, cái tâm suy nghĩ tính toán là tâm mình, nhưng kiểm điểm lại trong một ngày chúng ta nghĩ bao nhiêu chuyện, thay đổi bao nhiêu lần hướng hồ gì từ bé đến già, vậy cái tâm nào là tâm của mình? ví dụ: sáng mới nầy chúng ta bực mình ông A, ta nói một câu gì đó cho hả giận, đến chiều nghĩ lại nói thầm: Phải chi hồi sáng mình đừng nói vậy. Vậy tâm hồi sáng là tâm mình hay tâm hồi chiều là tâm mình? Còn một điều nữa là cái suy nghĩ tính toán đó chợt có chợt không, nếu chấp nhận nó là mình thì khi không suy nghĩ mình ở đâu? mất mình rồi sao? Vì vậy mà câu chuyện Tổ Đạt Ma an tâm cho cho ngài Huệ Khả trở thành câu chuyện bất hủ trong nhà thiền. Ngài Huệ Khả đến Tổ:

- Kính bạch Hoà Thượng, tâm con bất an xin Hoà Thượng dạy cho con pháp an tâm.

Tổ nói:

- Đem tâm ra đây ta an cho.

Ngài Huệ Khả quay lại tìm tâm rồi thưa:

- Bạch Hoà Thượng, con tìm không thấy.

Tổ nói:

- Ta đã an tâm cho người rồi

Ngay đó ngài Huệ Khả bật ngộ. Vậy tổ đã an bằng cách nào? Vì cái tâm vọng tưởng lăng xăng đó nó không thật có, lúc hiện lúc mất, ngài Huệ Khả lầm chấp nó là tâm mình, đến khi Tổ bảo đem tâm ra ta an cho, ngài quay lại nhìn thì nó đã mất rồi, cái bất an không còn nữa tức tâm đã an rồi, mà chính cái tâm an đó (tâm không vọng khởi) mới thật tâm mình.

Như vậy chư thiện tri thức đã hiểu cái tâm lăng xăng vọng tưởng chợt có chợt mất kia không phải là tâm mình và ngoài cái tâm vọng tưởng đó mình có tâm không? Lúc lặng yên đó là gì? Lặng yên mà vẫn biết. giả dụ mình đang ngồi thiền trên chánh điện, có Phật tử đánh chuông lễ Phật, tai mình vẫn nghe tiếng chuông mà tâm không động, đó mới chính là vô tâm. "Vô tâm" là tâm không động niệm

Ông Bàng Long Uẩn có bài kệ nói về chỗ này:

Thập phương đồng tụ hội

Cá cá học vô vi

Thử thị tuyển Phật trường

Tâm không cập đệ quy

Dịch:

Mười phương đồng tụ hội

Mỗi mỗi học vô vi

Đây là trường thi Phật

Tâm không được đậu về

Chỉ cần tâm không là được đậu vào trường thi Phật, vì tâm vô sở sanh pháp vô sở trú, tâm mình không sanh thì không có pháp gì để ngăn trừ, tu đến đó gọi là vô tâm. Nhưng có vị Thiền sư đời Trần nói:

"Mạc vi vô tâm vân thị đạo

Vô tâm du cánh nhất trùng quan"

Chớ bảo vô tâm gọi là đạo

Vô tâm còn cách một vuông rào

Nếu nói vô tâm là đạo thì đồng với cỏ cây cát đá sao, nên nói vô tâm chưa đến đạo mà không vô tâm cũng không đến được đạo, ví như miếng đất sạch, bang bằng phẳng mà không gieo giống gì hết, cỏ mọc lên thì nhổ cỏ, ngày nào cũng siêng năng nhổ cỏ xới đất cho đến tết rồi ngồi than thở với bà con: Sao tôi làm hoài mà vẫn nghèo quá! Cho nên tôi nói hiền cận là vô thường tâm mà hữu thường tánh, phải nhập vào Như Lai tri kiến thì chỗ đó không còn thay đổi, không còn hoại diệt. Còn cái tâm vô thường thì lúc có lúc không, khi nó có thấy có, khi nó không thấy không, nó luân chuyển như vòng bánh xe quay hết vòng này qua vòng khác. Như ngài Huệ Khả khi bị niệm khởi rồi bởi, tâm bất an nên cầu pháp an tâm, diệu thuật của Tổ Đạt Ma là dẫn dắt Huệ Khả ra khỏi cái vòng lẩn quẩn đó bằng cách chỉ ông phải nhìn lại cái bất an (đem tâm ra cho ta an cho),

nhưng bản chất của nó là hư dối, lúc có lúc không nên khi ngài Huệ Khả quay nhìn lại (phản quan tự kỷ) thì nó mất rồi, đây là lối vào bằng cánh cửa Bát Nhã để nhận ra “Thị chư pháp không tướng”, tâm vọng khởi là tướng, là bóng dáng của sáu trần, nó không có tự thể, chợt có chợt mất, thể thì không mà dụng thì hữu.

Ngài Chí Triệt đến tham vấn Lục Tổ hỏi nghĩa thường và vô thường, Tổ đáp:

-Vô thường tức Phật tánh, hữu thường là cái tâm phân biệt cả thấy các pháp thiện ác vậy. Nghe mâu thuẫn quá nên Ngài Chí Triệt không thông được, Ngài liền thưa:.

- Chỗ Hòa Thượng nói rất trái với kinh văn.

Tổ đáp:

- Ta truyền tâm ấn của Phật đâu dám nói trái với kinh văn.

Chỗ này chúng ta phải hiểu cho thấu đáo, thông thường hiểu Phật tánh là thường mà Tổ lại nói Phật tánh vô thường, vì đứng về mặt dụng thì các pháp từ tự tánh sanh, tự tánh tức Phật tánh nếu thường thì đâu có sanh các pháp. Rồi Tổ lại nói tâm phân biệt các pháp thiện ác là thường là vì các pháp biến đổi nhưng trong đó có một cái thường, vì có tánh thường nó mới hiện ra các pháp thiện ác. ví như một lít nếp chúng ta có thể làm thành nhiều thứ bánh, bánh ít, bánh tét bánh chưng v.v.. tuy hình tướng nó khác nhau nhưng cũng từ nếp mà ra. Vì Ngài Chí Triệt cũng như chúng ta hiện nay, thường chấp thể mà quên dụng, tổ muốn phá chỗ chấp đó nên lấy

dụng mà nói, chúng ta nghe rồi nhưng thật ra đó là diệu thuật phá chấp của Tổ.

Phàm phu có 4 cái lầm chấp: thân vô thường chấp là thường, khổ chấp làm vui, bất tịnh cho là tịnh, vô ngã chấp làm ngã. Đến bậc nhị thừa cũng còn kẹt vào bốn cái điên đảo; thấy thân này vô thường, thân này khổ, thân này bất tịnh, thân này vô ngã nên các vị chán mà nhập Niết Bàn, Phật quả đó cũng là bốn cái điên đảo, cộng với bốn cái chấp của phàm phu gọi là bát đảo. Phật nói pháp để phá cái chấp của phàm phu rồi phá luôn cái chấp của nhị thừa để đưa đến chỗ cứu cánh rốt ráo.

Trong kinh Niết Bàn Phật nêu một ví dụ, có một người bơi thuyền dạo chơi trên bờ hồ nước, lỡ tay làm rớt một viên ngọc xuống nước, ông ta hỏi hỏi bảo người trên thuyền nhảy xuống hồ lặn tìm dùm, nước bị quấy đục nên khi nắm được một hòn sỏi người ấy mừng rỡ hô to lên là được ngọc, nhưng khi mở tay ra thì chỉ là hòn sỏi. Khi ấy có một người trí chờ nước lóng trong thấy rõ hòn ngọc nằm chỗ nào, rồi từ từ lặn xuống cầm viên ngọc đưa lên. Nhị thừa vì còn kẹt vào bốn cái điên đảo nên dù biết dưới ao có ngọc mà chưa lượm được ngọc (chưa đến cứu cánh), hàng Bồ Tát dùng trí quán sát nhận được Phật tánh chơn thường rồi thì tu đến viên mãn không sợ dính kẹt lầm lẫn. Kinh Lăng Nghiêm đức Phật khai cho Ngài A Nan chỗ chơn thường này bằng cách bảo Ngài La Hầu La đánh ba tiếng chuông Phật hỏi Ngài A Nan có nghe không.

- Bạch Thế Tôn con có nghe.

Khi tiếng chuông dứt Phật hỏi có nghe không ?

- Bạch Thế Tôn con không nghe

Phật quở: Có tiếng ông nói rằng nghe, không tiếng nói không nghe, vậy khi không tiếng đó cái nghe của ông đi đâu? Hằng ngày chúng ta quen sống với cái vô thường tâm luôn luôn duyên theo pháp trần lăng xăng lộn xộn, hết nghe đến thấy, hết thấy đến ngửi, cho nên không nhận ra được thể tánh vắng lặng của nó tiếng chuông là vô thường khi có khi không, còn tánh nghe thì hằng hữu bất biến không phải đợi có tiếng chuông mới nghe, khi có tiếng nó duyên theo thanh trần khởi cái nghe, khi không có tiếng nó trở về bản thể vắng lặng của nó.

Tâm vô thường ví như cụm mây, hết tụ chỗ này đến tụ chỗ khác, nếu ôm giữ nó thì không bao giờ đến tánh chơn thường được, mà chúng sanh lại mãi ôm giữ cái vô thường để cứ phải quay đi lộn lại trong vòng sanh tử. Đức Phật vì lòng từ bi khai phương tiện dẫn dụ qua nhiều hóa thành cho chúng sanh mở trí huệ từ thấp đến cao. Bởi chúng sanh: “Nhơn tâm bất như thảo mộc bất tề” như một bãi đất trồng, rải một nắm hạt giống đến chừng lên cây cũng có cây cao cây thấp, một đám mưa lớn, có loại cây cứng cáp hấp thụ nước mưa xanh tốt tươi mát, có cây vừa bẻ gãy chịu không nổi sức mưa, trốc gốc cuốn trôi theo nước, cho nên Phật có tám muôn bốn ngàn pháp môn để chúng sanh tùy theo căn cơ mà hấp thụ. Đầu tiên Phật chỉ cho chúng sanh thấy cái quả khổ trong cõi ta bà, cái khổ đau đó là do tập nhân gây tạo gọi là nghiệp thức, vì nghiệp thức ái nhiễm mà có thân này, rồi vì duyên ái thân này để làm nhân tiếp tục thọ quả khổ, cứ xoay vần mãi nhân quả chấp chồng không bao giờ dứt được.

Xưa Ngài Tịnh Hạnh đem thuyết nhân quả giáo hoá đệ tử; trong số môn đồ có một vị đệ tử thâm nhập chỗ này nên ông quyết tâm tu chuyển nghiệp, đầu tiên ông thực hành hạnh bố thí, vì người nghèo đói thì nhiều mà của cải ông thì có giới hạn nên dần dần gia tài khánh kiệt, ông cũng vui sống trong cảnh thiếu hụt bản hàn, đã vậy ông lại đau mắt chạy chữa không khỏi, hai mắt ông bị mù, thân tàn ma dại, ông lê thân đi khắp đó đây hành khất qua ngày, một hôm đi qua cái cầu, vì không thấy ông bị trật chân rớt xuống cầu, bà con chòm xóm vết lè: chôn vấp chôn vùi, một năm mồ hoang vẫn chưa yên ổn, một hôm trời mưa sét đánh ngay năm mồ cô độc ấy, thân thể ông lại bị phơi trên mặt đất, một con hổ đói gặp mồi ngon chạy lại vồ nhai ngấu nghiến! Có người biết rõ về thân thể ông nên thắc mắc rằng nhà Phật nói làm lành gặp lành tại sao lại có trường hợp như vậy, bèn đến hỏi thiền sư Tịnh Hạnh, ngài Tịnh Hạnh nói:

- Đại phước thay! Nếu vị Phật tử ấy không quyết chí tu hành thì phải xuống lên trong bốn kiếp nữa mới trả hết quả căn (một kiếp bị mù, một kiếp bị té cầu chết, một kiếp bị sét đánh, một kiếp bị hổ ăn)

Cho nên người tu Phật là người biết vun bồi cõi đường đạo đức, còn thân này là thân nghiệp báo, có chết cũng được miễn trả cho xong nghiệp quả mà thôi, cho nên có câu:

Kiếp này nợ trả cho xong
Chớ chi mà để nợ chồng kiếp sau.

Nên đầu tiên Phật dạy người Phật tử là phải bỏ ác làm lành, tập ăn chay để tránh nghiệp sát, giữ lời nói chơn thật để ngăn khẩu nghiệp tâm tánh hiền hoà nhu nhuyến để tránh nghiệp sân hận, lên một bước nữa là dạy niệm Phật để ngăn dừng vọng tâm. Nhưng tâm lý của chúng sanh, khi tạo tội thì vô số kể mà khi tu thì hôm nay tu muốn ngày mai thành Phật, Phật lại phương tiện dẫn dụ:

Nhứt cú Di Đà vô biệt niệm

Bất lao đàn chỉ đạo Tây Phương.

Niệm một câu Di Đà với tâm vô biệt niệm thì đến Tây Phương nhanh như khảy móng tay. Nói như thế có phải là chơn ngữ không?

- Thưa, đúng là chơn ngữ

Vì khi niệm với tâm vô biệt niệm thì ngay đó là tâm thanh tịnh, là chơn tánh, tức Tây Phương hiện tiền, và đó là một hạt giống để kế tiếp cho nhiều hạt giống khác sinh sôi nảy nở. Ví dụ như một thửa ruộng được cày xới lên, không có một cọng năn thì để mấy năm nó cũng không có năn mọc, nhưng đem vài ba cọng năn cấy vô thì qua năm nhỏ mà đang thúng đang nia, và rồi nó sẽ lên bít đầy hết cả thửa ruộng, nên nhờ một hạt giống mà nó sinh sôi nảy nở lần lần.

Rồi lần lên đại thừa Phật dạy phi thiện phi ác, vì làm thiện đi lên mà làm ác thì đi xuống, Phật tánh không có đi lên đi xuống, không dính kẹt nhị biên. Chúng sanh chấp ngã kiến nhiều thì Phật nói phi thượng phi hạ, Phật pháp vô cao hạ tận giai bình đẳng. Đó là chỗ diệu dụng chỗ vô thượng thậm thâm của đạo Phật, pháp của Phật

dạy sâu mầu nhưng chỗ diệu dụng thì đầy đủ muôn pháp để thích ứng cho mọi tầng lớp chúng sanh, không phân biệt sang hèn, màu da chủng tộc. Ví như con dã can, tuy làm loài dã can mà nói pháp cho chư Thiên nghe, vì tuy thân dã can nhưng tâm không phải dã can. Câu chuyện này do Phật kể để chúng ta thấy rõ thân này là thân nghiệp báo, nhiều kiếp luân hồi sanh tử, thân thọ nghiệp làm Dã Can, nhưng chủng tử Phật tánh đã gieo trong tâm không mất nên nói pháp tánh không tướng cũng không hư không hoại.

Kinh Kim Cang Phật hỏi ông Tu Bồ Đề:

- Ý ông nghĩ sao? có thể do 32 tướng mà thấy Như Lai chăng? Tu Bồ Đề thưa:

- Như thế như thế, bạch Thế Tôn con y nơi 32 tướng mà thấy đức Như Lai. Phật bảo:

- Nếu do 32 tướng mà thấy Như Lai thì vua chuyển luân tức Như Lai chăng? Rồi Phật nói kệ:

*Nhược dĩ sắc kiến ngã
Dĩ âm thanh cầu ngã
Thị nhơn hành tà đạo
Bất năng kiến Như Lai.
Nếu dùng sắc thấy ta
Dùng âm thanh cầu ta
Người ấy hành đạo tà
Không thể thấy Như Lai*

Như Lai đây là chỉ cho pháp thân Phật, cũng chính là tánh giác sẵn có trong mỗi người chúng ta. Nếu chạy theo sắc tướng âm thanh mà cầu Phật là Phật ngoài tâm

nên nói hành đạo tà không thấy được Như Lai. Đức Thích Ca do ngộ tánh giác này, khai mở trí huệ viên mãn mà thành Phật. Ngày nay chúng ta tu hành muốn có kết quả phải dùng trí huệ xoay lại chính mình, đó là cánh cửa bát nhã rộng mở.

Tôn chỉ của đạo Phật là “minh tâm kiến tánh”, dù tu pháp môn nào, dù hệ phái nào nhưng muốn đến chỗ cứu cánh cũng vẫn phải vào bằng con đường trí huệ, hay nói cách khác là phải minh tâm kiến tánh, nên Chư Tổ thường nói:

Bất thức bốn tâm học đạo vô ích

Bất minh tự tánh vấn thiền vô ích

Một chứng cứ đậm nét trong thiền sử là tổ Đạt Ma đã khéo dẫn dắt ngài Huệ Khả dùng trí huệ soi lại tâm mình (đem tâm ra ta an cho) cái vọng tưởng lăng xăng làm cho Ngài bất an đó là vô minh là bóng tối, trí huệ là ngọn đèn thấp sáng lên thì bóng tối tự tan biến, nên Ngài đáp: “Con tìm tâm không thấy”, đó là minh tâm, là đem ánh sáng soi rọi vào tâm mình, người tu Phật phải dùng cách này để thấy rõ ngõ ngách của tâm mình, tâm như vườn khỉ chuyên càn, nó cứ nhảy nhót hết chỗ này đến chỗ kia, việc làm của chúng ta không phải là bắt khỉ, giết khỉ mà là điều phục, ví như tên nài chặn thú vậy, thú dữ có thể giết người, ăn thịt người nhưng đối với tên nài nó hoàn toàn khuất phục, nên chúng ta phải làm thế nào để con khỉ của chúng ta nó tuân phục mình, nghe theo mệnh lệnh của mình, điều kiện ắt có để chúng ta làm được việc đó là phải kiến tánh.

Kiến tánh đây không phải dùng mắt mà thấy, vì cái gì mắt thấy được là phải có hình tướng. Tánh đây là tánh giác vô hình vô tướng thì làm sao mà thấy bằng mắt được, chẳng những không thể thấy bằng mắt mà suy luận, khởi hiểu về tánh cũng không đúng, vì tánh giác là năng, nếu bị hiểu là sở rồi; nên chỉ thầm nhận khéo nhận ra mà thôi. Nhưng chúng ta có thể nương nơi sáu trần bên ngoài mà nhận ra, như sắc trần, thanh trần chẳng hạn.

Trong Kinh Lăng Nghiêm đức Phật đưa bàn tay lên xoè ra nắm lại để khai thị tánh thấy cho Ngài A Nan và tất cả chúng ta ngày nay, bàn tay đức Thế Tôn xoè nắm là tướng động, như nơi tướng động đó mà nhận ra mình có tánh thấy không động, nên nói: “kiến sắc minh tâm”. Tánh giác này phát ra sáu căn gọi là diệu dụng nên Phật nói nhất tính minh sanh lục hoà hợp. Nói về chỗ viên thông của các căn có đoạn Ngài Văn Thù nói: “ Đây là con đường vào Niết Bàn của chư Phật, Phật quá khứ cũng từ cửa này thành tựu, chư Bồ Tát hiện tại cũng đều vào viên minh, và những người tu học đời vị lai cũng y pháp như thế”.

Từ nơi sáu căn xúc trần nhận ra tánh giác là đường vào tự tánh, tức là “tự tánh thanh tịnh thiền”. Nhưng nói đến kiến tánh là nói đến giác ngộ, mà giác ngộ cũng có từng bậc, vì giác ngộ là dùng trí tuệ soi sáng thấy biết chỗ sai lầm. Vì vô minh lầm chấp thân này là thật, thấy nó là cao cả quý báu nên tìm đủ mọi cách cung phụng cho nó, muốn cho nó sống lâu để hưởng thụ. Vua Tần Thủy Hoàng cho người lên non cao núi thẳm để tìm thuốc trường sinh

bất tử cũng chỉ vì quá yêu quý thân mình, muốn cho nó trường tồn để ngồi trên bậc cao sang tột đỉnh mà hưởng thụ dục lạc thế gian, nhưng làm sao được vì định luật vô thường là chân lý chắc thật từ ngàn xưa!

Người tu nhờ trí huệ giác ngộ biết thân này do tứ đại giả hợp, do thần thức gá nương vào tinh cha huyết mẹ mà thành, mà thần thức là gì? Chỉ là một khối nghiệp tích lũy tạo ra xác thân, thì dù cho đẹp để xinh xắn đến đâu cũng là thân nghiệp báo, có sanh thì có diệt, dù yêu quý nó đến đâu có ngày nó cũng phải hoại diệt, càng yêu quý càng bảo vệ nó chỉ càng tạo thêm tội nghiệp mà thôi, người giác ngộ thấy được lẽ thực của thân, thấu được lý vô thường nên đối với thân này coi như tạm mượn bè qua sông, nhờ đó mà dứt được khổ đau về chấp thân.

Bước thứ hai là về tâm, tánh giác bị mờ là do niệm khởi, vọng niệm càng nhiều thì tánh giác càng bị che lấp, ví như tấm gương sáng bị bụi bám, lâu ngày lớp bụi càng đóng dày thì mặt gương bị che bít, thế nên Ngài Thần Tú dạy:

“Thời thời cần phát thức

Vật sử nhạ trần ai.”

Ngày ngày cần lau sạch

Chớ để dính bụi nhơ.

Nhưng đối với Thiền Tông mạnh dạn hơn, dùng trí huệ nhìn thẳng nhận ra tánh giác sẵn có nơi mình, vọng niệm chỉ là bóng dáng của ngoại trần, bất cứ niệm thiện niệm ác gì cũng là hư giả, có rồi mất, thể của nó là không, ví như bóng chiếu vào mặt gương trong sáng, bóng qua rồi thì thôi, tâm trong lặng hoàn toàn không dính dáng gì hết

thì có chi đâu mà phải lau chùi. Đức Lục Tổ diễn đạt chỗ này bằng bốn câu kệ:

“Bồ Đề bốn vô thọ
Minh cảnh diệt phí đài
Bổn lai vô nhứt vật
Hà xứ nhạ trần ai “

*Bồ Đề vốn không cội
Gương sáng cũng không đài
Xưa nay không một vật
Chỗ nào dính bụi bặm.*

Tuy bài kệ 4 câu nhưng cốt tuỷ nằm ở câu thứ ba “Bổn lai vô nhứt vật”, chỉ có năm chữ đơn giản gọn gàng mà nói lên đầy đủ cái thấy biết, không phải thấy bằng mắt, không phải biết bằng cái biết của phàm phu, mà là cái thấy biết của trí huệ, hay nói cách khác là “kiến tánh”

Vì sao thấy xưa nay không một vật mà gọi là kiến tánh? Phàm cái gì chúng ta thấy được đều có hình tướng, có màu sắc, mà tất cả sự vật có hình tướng đều bị luật vô thường chi phối qua bốn giai đoạn: thành, trụ, hoại, không. “Bổn lai vô nhứt vật” là cái bản thể không hình tướng nên không bị luật vô thường chi phối, Giác ngộ nhận ra được chỗ này gọi là “kiến tánh”.

Vô minh ví như lớp mây đen che khuất bầu trời trong sáng, kiến tánh là trí huệ soi sáng thối lớp mây đen tan dần. Thấy được thân này vô thường, bám víu vào thân là khổ, khi thân hoại diệt trả về không, không có gì gọi là ngã. Thấy được như vậy là một chặn. Rồi dùng trí huệ

thấy được vọng niệm là bóng dáng của sáu trần trùng trùng duyên khởi che mờ bản tâm trong sáng nhưng nó hư dối chợt có chợt không, còn bản thể trong sáng là thường hằng bất biến đó là chạng thứ hai.

Đến chạng thứ ba là chỗ mà Ngài Huệ Năng nghe Ngũ Tổ giảng Kinh Kim Cang đến câu "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" Ngài chợt bật ngộ nói lên rằng:

Đâu ngờ tánh mình vốn thanh tịnh

Đâu ngờ tánh mình vốn không sanh diệt

Đâu ngờ tánh mình vốn tự đầy đủ

Đâu ngờ tánh mình vốn không dao động

Đâu ngờ tánh mình vốn hay sanh muôn pháp

Ngay đó ngũ Tổ ấn chứng và truyền y bát cho làm Tổ thứ sáu. Vậy Ngài đã ngộ cái gì mà được ngũ Tổ ấn chứng ?

Trước kia Ngài đã thấy bản lai vô nhứt vật, hôm nay Ngài thấy trong cái rỗng lặng không một vật đó mà nó dụng chứa tất cả các pháp hay nói cách khác là tất cả các pháp không lìa tự tánh. Trong kinh pháp Bảo Đàn đức Lục Tổ có nói:

Pháp vốn không đốn tiệm

Mê ngộ có chậm mau

Chỉ môn kiến tánh ấy

Người ngu chẳng kham vào.

Vì căn cơ của chúng sanh có sai biệt nên giáo pháp của Phật có khai quyền hiển thiết, khai quyền thì phương tiện có muôn pháp, hiển thiết thì quy tụ về một tâm, người học đạo tùy theo căn cơ mà kế hội, chỗ cứu cánh rốt ráo là chỗ không hình tướng, không danh tự, nói là

chơn tánh, là bản lai diện mục hay nói chơn tâm thường trú.vv... thật sự chỗ ấy không dính dáng gì đến ngôn ngữ văn tự, ba đời chư Phật im hơi lặng tiếng, trên hội Linh Sơn niêm hoa vi tiếu, bốn mắt nhìn nhau Phật ấn tâm tông cho ngài Ma Ha Ca Diếp, từ đó tổ tổ tương truyền cho đến ngày nay, đến ngàn sau muôn đời như một.

Chư thiện tri thức gẫm lại mà xem, tuy nói như thân nạn đặc nhưng chúng ta đã được thân người rồi, Phật pháp nan văn mà chúng ta đã được nghe Phật pháp rồi, vậy còn chần chờ gì nữa mà không quay về bảo sở ?

Mong thấy!

NAM MÔ BỐN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT.

BÀI 12

ĐẠO QUẢ ĐỒNG NGUYÊN

Đức Phật có nói: “Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị” muốn biết đời trước của mình thế nào thì hãy xem ngay trong kiếp này mình đang thọ những gì?

Hôm nay chư thiện nam tín nữ có mặt trong đạo tràng này là vì cái nhơn kiếp trước đã có duyên lành với Phật pháp. Luận về nhơn quả hiểu nôm na thì ví như hột giống vậy, hễ gieo giống gì thì nó lên giống ấy, hoặc mau hoặc chậm mà thôi. Trong nhà Phật chia ra làm hai từng nhân quả, nhân quả thế gian và nhân quả xuất thế gian. Với bậc tiểu thừa Phật nói làm lành gặp lành, làm ác quả ác, nhưng dưới cặp mắt của đại thừa thì trong nhân có quả trong quả có nhân; con cò ai sơn mà nó trắng, con quạ ai nhuộm mà nó đen, loài nào nó ra loài ấy. Hôm nay tôi xin đưa ra đề tài Đạo quả đồng nguyên để luận bàn cùng chư thiện tri thức.

Trước hết tôi xin luận về chữ “Đạo”. Xưa đức Phật dưới cội bồ đề, bốn mươi chín ngày đêm tham thiền nhập định, và đêm cuối cùng sao mai vừa mọc thì Ngài thành đạo, vậy thành đạo ấy là sao? Rồi chư Tổ lại dạy mình xả thân cầu đạo, vậy cầu đạo là cầu cái gì? Và trong bài Pháp đầu tiên tại vườn Lộc Uyển đức Phật nói về bốn đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo, vậy đạo này ra sao? Rồi có chỗ Phật lại dạy bình thường tâm thị đạo, chữ đạo đây là sao? hôm nay tôi xin phân tích tuần tự

Trong Tứ Diệu đế, đầu tiên đức Phật nêu lên khổ đế là chỉ cái quả khổ của thế gian, rồi đến tập đế là chỉ cái nhân gây ra quả khổ đó là nó về nhân quả thế gian. Đến đế thứ ba đức Phật nói diệt đế là quả vui Niết Bàn và đạo đế là con đường đi đến quả vui đó, chỗ này Phật nói nhân quả xuất thế gian.

Đạo đây giống như tám bản đồ để cho khách lữ hành dò lần theo từng cây số, từ trong 37 phẩm trợ đạo Tứ Niệm Xứ, Tứ chánh cần v.v... dùng các pháp quán, bất tịnh quán, số tức quán để đối trị vọng tâm. Trong chữ Đạo này các bậc hiền triết luận theo bốn điều giống như người thế gian cũng có bốn điều thường nói là :

1/ Phu thê dị: chuyện chọn vợ gã chồng rất dễ hai bên nam nữ đồng ý nhau thì có thể thành tựu.

2/ Hữu tử nan: Có nhiều cặp vợ chồng sanh con nuôi không hết, ngược lại nhiều cặp vợ chồng muốn có một mụn con cũng không có, cho nên dựng vợ gã chồng thì dễ mà muốn có con chưa chắc được như ý.

3/ Hữu tử dị, dương tử dị: Muốn có con không khó mà muốn nuôi con cũng có đủ điều kiện không có gì khó.

4/ Thành tử nan: Nuôi một đứa con cho thành người thì không phải là dễ, nuôi đây là nói chỗ nuôi dạy; không có cha mẹ nào muốn cho con mình hư đốn mà trong xã hội ngày nay không biết bao thanh thiếu niên đã lao vào nếp sống trụy lạc cho gia đình.

Nhà đạo cũng có bốn điều người tu cần phải biết là:

1/ Tu hành dị: Có biết bao người trong tuổi thanh xuân đã can đảm phải bỏ tóc xanh nương bóng già lam tìm

đường giải thoát, đi ngược dòng đời, buông bỏ sự hưởng thụ của tuổi trẻ không phải là chuyện dễ làm, nhưng còn dễ hơn đoạn thứ hai là đắc đạo nan.

2/ Đắc đạo nan: Bỏ đời vào đạo là chuyện dễ mà tu cho đắc đạo là chuyện rất khó, từ xưa đến nay lấy số lượng người xuất gia thì nhiều mà chứng đạo thì thật là hiếm hoi, vì điều kiện xuất thế tục gia chỉ là một phen dưng cảm, quyết tâm thực hiện, nhưng bên cạnh đó người xuất gia tuy đã cạo bỏ tóc xanh, khoát nâu sòng nhưng vẫn còn mang một khối tập khí lâu đời lâu kiếp, do đó nên nói tu hành dễ đắc đạo nan.

3/ Đắc đạo dị, thủ đạo nan: Nói đắc đạo đây phải hiểu là đắc từng giai đoạn, được đạo rồi mà thủ đạo nan, giữ đạo là chuyện rất khó, nên chư Tổ nói:

Phong đình ba thượng dưng

Lý hiện niệm du xăm

Gió lặn mà sóng chưa dừng, lý sáng rồi mà tạp niệm vẫn còn xen lẫn. Khi trí tuệ bật sáng thấy được chơn thể của các pháp, nhưng còn tập khí nhiều đời nên khi đối duyên xúc cảnh vẫn còn động niệm, vì vậy mà giữ đạo không phải là dễ

4/ Thủ đạo dị thành đạo nan: Dù cho rằng quyết tâm phòng tâm giữ ý hằng giờ hằng phút nhưng đi đến chỗ thành đạo viên mãn cũng rất gian truân, vì lý tuy đồng mà hạnh thì chưa. Có một câu chuyện tiền thân đức Phật hành Bồ Tát hạnh, ngài gặp một con hổ đói, động lòng từ Ngài nguyện thí thân cho hổ, nhưng ngặt vì con hổ đã đói lâu ngày, nó không đủ sức đứng dậy vồ mồi, nó xin Ngài

một ít máu tươi nhỏ vào miệng cho nó tỉnh táo, có sức mà ăn, ngài sẵn sàng cắt lấy tay mình cho máu tươi chảy vào miệng hổ. Chuyện đó ngày nay chúng ta không thể làm được nên nói lý tuy đồng mà hạnh thì còn thiếu. Cái hạnh phải trải qua nhiều bậc, từ hạnh thanh văn thừa chấp có bỏ không, tu pháp nào chấp vào pháp đó, giữ giới luật thì chấp vào giới luật; qua duyên giác thừa thấy được mười hai nhân duyên xoay dần mãi cũng như bánh xe quay liên tục, giáp vòng này qua vòng khác không có đầu mối, lưu chuyển xuống lên chịu khổ trong vòng luân hồi lục đạo, bậc này thấy được giả tướng không thật có nhưng cũng còn kẹt vào nhị biên, phải tiến lên bậc Bồ Tát đi từ sơ phát tâm đến thập địa.

Đó là giáo nói ra lời để mình theo bản đồ mà đi cho khỏi lầm đường lạc lối. Nhưng dù tu pháp nào thì cũng lấy sáu căn, sáu trần sáu thức làm căn bản, câu chuyện mười tám tên cướp buông gươm thành mười tám vị La Hán đó là Phật dụ cho sáu căn, sáu trần và sáu thức; khi căn hiệp trần bối giác thì gây tạo ác nghiệp sa đoạ trầm luân, nhưng quay lại bối trần hiệp giác, nhập lưu vong sở thì chứng thánh hiền ngay nơi đó. Từ khi là một tên cướp, thân khẩu ý thường buông lung, làm càng làm bậy (cướp của giết người), đến chừng tỉnh giác biết mình sai trái dừng lại từ sáu căn, canh phòng ý như giữ thành ngăn giặc, xả kỷ vị tha; nên nói thành Phật tác Tổ gì cũng từ nơi đó mà ra.

Qua đến chữ đạo mà chư Tổ dạy xả thân cầu đạo. Trước khi nói xả thân tôi xin nói về chỗ thọ thân, thân

này do tinh cha huyết mẹ kết hợp với thần thức, do chỗ ái dục mà sinh ra, rồi lầm chấp nó là mình, tìm đủ cách cung phụng cho nó ăn ngon mặc đẹp, tạo tiền của cho nhiều cho xác thân thụ hưởng, lại còn muốn giữ cho thân được lâu bền, bày tiệc chúc thọ, lục tuần, thất tuần, mong cầu cho xác thân sống lâu hưởng thụ.

Chư Tổ dạy người hành đạo phải xả thân để giảm bớt lòng vị kỷ hưởng về lợi tha, xả thân đây không phải huỷ hoại thân tướng mà biết rõ nhân ái nhiệm có thân này là nhân để nối tiếp thân khác, cứ xoay vần như vậy không bao giờ ra khỏi sanh tử luân hồi. Bây giờ biết thân này vô thường, ai rồi cũng phải già phải chết, vậy tạm mượn thân này làm bè qua sông lần về bến giác, nên hiểu xả thân đây là xả cái thân phàm phu để lập thân thánh. Muốn cầu đạo thì trước phải buông bỏ cuộc sống xa hoa ăn ngon mặc đẹp, để sống thanh bần tam thường bất tức, ăn đủ nuôi thân, mặc đủ chống lạnh, ngủ nghỉ vừa phải, gặp việc làm lợi ích cho người thì dù khó khăn vất vả vẫn không từ nan, đó gọi là xả kỷ độ tha, là tâm cầu đạo.

Tiếp đến là câu “bình thường tâm thị đạo”, tâm như thế nào gọi là tâm bình thường. Tôi xin kể câu chuyện gia đình ông Bằng Long Uẩn. Một hôm luận về việc tu hành ông nói:

- Khó! Khó! Khó! Như leo cây vượt mười tạ dầu mè
Bà Bằng nói:

Dễ! dễ! dễ! Trên đầu ngọn cỏ trăm ý Tổ Sư.
Cô con gái là Linh Chiếu nói:

- Chẳng phải khó, chẳng phải dễ, đói đến thì ăn, mệt ngủ khò!

Đó chính là chỗ tâm bình thường. Tâm bình thường đây không phải là bình thường theo chúng sanh, mà bình thường là rỗng lặng không suy tư, tính toán, so đo hơn thiệt, đói thì ăn không đòi hỏi món ngon vật lạ, khát thì uống không cầu kỳ phải nước ngọt nước cam, sống với tâm này dễ gần với đạo, sáu căn xúc sáu trần mà không bối giác, nó tiếp xúc với trần gọi là hoà quang đồng trần mà không bối giác cũng không giữ cái hiệp trần, chỗ đó mới gọi là bình thường, nó không dính bên nào tức là vô tướng bồ đề là đạo rồi đó.

Đạo quả đồng nguyên. Chỗ đạo đây nó không có cái hơn hay nói đúng hơn là trong hơn có quả trong quả có hơn, ví như trong cái hạt xoài đã có cây xoài vậy. Đạo đây không có tướng, tức tướng mà ly tướng, dù ở môi trường nào, ở hoàn cảnh nào cũng lẫn mình vào chúng sanh, hoà quang đồng trần với chúng sanh gọi là đồng sự nhiếp. Đạo đối cảnh không vọng sanh mà cũng không dùng phương pháp diệt sanh, cũng không trụ giữ nơi đó, chỗ động không dính mắc động, chỗ định không trụ nơi định, ví như miếng đất đã làm cỏ sạch sẽ bang bằng phẳng gieo giống nào cũng được, đạo là vô tướng, vô tác, cái không của đạo không phải không ngơ mà là chơn không, cái có của đạo có tướng mà ly tướng nên gọi là diệu hữu.

Đức Phật thì khai viên, Tổ thì hiển cận. Nói Phật tánh sẵn có nhưng nếu không tu thì làm sao nó hiển hiện.

Từ nơi hoàng cung Phật còn là một vị thái tử thể hiện đầy đủ cái chúng sanh, vợ đẹp con ngoan, cung vàng điện ngọc, nhưng khi giác ngộ Ngài dứt áo ra đi, cắt tình luyến ái tu hành chứng đạo tuyên bố rằng chính mình thành Phật. Cái Phật đó không phải từ bên ngoài vào mà chuyển từ chúng sanh qua Phật mà thôi. Sơ Tổ Đạt Ma dạy: “Ngoại dứt chư duyên”, bên ngoài muôn duyên lăng xăng hãy nên dứt trừ đừng để vướng bận vào tâm. “Nội tâm vô đang”, trong tâm để cho trống không vắng lặng, không dính mắc một trần cảnh nào. “Tâm như tường bích” giữ tâm bằng phẳng như vách tường, không nghiêng bên này, không kẹt bên kia, không bị ngoại cảnh thuận nghịch lay chuyển.

Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm Ngài A Nan hỏi Phật

- Bạch Đức Thế Tôn, cội gốc của sanh tử luân hồi là gì? Phật đáp:

- Cội gốc của sanh tử luân hồi chính là sáu căn của ông.

Cho nên Phật nói tám muôn bốn ngàn pháp môn cũng chỉ quy về sáu căn mà thôi, sáu căn duyên trần là cội gốc của sanh tử sáu căn thanh tịnh là trở về với đạo. Tổ Đạt Ma sang sông Đông Độ khai cho Ngài Thần Quang pháp an tâm cũng từ nơi ý căn này thôi, xoay lại nhìn mình (6 căn hướng nội) thì cái vọng niệm lăng xăng không còn nữa.

Bản tâm trong lặng tròn sáng như miếng đất, thức tưởng cái gì thì như hột giống rơi xuống đất, nó có điều kiện để sinh sôi nảy nở thành ra có nhân có quả. Nhưng

muốn dứt cái thức này không phải là chuyện dễ, vì bản chất của nó đã huân tập nhiều đời nhiều kiếp rất là nhạy bén, nên chư Phật chư Tổ hạ phương tiện dạy mình việc đầu tiên là phải bỏ ác làm lành (chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành) tức là hạt giống xấu không còn rơi rớt vào tâm thể mà chỉ gieo mầm giống thiện để gặt hái quả lành, mầm móng tạo ác từ nơi chấp ngã, ngã sở, nơi lục dục thất tình, nên kinh Phật dạy muốn tu đạo giải thoát thì phải trừ bỏ lục dục thất tình chư Tổ thường nhắc nhở: Ý tình tận diệt huệ tâm khai, ý mình còn ràng buộc với sợi dây tình nhiều đời quá thì không sáng suốt, không khai mở huệ tâm được vì đã bị tình nó bao phủ rồi, người tu Phật phải tận diệt tình đời, phải bào mòn từng lớp cho trí huệ thấp sáng. Từ vô lượng kiếp chúng ta đã bị lớp vỏ tình này bao phủ, bây giờ phải xé gỡ từ từ ví như lột từng bẹ của cây chuối, người ta thường nói bệnh dạy thầy cây dạy thợ, người bệnh nhiều thường có kinh nghiệm tự trị bệnh cho mình, người thợ mộc gặp cây lạng cườm thì phải bào ngược chớ nếu bào xuôi thì bị lóc, người tu cũng vậy phải bền lòng vững chí nhờ đó mà trước cảnh thuận nghịch không cản trở được bước tiến của mình. Sở dĩ mình ưa thuận sợ nghịch là do tâm ái mến mà ra, ái mến thân này muốn bảo tồn nó mãi mãi, thậm chí đến người ăn xin ngoài chợ mà nghe ai nói số anh sẽ chết trong vài hôm nữa thì hoảng sợ cuống lên, vì họ vẫn muốn sống, dù rằng cuộc sống nơi góc chợ đầu đình, rồi đến ái mến người thân của mình, con cái nhà mình có gây gổ đánh đập với con hàng xóm thì luôn luôn phần phải về mình!

Kinh nói do ái mền mà cột trói trong sanh tử luân hồi, nên người tu phải chuyển đổi ái mền thành đạo tình thanh cao hơn, chuyển cái tham muốn lục dục thất tình thành cái ham muốn bỏ ác làm thiện, ham muốn tu hành giải thoát, đó gọi là dục thần túc, là điều đầu tiên trong tứ thần túc mà đức Phật đã nói tại vườn Lộc Uyển. Chư Tổ cũng thường nhắc nhở chúng ta phải tiên tri rồi mới hậu hành, trước phải biết rõ pháp Phật dạy, xác định được con đường mình đi để yên tâm vững bước mà tiến. Đi đúng đường lối thì trên lộ trình ví như một chiếc xe tốt chạy nhanh, xe xấu ỳ ạch rồi cũng tới dù chậm một chút, còn nếu đi sai lệch thì không có kết quả mà đôi khi còn gây tác hại nữa, tổ Thiên Thai thường ví chỗ này như leo cây tìm cá, chỉ luống công vô ích.

Đến giai đoạn kế tiếp tiến thêm một bước Phật dạy: Bồ thí bất trụ ư tướng kỳ phước đức bất khả tư lượng. Bồ thí mà không trụ tướng thì phước đức vô lượng, vì sao vậy? Vì bồ thí mà còn có tướng, thấy mình là người bố thí, kia là kẻ thọ thí là còn chấp còn trụ, là còn dính kẹt vào nhơn ngã, giả dụ mai kia người thọ nhận bạc ơn phản bội chắc chắn sẽ gây phiền não không ít cho mình, vả lại khi cho ra với tâm đổi chác, có điều kiện thì làm sao được phước lớn; ví có nhiều Phật tử đến chùa cung kính lạy Phật, đặt lên bàn Phật 10 đồng, rồi cầu xin Phật cho con làm ăn phát đạt, lúa đầy bồ, gà vịt đầy sân, bạc tiền đầy tủ thì ngật cho ông Phật quá! cũng dường như vậy là còn tâm vị kỷ thì làm sao phước đức vô lượng được. Còn bố thí không trụ tướng gọi là tam luân không tịch, người bố

thí, kẻ thọ thí, vật được thí đều vắng lặng, không kẹt vào niệm như ngã, chỉ hướng về lợi tha mà làm, làm xong thì buông xả, do chỗ đó mà nói được phước đức vô lượng.

Nhưng phước đức đây là phước hữu vi dù cho có lên đến cõi trời hưởng ngàn năm rồi hết phước cũng trở lại sanh tử, cho nên Ngài Đường Trung Tôn nói: “Bố thí phước thậm đa dụng tận hườn ư sanh diệt, kinh văn bán cú thiếu liễu tri phương chứng bồ đề”. Tạo phước cho thật nhiều, dù làm đến bậc vua chúa, khi hết phước rồi cũng trở lại bản cùng, dù lên cõi trời cũng phải trở lại luân hồi sanh tử; ví như mũi tên bắn lên hư không dù sức mạnh đến đâu có lúc cũng phải rớt xuống đất, đó là nói cái quả hữu lậu, chỉ bằng nửa câu kinh tuy là ít nhưng ngộ được thì chứng quả bồ đề thoát vòng sanh tử, câu này nói về cái quả vô lậu, không còn kẹt vào thiện ác nữa, chỗ mà đức Lục Tổ Huệ Năng khai cho Ngài Huệ Minh:

- Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của Thượng toạ Minh.

Không nghĩ thiện không nghĩ ác tức là không có sự huân tập vào tàng thức, mà đã không huân tập thì làm sao bị chi phối được, không bị nghiệp lực chi phối tức là thoát vòng sanh tử, ngay đó là bản lai diện mục chớ gì! Cho nên có người hỏi tôi:

- Tu thiền có thành Phật không? tôi nói:

- Tu thiền không có thành ông Phật ngồi trên tòa sen đâu, mà tu thiền là thành người giác ngộ giải thoát.

Cái vọng niệm nó nuôi lớn cái bản ngã quá đi, nó muốn thành ông Phật ngồi cho họ lạy, đó là trói buộc với

sanh tử, nên như ngay chỗ trói buộc đó mà tháo dính nhỏ chốt đó là giải thoát. Tổ nói bất sanh bất diệt danh vì viết tọa. Tâm không còn sanh diệt nữa là ngồi rồi đó, tác tượng Phật ngồi trên tòa sen là vì Phật không còn sanh diệt, không bị nhiễm ô như đoá hoa sen mọc lên từ chốn bùn nhơ mà không dính nhiễm bùn nhơ. Người tu trong tướng mà ly tướng, Phật không dạy tu khổ hạnh vì khổ hạnh không thành đạo được, Phật chỉ dạy chúng ta đừng dính nhiễm là được, giả dụ sáng nay có người cúng dường mình ba cái nắm rơm, thì mình cứ việc ăn ba nắm chớ đừng nói tôi tu khổ hạnh tôi không ăn đâu, cũng đừng nói phải chi có nắm búp giống như hôm qua tôi ăn chớ nắm này tôi không ăn; nếu tâm mình không dính chấp thì búp nở gì cũng được, miễn có thức ăn qua cửa cổ nuôi mạng sống thôi, cho nên Sơ Tổ Trúc Lâm nói:

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên

(Ở đời vui đạo hãy tùy duyên)

Vậy muốn đến cái đạo này phải làm sao?

Chư thiện tri thức hãy nên tận tình, tận tình, hãy tận tình đi, cục đá mài hoài thì nó cũng phải mòn. Tận tình huân tập vào thể tánh mình chủng tử giải thoát và tận tình xả bỏ đi cái chúng sanh, ví như miếng vải trắng mà nhúng vào nước nhuộm xanh thì nó thành màu xanh, rồi nói tôi không thích màu xanh mà thích màu đỏ thì lại đem nhuộm đỏ nó sẽ đỏ, nên nếu mình huân tập cái gì thì nó theo cái thức tưởng của mình chỗ đó. Vì vậy người tu hành không phải đoạn diệt thức mà là chuyển cái thức, không còn chấp kẹt vào vọng niệm nữa đó là thành trí.

Cho nên tôi khai thiên ở chỗ “Tâm minh đồng nhập đạo”. Cái tâm mình mà minh rồi, tức là trí thì tức là đã xuất gia giữ giới rồi đó, vì cái tâm mình này làm đủ mọi việc mà không dính chấp nên nói nhập vào đạo đó cũng là chỗ vạn pháp tùng tâm.

Có người hỏi: làm sao biết được chỗ mình. Tổ dạy:

- Nhữ nhược dục tri tâm yếu, dẫn như thiết thiện ác lương lương tự đắc Như Lai thanh tịnh.

Nếu muốn biết chỉ yếu của tâm là chỗ không khởi thiện, không khởi ác nhập vào Như Lai thanh tịnh. Vào chỗ này gọi là:

Thường trụ bất thiên

Danh vi viết đạo.

Chỗ không dời đổi thường hằng bất biến này mới chính là đạo, chỗ này không có hình tướng, không chỉ bằng tay, không thấy bằng mắt được cho nên thiên khách đến hỏi đạo, thiên sư hoặc đánh hoặc hét chớ không nói một câu nào. Chính vì chỗ không nói, không chỉ này mà thiên sư Đơn Hà đã làm một việc hết sức kỳ đặc lưu lại trong thiên sử, đó là câu chuyện: Đơn Hà thiêu mộc Phật, viện chủ lạc mi mao.

Ngài Đơn Hà đến chùa Huê Lâm gặp tiết đại hàn, Ngài lên chánh điện thỉnh tượng Phật gỗ đốt để sưởi ấm, viện chủ thấy vậy hốt hoảng la trách

- Sao ông đốt tượng Phật của tôi ?

Ngài thản nhiên dùng gậy bối tro nói:

- Tôi thiêu để lấy Xá Lợi.

Viện chủ liền nhận ra chỗ đó. Phật gồ làm gì có Xá Lợi, thờ Phật là nương cái giả để thấy cái thật, chớ chấp vào cái giả thờ cúng bái lạy mà không thấy cái thật thì trở thành vô nghĩa không thiếu để làm gì. Tổ Đạt Ma qua Trung Quốc cứu niên diện bích cũng vì chỗ này mà thôi. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo dưới cội bồ đề cũng chính là thành tựu chỗ này, và hơn hai ngàn năm trăm năm nay Phật Tổ tương truyền tâm tâm tương ấn nhưng vẫn im hơi lặng tiếng bởi vì: “Đạo hữu hà ngôn đạo vô hà luận”, chỗ không lời cũng không luận bàn ấy chính là đạo vậy.

Nói Phật tu ba A tăng kỳ kiếp nghe dài quá, xa quá nhưng nếu mình không nhận ra chỗ này thì dù 30 A tăng kỳ kiếp cũng chưa xong.

Một vị khách hỏi Thiền Sư:

- Máy kiếp làm người máy kiếp xong?

Thiền Sư đáp:

- Chín kiếp làm người một kiếp xong. Chỉ có một kiếp thôi, vì khi nhận ra được chỗ này rồi thì xong việc. Vậy chư thiện tri thức hãy nên cẩn trọng.

Nam Mô Bốn Thích Sư Ca Mâu Ni Phật.

BÀI 13

THIỆN ĐẠO

Kinh Pháp Hoa kể ông Trưởng giả muốn nhìn con để giao gia tài nhưng biết con mình ý chí hạ liệt, không tin mình là người giàu sang, thấy trưởng giả sanh tâm khiếp sợ, nên ông bày phương tiện mượn con ông về làm công ngày ngày hốt phân đổ rác rồi ông tự cởi bỏ lớp áo sang trọng mặc quần vải áo thô, ra vườn gần gửi con dẫn dụ từ từ để giao của cải cho con mình.

Gã cùng tử kia nghĩ phận mình nghèo hèn thấp kém có sẵn gia tài quý báu mà không dám nhận. Cũng như chúng ta có sẵn Phật tánh ngay nơi mình mà mãi lang thang trong luân hồi sanh tử. Đức Phật vì lòng từ bi thương xót chúng sanh mới bày phương tiện.

Hôm nay tôi nương nơi giáo pháp Phật, lấy đề tài Thiện Đạo, giảng trạch phương tiện để chúng ta cùng nhận ra kho báu nhà mình.

Vậy sao là thiện, sao là đạo?

Chư Tổ thường nói: “Đạo hữu hà ngôn, đạo vô hà luận”.

Đạo vốn không có lời, không có chỗ luận bàn, vì có lời là có tướng, luận bàn là còn trong vòng đối đãi, Đạo là chỗ rỗng rang không hình không tướng, không kẹt trong chỗ đối đãi nhị biên. Đạo là bản thể sáng trong trùm khắp, từ chỗ đó một niệm bất giác khởi sanh, rồi từ cái vọng khởi đó nó sanh vọng nối tiếp luôn luôn không ngừng dứt, do đó mà xa rời đạo.

Tất cả chúng sanh nói chung hay chúng ta ngày nay nói riêng ví như người giàu có rủi ro bị trộm vào nhà lấy hết của cải trở thành nghèo, không tiền chi tiêu đem bán món nọ món kia cho nên càng ngày càng nghèo thêm hoài không bao giờ hết cái nghèo. Bây giờ muốn giàu như xưa phải làm sao?

- Phải tìm đạo? – Nhưng đạo nơi đâu mà tìm? Kinh Duy Ma nói: muốn tìm đạo phải tìm chỗ phi đạo, vì đạo không ngoài chỗ phi đạo mà có. Chư Tổ cũng nói: Đạo ngay nơi động. Chỗ này chư thiện tri thức mới nghe qua hơi khó hiểu, vì đã nói Đạo là chỗ rỗng rang thanh tịnh không một niệm khởi sao bây giờ lại nói Đạo ngay nơi động, đã động thì mất thanh tịnh rồi ?

Thưa chư vị, chư vị thử nhìn lại xem vọng niệm từ đâu khởi lên, có phải ai cũng cho rằng từ tâm mình chẳng? Rồi bây giờ muốn cho nó lặng thì cũng từ nơi tâm mà buông bỏ, hay nói cách khác tâm có vọng tâm và chơn tâm, vọng tâm lặng dứt thì chơn tâm hiển bày, chơn tâm ấy không ngoài vọng tâm mà có, nếu đi tìm chơn tâm bên ngoài ví như lông rùa sừng thỏ chẳng bao giờ có, khi động là vọng, vọng lặng là chơn nên nói đạo ngay nơi động.

Đạo là thể của tâm, tâm ví như tờ giấy trắng, bây giờ mình lấy mực đen bôi lên, tờ giấy không còn trắng nữa, vậy muốn cho tờ giấy trắng trở lại thì cũng phải chính mình cạo rửa ngay chỗ mực đen kia đi.

Thể tánh không sanh không khởi, tâm bất giác sanh khởi phân biệt tốt xấu khen chê, chạy theo lục dục thất

tình rồi than khổ quá thôi thì đi tu khai tâm mở trí cho hết khổ chớ thật ra tánh vẫn như như, nó không có không không, không khổ cũng không vui thì có gì mà khai mở, chớ vị nên nhớ chỗ này nha. Bây giờ nói đến thiền, thiền là trí huệ. Vì vô minh bất giác vọng sanh, trí huệ soi sáng chiếu phá vô minh. Nói thiền và đạo nó rất gần với nhau, hỗ tương cho nhau, Đạo trong Thiền, Thiền trong Đạo, nó tương ứng với nhau ví như hai sợi dây điện lạnh thì không phát ra ánh sáng, mà hai sợi dây nóng cũng không phát ra ánh sáng, nhưng một sợi âm một sợi dương thì mới có ánh sáng.

Tại sao có thiền? -Vì trong vô lượng kiếp chúng ta bị vô minh che lấp, tâm ta chứa đầy đầy vọng niệm tuôn tràn như dòng thác đổ, Duy Thức học gọi là: "Hằng chuyển như bực lưu". Thiền là thấp sáng hiện hữu, đem ánh sáng soi rọi vào tâm mình phá tan những áng mây đen tối cho bầu trời trở lại một màu trong sáng.

Vọng từ tâm khởi ra thì bây giờ cũng từng tâm mà diệt. Tâm tạo nghiệp thì cũng do tâm mở nghiệp chớ cái tánh nó không có tạo không có mở gì hết, tạo mở gì cũng do tâm cho nên nói bỏ tâm không đến đạo mà ôm giữ tâm cũng không đến đạo được. Nếu bỏ tâm thì mặc tình tâm buông lung phóng túng, chạy theo trần cảnh muốn thứ nọ, thích thứ kia; còn giữ tâm thì tâm tu giới chấp giữ tu giới, tâm tu định chấp vào định bị dính kẹt không đến cứu cánh được; chỗ này chúng ta phải khéo léo, ví như mình đạp phải cây gai, mượn một cây gai khác mà lể, cây gai bị đạp có mũi nhọn bị gãy dính trong chân, nên phải

dùng mũi nhọn củacây gai khác mà lể, khilấy được cây gai kia ra thì cả hai cây gai phải bỏ luôn, việc tu hành cũng vậy, dùng tâm nương vào pháp mà tu, khi đến chỗ viên mãn rồi thì pháp cũng buông, mà tâm cũng buông, nếu cứ ôm giữ mãi cái tâm đó tu hoài thì như miếng đất làm cỏ sạch sẽ, bang bằng phẳng rồi mà không gieo giống thì tới mùa cũng không thu hoạch được. Người Trung Hoa thường nói: “Bất tạo bất tạo”, biết cho rõ ràng rành mạch rồi mới làm, chớ không biết thì không nên làm, vì làm sẽ nắm chắc phần thất bại, như có một xấp vải để nguyên dù có túng thiếu đem bán lỗ chút đỉnh cũng cố tiền tiêu xài, nếu cắt thành cái áo rồi thì chịu thôi. Tu mà ôm cái định hoài thì kẹt vào si định, mà ôm cái huệ hoài thì kẹt vào cần huệ địa.

Điểm trọng yếu của thiền là minh tâm kiến tánh. Thiền Sư Quảng Trí nói: “Minh tâm chính là mái chèo trí huệ trong biển sanh tử, kiến tánh là thuốc hay trị bệnh phiền não”.

Dùng trí huệ soi rọi lại tâm mình thấy tường tận đâu là vọng đâu là chơn, vọng tạo nghiệp, nghiệp dẫn chúng ta trầm luân trong sanh tử, minh tâm giúp chúng ta bỏ vọng về chơn, nên nói minh tâm là mái chèo trong biển sanh tử. Bởi vọng tâm sanh phải quấy, ưa ghét khen chê phiền não chất chồng, kiến tánh là nhận ra bản thể chân thật, sống được với bản thể này là dứt sạch phiền não, nên nói kiến tánh là thuốc hay trị bệnh phiền não. Minh tâm kiến tánh chính là nồng cốt của người tu Phật, nói tu định tu huệ, nói song tu, nói nhứt như gì thì căn bản cũng

phải minh tâm và kiến tánh, ba tạng kinh điển Phật nói ra cũng không ngoài chỗ tâm và tánh.

Nói tu trong khoảng sát na là sao? vì vô minh khởi ra bất giác, từ bất giác nó vào cái mê, sanh khởi liên tục, như người nghèo thiếu nợ mười ngàn sang năm số lãi lên 20 ngàn rồi lên 30 ngàn, nợ nợ chập chồng không bao giờ hết. Tu là tu ngay niệm đầu, niệm ban đầu dứt thì những niệm sau không có chỗ nối tiếp, tâm thể vắng lặng thì trả về tánh, nên chư Tổ thường nói: “Niệm trước không sanh là tự tánh”, hay nói tu trong sát na là vậy.

Chư thiện tri thức hãy tự rà lại tâm mình, vọng niệm này vọng niệm kia dính với nhau thành một chuỗi dài vô tận; chữ giác là biết mà biết thì dừng lại dừng để nó dính chỗ không phải đem bỏ đi đâu hết, nó như cụm mây treo lơ lửng trên không, một lát rồi cũng tự nó tan mất hết, không có gì phải bỏ phải trừ hết. Tuy nói thì nói vậy nhưng cũng rất khó phải không thưa chư vị? vì nó đã huân sâu vào tàng thức của chúng ta rồi, đối với bậc thượng căn đại trí thì chỉ một hành động, một cử chỉ của chư Tổ liền khai mở chỗ bí yếu nhận liền thể tánh, thấy rõ tướng hội nên nói pháp của Phật không có quyền, thiệt, đốn, tiệm, (trực chỉ như tâm kiến tánh thành Phật). Còn đối với bậc trung hạ căn thì phải theo phương tiện, nên pháp của Phật có quyền, thiệt, đốn, tiệm. Có khi Phật mượn hình thức này để nói cái lý kia, cốt để chúng ta nhận ra cái thật nơi mình, thế nên có lần Phật tuyên bố rằng suốt trong 49 năm Như Lai không nói một lời, đó là đối với bậc thượng căn đại trí, còn đối với bậc trung hạ căn thì

Phật để lại tám muôn bốn ngàn pháp môn để chúng sanh tùy theo căn cơ mà tu hành.

Nói phương tiện tức là tùy bệnh mà cho thuốc, mình rà lại tâm mình xem bệnh nào nặng, nếu tâm thường mơ ước về tiền tài vật chất, xe hơi nhà lầu thì phải nguyện gia bảo mãi xa xan tham. Thân này không thật có cung cấp cho nó thọ hưởng bao nhiêu rồi đến lúc tứ đại tan rã trả về cát bụi cũng chỉ có hai bàn tay trắng, nên xả bỏ tâm tham lam bôn xển. Nhưng mà phải đề phòng, lúc đầu tu, chỉ cần tương đưa no dạ nuôi thân qua ngày, nhưng tới chừng người ta cúng vàng nhiều quá thì chừng đó ăn tương đưa không được mà phải nắm đông cô, phải chắt hắp thì mình xa ông Phật của mình hồi nào không hay, cho nên nói đốn giáo mà coi chừng không đốn được cái cây tham đa rồi chưa nói đến tham ăn nhiều quá nặng bụng hôn trầm ngủ gà ngủ gật thành ông Phật ngủ đó đa.

Cho nên nói đến Thiền đạo tôi khuyên chư vị phải đi ngã bọc hậu, lấy tâm làm gốc, lấy tánh làm đích nhắm. Tâm loạn động dùng pháp định mà trị, đó là một chi trong lục độ ba la mật, từ định sanh huệ. có huệ mới đến bát nhã, vào cửa bát nhã tức kiến tánh.

Nhưng chư vị thử nghĩ tâm loạn động là do đâu, do năm căn xúc với năm trần, ý căn thu thập đưa vào tàng thức ví như một hột giống gieo xuống đất, chờ dịp đủ phân đủ nước mà sinh sôi nảy nở, cho nên trong sáu căn, ý căn làm gốc nhiếp phục được ý căn rồi thì năm căn bên ngoài không còn tác dụng nữa.

Trong nhà thiền thường dùng 10 mục chấn trâu làm phương pháp điều phục ý, bởi lẽ trâu là loài vật nhưng rất gần gũi với người, nhất là thời đại ngày xưa, công việc nhà nông chưa được cơ giới hóa, hàng ngày người và trâu gần gũi với nhau trong công việc đồng áng, trâu tuy có thú tánh của nó nhưng nó cũng có bản chất tốt mà những con thú khác không có được; trâu cần cù siêng năng, có sức mạnh giúp người làm được việc nặng, trâu không hung hăng như loài chó gấu, không tham ăn như loài lợn. Con người chúng ta cũng có những bản chất rất tốt, đạo nho nói: Nhơn chi sơ tánh bổn thiện, nhưng vì tập nhiễm thế gian nên mất dần tánh thiện, chư Tổ ví tâm thức mình như con trâu đen, phải chấn dắt dạy dỗ nó để dần dần thành trâu trắng, đó là tượng trưng cho trí huệ khai mở dần dần.

Từ bức tranh đầu tiên Thiền Sư Quách Am dạy: “Tâm ngư”, phải chăng ý dạy chúng ta nhìn lại mình, dùng thức thứ sáu làm người chấn tức là dùng một phần trí huệ để soi lại mình, mà muốn tìm được trâu là phải dò lần theo dấu chân trâu, biết được sự hoạt động của tâm thức để điều phục, đến khi thấy trâu là bức tranh thứ ba, và bức thứ tư là được trâu, nhận ra ngoài cái tâm vọng, sanh sanh, diệt diệt, ngay nơi chính mình còn có bản thể bất sanh bất diệt. Nhận được như vậy rồi còn phải dùng giới luật để ngăn chặn điều ác khi tâm thức khởi nghĩ. cũng như người mục đồng dùng dây thừng ghì chặt khi trâu ương ngạnh.

Khi việc ác đã được giảm thiểu, tâm chuyên chú vào pháp tu mãi đến bức tranh thứ sáu mới được thông thả ngồi trên lưng trâu thổi sáo trên đường quay về nhà, nhưng cũng còn giữ pháp tu cho đến pháp tu cho đến bức tranh thứ tám là “Nhơn ngư câu vong”, người trâu đều quên tức là tâm và cảnh là một, không còn thức phân biệt nữa.

Chúng ta tu ví như leo núi, đường lên núi thì có nhiều lối, ai đi lối nào cũng được nhưng đều cùng chung một đích nhắm là đỉnh núi. Chư thiện tri thức đến chùa quý Thầy thường dạy: Các con nên phát tâm bồ đề đi. Vậy chúng ta thử đặt câu hỏi lấy cái tâm gì mà phát? -Nếu nói tâm vọng thì làm sao có bồ đề, mà nói tâm chơn thì đâu có chỗ để phát. Thật ra phát bồ đề tâm là chỉ một trạng thái chuyển tâm, buông bỏ pháp bất thiện hướng về chánh giác. Xưa có Ngài Bồ Đại Hòa Thượng đi du phương ngài thường mang một cái túi vải, trong đó đựng bánh kẹo, khi đến chỗ nào có trẻ con nô đùa ngài cũng ngồi lại nô đùa với chúng và đem bánh kẹo ra cho, nên đám trẻ rất thích vây quanh ngài. Một hôm có một vị khách hỏi ngài về phương pháp tu hành, ngài không đáp mà bỏ túi vải xuống đất, vị khách dường như hiểu hỏi tiếp đó phải làm sao, thì ngài liền mang cái túi lên vai, khách hỏi rồi làm sao nữa ngài xoay lưng đi tuốt.

Thứ nhất ngài dạy “Buông”, đừng chạy theo ngũ dục lạc cho tâm bồ đề tăng trưởng, thứ hai quảy túi lên vai là hướng thượng, giữ pháp tu mà tiến, nhưng nếu kèm giữ tâm hoài thì bị kẹt nên xoay lưng đi, hướng thượng đến

chỗ cứu cánh không còn dính kết vào đâu nữa, trước mắt đường rộng thênh thang tùy duyên nhậm vận.

Trong kinh Pháp Bảo Đàn, đức Lục Tổ dạy lấy vô trụ làm bốn, hay nói cách khác là “thiền tánh vô trụ”. Tâm mình không trụ chỗ nào hết đó là thiền, là bát nhã, vô trụ là ly trụ, ly trụ là thiền tịch, tịch mà tỉnh, tỉnh mà không có tướng khởi tỉnh trừ mê. Nếu còn khởi tỉnh thì còn pháp tịnh đó là sai với chỗ thiền tánh vô trụ, vô trụ là chỉ trạng thái của tâm bất cứ nơi nào cũng có bát nhã, ví như mình ngồi đây mà nghe đằng kia có ai nói xấu mình một câu gì, nếu tâm mình sanh giận thì đã trụ chấp vào bảy tình hỷ nộ, ái, ố v.v... Trong bát nhã không có bảy thứ tình đó, mà khi nghe một câu nói xấu liền thấy được sắc không không sắc, đó là không dính kết tức là vô trụ, nên nói bát nhã là chơn không, chơn không cũng không dính với cái không. Nếu tôi nói tôi không giận thì cái “không” đó là do mình làm “hạnh không” chớ chưa phải “chơn không”. Ngài A Nan khi ngộ được chỗ này nói kệ tán thán:

Diệu trạm tổng trì bất động tôn.

Còn chư Tổ thì nói:

Đoạn đoạn bất kiến văn

Đản đản vô tâm trú.

Cái thiền nó lỏng lẻo không dính mắc vào đâu hết, còn trụ tức còn cái tâm trong đó nó khiến xử, nó có Pháp nên chưa phải là thiền tánh vô trụ, ví như cái ve chai, rót nước vô được thì đổ ra được không có gì cản trở, nhưng nếu mình nhét nút bần, bịt nylon thì trút xuống nó không chảy ra được.

Còn nói thiền tánh vô sanh, tôi xin gạn lại một lần nữa, thiền là ly sanh tức là lìa cái vọng sanh, trong đó không khởi sanh một pháp nào, giả dụ như nói bây giờ tôi ngồi thiền để được bát nhã, dạ không có cái đó, nó lìa tất cả Pháp mà. Tôi xin có bài kệ trình bày chỗ này:

*Lân lân lẻo lẻo bắt duyên ngàn,
Rần rộ hoa lòng phát trở quang,
Sanh tử đâu còn lo sợ nữa,
Niết Bàn tự huyễn hết cực mang.*

Chỗ ấy nó lặng trong, tròn đủ mà dứt bắt tất cả các duyên, tuy dứt các duyên nhưng nó không chìm lặng trong chỗ minh minh mịch mịch mà nó rỗng rang sáng suốt như buổi sáng mùa xuân trăm hoa nở rộ, hoa lòng là chỉ cho trạng thái nội tâm tịch tĩnh trong sáng. Chỗ này là chỗ sanh tử tự tại vì đã dứt sạch nghiệp thức, không còn lăn lộn trong ba cõi sáu đường nữa nên không còn lo sợ chuyện sanh tử nữa, cũng không mong cầu Niết Bàn, thường bậc nhị thừa biết cái khổ của sanh tử, chán sợ sanh tử hướng về Niết Bàn cầu quả vị an vui, nhưng sanh tử và Niết Bàn là hai tướng đối đãi nhau còn kẹt nhị biên, tâm lo sợ sanh tử, tâm mong cầu Niết Bàn đều là tâm vọng động. Đại thừa chủ trương lấy tâm làm chủ yếu, khi làm chủ được tâm hoàn toàn rồi thì không còn sợ cảnh nghịch, mong cảnh thuận cho nên nguyện vào sanh tử để độ chúng sanh. cái nhân của sanh tử là do nghiệp thức, còn nghiệp là còn tái sanh mà tâm các Ngài đã thông dong tự tại rồi, không vướng vấp vào nghiệp nữa thì làm

gì có sanh tử, có chăng là do các Ngài phát nguyện làm Bồ Tát hạnh nên nói Bồ Tát tiêu dao tự tại trong sanh tử.

Dưới cặp mắt của các ngài, Niết Bàn cũng chỉ là hoa đóm hư không, vì tâm các ngài đã tự tại thì đó là Niết Bàn hiện tiền đâu còn tìm cầu chi nữa.

Tóm lại điều kiện muốn lên đến đỉnh núi trước hết là phải làm chủ được tâm mình trong tất cả những cảnh thuận nghịch. Đức Lục Tổ dạy:

An tâm tại vọng tình

Ngay đó tiêu ba chương.

Tức là ngay nơi chỗ vọng mà tâm mình vẫn an nhiên tự tại được thì dứt sạch ba chương, chỗ này Tổ chỉ thẳng gọi là trực chỉ hay trực tâm. Kinh Duy Ma cũng có nói: “Trực tâm tức thị đạo tràng” ngay nơi tâm mà an, ngay nơi vọng mà dừng thì nơi đó là đạo tràng thanh tịnh, không cần phải đi tìm kiếm đâu xa, hoặc nói tôi muốn trốn lánh cái vọng để có cái chơn đó là sai. Tôi xin kể một câu chuyện nho nhỏ cho dễ hiểu:

Có con chim cú nó biết tiếng kêu của nó làm cho loài người sợ hãi và các loài chim bạn cũng không ưa gì, mỗi lần mở miệng ra liền nhận lại phản ứng ghét bỏ, xua đuổi của mọi người, nó buồn quá nó nghĩ thôi thì mình đi chỗ khác mà ở cho yên thân, ở đây không ai ưa mình, nó liền chuẩn bị hành trang, trước khi đi nó đến từ giả chim trao trao, trao trao hỏi:

- Sao bạn lại đi?

Nó kể lại nỗi niềm, trao trao nói:

Bạn đừng đi đâu hết, vì bốn phương trời này ai cũng ghét tiếng kêu của bạn cho nên bạn dù có đi đến đâu cũng bị người ta ghét tốt hơn hết là bạn cứ ở lại đây mà đừng bao giờ cất tiếng kêu nữa có hay hơn không.

Chim cú nghe, phải ở lại và từ đó “Thủ khẩu như bình” nên không còn bị ai ghét nữa.

Cái chúng sanh trong tâm mình cũng vậy, sáu căn luôn chạy theo sáu trần dính nhiễm không dứt, làm những chuyện mịch lòng người phiền nhiễu chính mình gọi là lục tác, bây giờ dừng ngay chỗ phát tác của căn gọi là “chỉ”, dù nói bao nhiêu tam muội nó cũng nằm trong sáu căn này, khi sáu căn tam muội rồi thì gọi là lục như Kinh Lăng Nghiêm nói cái khăn có sáu gút, mở được một gút thì năm gút kia bung ra hết, như cái nhà có sáu cửa, trộm chỉ cần cạy một cửa thôi thì năm cửa kia dù còn đóng bít vẫn mất sạch của, đó là chỗ viên thông của các căn, dừng được một căn thì năm căn kia không còn sức mạnh nữa, như có những người điếc thì mắt họ rất tinh, ngược lại người mù thì tai họ rất thính, cho nên nói trực chỉ hay trực tâm là dừng ngay, mà chủ yếu là căn ý, dừng tại căn ý gọi là “ý chỉ”, ý mà dừng rồi thì các căn kia không còn tác dụng nữa, ví như đi ra phố mình thấy một món đồ đẹp muốn mua thì miệng mình hỏi giá tay mình móc túi lấy tiền, còn khi muốn mua mà kịp nghĩ đây là món đồ xa xỉ không cần thiết liền dừng ngay đó thì thân khẩu ý liền được an ổn, khỏi mất tiền. Chư Tổ nói:

Ý tình tận diệt huệ tâm khai

Tức là khi ý không khởi thì trí huệ được khai mở. Vì sao vậy? Vì ý không khởi thì được định, định sanh huệ, định huệ hỗ tương cho nhau, tâm thể trong lặng sáng suốt đó là cánh cửa bát nhã khai mở.

Thời pháp hôm nay tôi phân tách khá đầy đủ về Thiền Đạo, mong sao chư thiện tri thức nghe nhận và thực hành để được nhiều lợi ích. Tôi cũng xin có lời khuyên chư vị chuyện tu tập chớ nên nóng nảy gấp gáp mà ví như trồng một cái cây, nếu mình chịu khó, siêng năng cần mẫn ngày ngày chăm phân bón nước thì cây sẽ tăng trưởng dần dần, nên nhớ là đừng quá gấp gáp cũng đừng rơi vào chênh mảng. Cổ đức dạy:

Nắm chặt thì mây che cửa động

Giải đãi thì trắng lặn vực sâu.

Tôi nói thí dụ được chút định nào liền nắm chặt ngay đó thì không làm sao mà phát huệ được, vì tâm đã bị dính kẹt, còn nói Phật dạy tu tâm rồi buông thả không cần giới luật gì hết, cứ làm càng làm bướng thì đó là trắng lặn vực sâu, trôi vào tam đồ trong phút chốc.

Trên đường tu gặp nghịch cảnh khó khăn gì tự nơi tâm mình phải có một sức mạnh vượt qua, vì:

Có gió dủ mới hay cây cội cứng

Không đường dài đâu biết sức ngựa hay.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT.

BÀI 14

BỐN PHÁP THIỀN

Trong chúng ta ai cũng công nhận rằng bản chất ban đầu của con người rất hiền lành. Đạo nho có câu: Nhơn chi sơ tánh bổn thiện, trong kinh Niết Bàn đức Phật cũng có dạy chúng ta tập hạnh anh nhi, Vì căn bản của chúng ta rất là thiện, lần lần lớn lên tập nhiễm thế gian tăng trưởng bản ngã gây tạo nhiều việc chẳng lành. Thử nghĩ xem chúng ta mang thân này là thân nghiệp báo, rồi trong cuộc sống tạo nghiệp chất chồng thì khi thân hoại mạng chung liệu sẽ ra sao?

Đức Phật vì lòng từ bi thương chúng sanh như con đỏ, phương tiện dẫn dắt suốt bốn mươi chín năm giảng nói, chỉ dạy cho chúng sanh con đường thoát khổ. Nay tôi xin nói qua về bốn pháp thiền để chư thiện tri thức nắm vững từng bước trên con đường chuyển hóa tự tâm.

Thứ nhất là tiểu thừa thiền, người sơ cơ theo đây làm thêm thang mà tu tập, ví như muốn lên chót núi phải từ dưới chơn núi mà leo dần lên, đến giữa núi là trung thừa, lên chót núi là đại thừa, đến chỗ không còn leo trèo nữa là vô thừa, hôm nay tôi xin nói tuần tự.

Người học đạo đầu tiên phải lấy giới luật làm căn bản, phải ăn chay để tránh nghiệp sát. Kinh nói:

Muốn xem binh lửa thế nào

Lắng nghe quán thệ tiếng gào đêm thanh.

(Dục tri thế thượng đao binh kiếp

Đản thính đồ môn bán dạ thanh)

Quý vị thử nghĩ, chỉ vì đáp ứng cho khẩu vị mà tạo biết bao nhiêu tội nghiệp, người giết thú thú giết người, oan nghiệp chập chồng không bao giờ dứt, đao binh khói lửa tàn sát lẫn nhau bởi do đâu? Chỉ vì lòng tham, lòng vị kỷ, lợi cho bản thân mình cho gia đình mình rồi rộng hơn nữa là cho dân tộc mình. Người giết thú là vì lợi dưỡng, người giết người là vì lòng tham muốn chiếm đoạt của cải, nước lớn đánh nước yếu là vì lòng tham muốn thống trị, cho nên bước đầu vào đạo người Phật tử lấy tam quy ngũ giới làm căn bản để trau sửa tâm mình, cải ác tùng thiện trưởng dưỡng đạo tâm.

Giáo pháp của đức Phật sơ dĩ có tiểu thừa là vì căn cơ của chúng sanh không đồng nhau. Có người thức tỉnh nhận thấy đời là bể khổ, chúng sanh khổ bởi do tập nhân gây ra nên muốn tu thoát khổ cho bản thân mình đó là bậc tiểu thừa, ví như cỗ xe nhỏ không chở được nhiều người, tu để thoát khổ cho mình là phần tự lợi chưa nghĩ đến việc lợi tha.

Chư thiện tri thức nên nhớ việc trì trai giữ giới là căn bản nhưng chưa phải là đủ mà phải lập công khóa tu tập, ngày ngày thức liễm thân tâm, lạy Phật niệm Phật, quán tưởng Phật cũng là phương pháp để dứt trừ tham sân. Trong kinh Niết Bàn nói: cái chum tuy lớn nhưng nước nhỏ nhiều ngày cũng phải đầy, nhờ Phật nhờ pháp tu nó kèm giữ được tâm viên ý mã đó là lớp sơ thừa cần phải có, đừng thấy chuyện dễ mà bỏ qua đi tìm pháp cho thật cao thì ví như đứng dưới chân núi mà phóng lên chót núi vậy, người tu pháp đại thừa thì trước cũng phải qua lớp sơ cơ này, ví như ráp một chiếc xe chở nên coi thường những con ốc nhỏ, cho

rằng không quan trọng, bỏ nó đi thì khi chạy xe sẽ bị lỏng gong sút bánh, xảy ra nguy hiểm vô chừng, cho nên phải nương nơi tướng mà tu lần lần mới đến tánh.

Bước qua trung thừa là phần giáo, qua cái tướng mà không bỏ tướng, như người học trò đã học lớp một rồi lên lớp hai, không còn ngồi lớp một nữa, nhưng bài vở lớp một đã thông hết rồi, có thể hỏi đâu đáp đó hoặc có thể chỉ dạy lại cho người lớp một tức là trong lớp hai đã có lớp một rồi, hay nói cách khác là trong trung thừa đã có tiểu thừa rồi tức là trung thừa đã nhiếp tiểu thừa.

Giáo là kinh mà trong bộ kinh nào cũng có pháp cũng như người ta nói giàu sang, giàu rồi mới dám ăn mặc sang trọng. Nhờ học hiểu giáo pháp từ trong kinh điển mà tự mình ngăn chặn được mầm móng gây ra khổ đau phiền não. Kinh Viên Giác dạy tâm luyến ái là nguồn gốc của luân hồi sanh tử vì luyến ái là nhân để có quả là thọ thân sau, khi có thân rồi lại luyến ái thân, lấy quả làm nhân cứ như thế mà xoay vần mãi mãi không khi nào ra khỏi. Bây giờ nương pháp Phật mà tu cắt bớt sợi dây luyến ái là từ tướng vào tâm rồi đó; Tụng kinh niệm Phật là nương nơi tướng, nương pháp Phật tu để dứt nghiệp thức là tâm.

Nhưng chư vị phải để ý vì cái tâm nó không có hình tướng, không cố định nên rất dễ bị tập nhiễm. Đức Phật nói: “Vạn pháp tùng tâm sanh, tất cả các pháp thiện ác gì cũng từ nơi tâm mà khởi nên phải canh chừng mà ngăn chặn, ví dụ như nó khởi bây giờ mình phải cắt cái nhà cho thiệt lớn, lên lầu ba tầng cho mát, thì liền đó phải ngăn chặn: Thôi, thì ở như vậy được rồi, cắt chi nhà lớn rồi phải tiền vay bạc hỏi

nợ nần khó lắm, hoặc nghĩ xa hơn chút nữa, vạn vật vô thường không có gì bền chắc, nên sống thiếu dục để giảm lòng ham muốn. Đó là pháp đối trị tùy bệnh mà cho thuốc. Phật thường dùng pháp này để độ chúng sanh căn cơ thấp kém gọi là quyền, tức là tạm mượn hình ảnh này mà dạy người kia, tạm nói chuyện bên đông mà chỉ việc bên tây. Có một câu chuyện lúc Phật còn tại thế nói về nàng Liên Hoa Sắc, là một thiếu phụ có sắc đẹp khuynh thành nhưng lại bị cảnh ngang trái bẽ bàng, cô chán chường cuộc thế muốn đến đức Phật tìm đường giải thoát. Trên đường đi cô mệt mỏi, thấy có dòng suối trong cô xuống mức nước rửa mặt, nhìn khuôn mặt mình soi dưới bóng nước, tâm cô bị niệm ái ngã che mờ, cô nghĩ: mình còn đẹp như vậy giam thân vào cửa Phật chỉ cho uống, gò bó trong giới luật, sống trong kham khổ, không được tự do phóng túng, chi bằng ta cứ trở về dùng nhan sắc này làm lại cuộc đời hưởng vinh hoa phú quý. Đức Phật dùng thần thông biết được tâm niệm cô liền hóa ra một người con gái có nhan sắc tuyệt vời, ngồi dưới bóng cây bên bờ suối, khi nàng Liên Hoa Sắc từ suối đi lên thấy một người thiếu nữ đẹp ngồi đơn độc một mình liền đến han hỏi làm quen, hai người chuyện trò ý hợp tâm đầu, một chập nàng thiếu nữ buồn ngủ gối đầu lên gốc cây ngủ thiếp, phút chốc nàng Liên Hoa Sắc chợt phát hiện cô gái kia đã chết, thân thể phình chướng lên, mặt hoa da phấn bây giờ chỉ còn là một khối thịt nứt nẻ, nước vàng rỉ chảy, mùi hôi thúi xông lên không chịu nổi; cô giật mình nghĩ rằng: cô gái này xinh đẹp hơn mình bội phần mà trong phút chốc đã ra nông nỗi này thì mình sẽ ra sao? thôi thì mau kíp lên

đường tâm thấy học đạo giải thoát chốn khổ não, từ đó nàng không còn niệm thối thất nữa và được Phật thọ nhận làm đệ tử, tu ít lâu chứng A La Hán và đắc thần thông bậc nhất bên ni bộ.

Cho nên Phật nói pháp từ quyền đến thiệt tùy bệnh mà đối trị cho thuốc; chúng ta chỉ vì si mê lầm lạc không nhận chân được sự thật nên mới kết dệt vào sanh tử, như nàng Ma Đăng Già đức Phật phải khai cho từng chặng, hỏi do đâu mà nàng thương A Nan, nàng nói:

- Con thương đôi mắt Ngài A Nan đẹp, cái mũi A Nan thẳng, cái miệng A Nan tươi xinh. Phật giải thích:

-Con hãy nhìn sâu vào phần bên trong, đôi mắt kia là hai cái lỗ trũng sâu, chiếc mũi kia chứa đựng đầy dẫy cứt mũi khô, mũi nước dơ bẩn, cái miệng giá như buổi sáng ngủ dậy không súc thì đứng gần ai hay phát ra lời nói sẽ xông lên một thứ mùi khó chịu. Nàng Ma Đăng Già nói:

-Bạch Thế Tôn, con thương A Nan có thân mình tròn trịa đầy đặn. Phật bảo: con lầm rồi, thân mình A Nan tròn là ở ngoài chớ bên trong nào là máu, thịt, gân xương, nước tiểu, phần ô uế vô cùng. Ngay đó Ma Đăng Già giác ngộ nhận ra sự thật nơi thân này nên không còn niệm luyến ái nữa.

Cho nên chư vị thấy rõ giác ngộ là trí tuệ, trí tuệ thấp sáng thì không còn vô minh nữa, như ngọn đèn bật lên thì không còn bóng tối nữa. Giáo pháp của Phật gọi bộ kinh nào cũng là giáo, người tu Phật phải biết nương giáo như nương ngón tay để thấy mặt trăng; nương giáo là chỗ vay mượn không phải thật của mình, cũng như người nghèo đi vay mượn mà tiêu dùng, không phải tiền của mình, nhưng

cũng có để xoay trở làm ăn. Nhờ giáo pháp của Phật mà mình biết điều ác để tránh điều thiện để làm, đó là người nghèo khó biết cách làm ăn trở nên khá giả.

Bước qua hai bậc tiểu thừa và trung thừa đến hai bậc sau là đại thừa và vô thừa thì trước phải vào định. Nói đến Thiền hay Định là không còn dùng văn tự nữa, không còn tiền vay bạc hỏi nữa mà xài tiền từ trong túi của mình, tiền của mình làm ra, xoay lại nhìn vào tâm mình, vọng thức khởi biết là huyền giả không theo nó để dứt dần nghiệp sanh diệt, khi nghiệp thức mòn dần thì bản tánh thể hiện, đó là bản thể của tâm hay gọi là chơn tâm. Nhận ra chỗ này thời gian lâu hay mau còn tùy theo căn cơ theo túc nghiệp của mỗi người.

Bây giờ tôi xin nói trở lại chơn tu Định, nói tôi ngồi thiền để định, hay nói tôi phân ra trú dạ lục thời để tu cho được Định. Thừa chư vị vậy thì khi xả thiền rồi tâm mình nó động chư vị phải làm sao?

Theo tôi thiền định là chúng ta phải tập định trong tứ oai nghi đi đứng nằm ngồi, làm sao cho tám giác tục đưa vào chúng ta dừng cho kịp lúc đó là định. Ông Xoài ông Mít gì đó rủ đi bán hàng lậu có lời cho nhiều, biết tâm mình đang bị gió lợi thổi vào, dừng ngay đó là “định”, định liền ngay đó chớ không đợi ngồi thiền mới định, hể khi ăn liền biết no ngay lúc đó chớ không đợi mai một gì mới no.

Tu như vậy dần dần nó thâm nhập đến chỗ không còn khởi tướng tu định tu thiền gì nữa, ví như người ở quê lên Sài Gòn ban đầu đi phải để ý từ cái nhà từ cái quán để nhớ đường mà về chỗ trọ, còn người đã sống ở Sài Gòn lâu năm

thì cứ đi không để ý gì hết mà vẫn không bị lạc; cũng như một đứa trẻ sanh ra tại Việt Nam chừng ba bốn tháng gởi nó qua Út sống thì lớn lên nó sẽ không biết nói tiếng Việt Nam vì tánh tương cận tập thì tương nhiễm, sống gần đâu thì nhiễm theo đó. Cho nên mình tu cũng phải huân tập cái tâm tu để tránh cái tập nhiễm của thế gian, giả dụ mình lỡ sống gần người hay giận thì thôi người ta giận người ta nói gì thì nói mình cứ làm thinh cho qua chuyện đừng đối đáp qua lại cho thêm chuyện, đó là giác, cái giác đó từ trong cái mê, tuy nói từ trong mê nhưng không bị cái mê làm nhiễm như, ví như đoá hoa sen mọc lên từ chốn bùn như vậy. Đạo vô thượng bồ đề nó ở ngay nơi chỗ phiền não, người ta nói câu gì không phải thì cái không phải đó là của người ta, mình không can vô cái phiền não của người ta, như vậy chỗ phiền não mà mình không dính với phiền não, nên nói phiền tức bồ đề vì phiền não cũng đó mà bồ đề cũng đó đâu có khác lạ. Nhưng muốn được chỗ này trước phải có định, mà nếu định được rồi thì không còn khởi tu định nữa vì khởi nó sẽ thành vọng; Ông tú tài Trương Chuyết nói:

Dục trừ phiền não trùng tăng bệnh

Thú hướng chơn như tổng thị tà.

Qua phần định tôi xin nói đến thiền, có hai bậc thiền: Một là Như Lai thiền hai là bát nhã thiền.

Như Lai thiền nó có từng bậc gọi là tứ thiền bát định, còn bát nhã thiền thì không có chia thứ bậc nhắm thẳng vào tánh mà tu, nó bao trùm cả các thứ bậc bên Như Lai thiền, không phân chia thời khoá, không chia giờ giấc, trong từng sát na nào cũng thiền, nghĩa là trong sát na nào cũng có tánh

giác, cho nên nó hết sức dễ mà cũng hết sức khó. Nhưng trong cái khó dễ này chúng ta cũng có cách tức là lần lần từ tiệm lên đốn. Ban đầu thấy khó vì mình còn tập nhiễm thế gian nhiều, cho nên Phật nói: các người khởi chúng sanh hoài rồi ôm giữ cái chúng sanh mà đi tìm Phật thì làm sao gặp Phật, các vị thiền sư thường nói: ôm cái chạy mà tìm cái đứng thì đến bao giờ mới có cái đứng, tôi xin chư vị tu đừng có trừ có đoạn gì hết, chỉ cần biết cái gì không thiết thì bỏ không xài nó nữa, ví dụ tâm mình khởi tham dục biết thể tánh của mình không có thứ đó liền bỏ, từ từ nó sẽ không khởi nữa. Công việc của mình làm ví như đánh bóng một khúc gỗ, ban đầu khúc gỗ nhám nhúa mình kiên nhẫn lấy giấy nhám chà lần lần nó cũng phải trơn lán, chỉ cần mình bền tâm vững chí, vọng khởi không đón nhận, không chạy theo thì nó tự lui.

Có một vị thiền sư ngồi thiền đang vào tam muội, tâm tư thanh thản như bầu trời trong mây tịnh bỗng nhiên vọng tưởng khởi lên, Ngài chợt nhớ rành mạch đức Phật đi đến đâu nói bài kinh gì, rồi đến xứ kế tiếp nói kinh gì, dạy về sự việc gì, nhớ thật rõ ràng, Ngài liền nhiếp tâm gom thần trả về chánh định và sau thời thiền đó Ngài thượng đường dạy chúng: “gặp ma giết ma gặp Phật giết Phật”. Nhưng bây giờ tôi nói thêm là gặp cha mẹ cũng giết luôn cha mẹ.

Thưa chư vị, đó là lời dạy mình dừng lại đừng chạy theo cái tâm khởi nghĩ đó nữa. Cho nên trong kinh Kim Cang Phật nói Phật và chúng sanh đồng đẳng, chỉ khác chỗ là Phật thì luôn luôn giác còn chúng sanh thì luôn mê, mê từ ban ngày tới ban đêm cũng mê muội mộng mị, mê từ tháng

này qua năm nọ; vì vậy mà mắc cái nghiệp sanh tử luân hồi nhiễm vào ác đạo. Nếu ngay trong cái chúng sanh đó mà khởi Phật tri kiến, khởi như vậy liên tục nó không còn chỗ để khởi chúng sanh tri kiến nữa thì gọi là gì? Cho nên đức Phật dạy mình phải nương nơi chính mình, nơi hải đảo tự thân của mình, chớ không cầu xin hay ỷ lại vào bên ngoài được.

Ngài A Nan xưa cũng có chút ỷ lại nơi Phật, nghĩ mình là em yêu của Phật không bao giờ Phật bỏ mình, vì tư tưởng này làm cho đường tu của Ngài bị vướng mắc, đến lúc gặp nạn Ma Đăng Già, ngài mới thấy rằng không thể đem cái quảng học đa văn ra mà giải được, nên khi về đến Tịnh Xá ngài đập đầu lễ lạy cầu Phật dạy cho phương pháp giải thoát. Thế nên ngày nay chúng ta tu đừng nên để nước đến bờ như Ngài A Nan vì Phật đâu còn tại thế cho mình cầu cứu, bây giờ mình phải lo phòng bệnh hơn là trị bệnh, giờ phút phút giữ ý như giữ thành. Người giữ thành chăm chăm ngăn giấc không dám lơ đãng, mình giữ ý cũng vậy, sơ hở một tí là nó phóng đi tuốt như con trâu hoang vậy.

Vào thiền cần phải nói đến định và huệ, hai về này phải phối hợp cân bằng gọi là đẳng trì thì mới đến cứu cánh được chỗ này cũng rất khó, như muốn có cái áo màu nu thì phải pha hai màu đỏ và đen lại, mà nếu muốn pha đỏ nhiều nó cũng không ra nu, mà đen nhiều nó cũng không ra nu, hai cái phải cân bằng nó mới thành màu nu. Cho nên tôi khuyên những người tu thiền khi mà được định rồi lúc đó trạng thái của tâm lặng lẽ thì đừng khởi thêm một ý gì, cứ để yên giây lát, chẳng hạn như mình kêu xe hẹn giờ đi đâu

mà trễ năm phút xe chưa tới, rồi phát câu lên nói vậy nói kia chứ thật ra xe đang trên đường đi tới. Cái định cái huệ cũng vậy, đừng nói tôi tu có định rồi sao không có huệ, hay nói để tôi tu huệ rồi mới tu định cũng không phải, định và huệ tự nó nhiếp với nhau, có liền ngay đó, cũng như cái giàu và cái sang vậy, nó có ngay trong đó thôi.

Chư thiện tri thức thử nghĩ xem, con người sinh ra trọng cuộc sống nó nhọc nhằn lắm, đói thì chịu không nổi mà ăn no quá cũng chịu không nổi, bao nhiêu đó đã thấy khổ rồi đừng nói đến biết bao việc khác, nào là trời bão trời giông, già cả bệnh hoạn, gạo tiền cạn kiệt v.v... Những cái khổ vây quanh cuộc sống kẻ nghèo người giàu gì cũng khổ, nói hạnh phúc chỉ là tạm bợ đó thôi chớ trên cõi đời này không có cái hạnh phúc chân thật. Phật dạy mình tu là giác ngộ giải thoát, có nhiều người thắc mắc không biết tu Phật sẽ đi về đâu. Tôi xin đáp: Tu Phật mà muốn đi về đâu là còn tham cầu, bây giờ cứ tu đi, đến giải thoát cứu cánh sẽ biết chỗ đó chớ đừng khởi tâm tham cầu. Cho nên trong ba tạng kinh điển Phật cứ mượn ông này để nói, chỉ ông kia để nói, nào là Ngài Quan Thế Âm tu pháp gì, Ngài Phổ Hiền hạnh nguyện gì chớ thật ra là chỉ cốt dạy mình tu đó thôi. Đến khi truyền đạo thiền Phật lại nói: “Pháp bổn pháp vô pháp”.

Gốc của pháp vốn là không pháp. Thật vậy, pháp chỉ là thuốc để trị bệnh thôi, khi hết bệnh rồi thì thuốc không còn nữa, nhưng mà nói như vậy chúng sanh không có nghe. Tên thợ săn Thạch Cung có tài bắn giỏi tự hào về tay thiện xạ của mình, gặp Mã Tổ ngài hỏi:

- Ông bắn một mũi được bao nhiêu con?

Thạch Cung đáp:

- Con bắn ra một mũi thì chết liền một con, rồi hỏi vặn lại:

- Hòa Thượng có biết bắn không?

Mã Tổ đáp:

- Biết.

- Hoà Thượng bắn một mũi tên chết bao nhiêu con?

Mã Tổ đáp:

- Ta bắn một mũi chết cả bầy.

Đó là lời nói chính xác của một thiền sư, không hý luận, không khoác lác làm cho Thạch Cung giác ngộ buông bỏ cung tên xuất gia đầu Phật. Vì sao vậy?

Vì đó là thiền trực chỉ, vọng thức tuông tràn, chỉ cần một mũi tên giác ngộ cho thật mạnh vọng liền dứt bật, không phải một bầy là gì? cho nên tôi nói:

Trực chỉ dùng ngay vọng sanh

Tức thì hải dục hóa thành chơn như.

Đến khi Thạch Cung trở thành thiền sư, khách đến hỏi đạo ông cứ cầm cây cung mà vươn lên, kéo nghe “phăng phăng” mà không có mũi tên, đó là một công án hay lắm chứ vị có thấy không? cho nên trong nhà thiền có khi nói như vậy mà không phải như vậy, nói bên này mà chỉ bên kia!

Giáo là việc làm có tướng dạy dỗ thì cứ dạy dỗ, dạy làm lành thì cứ làm lành, giúp đỡ người đau yếu, sống đời nhưn nghĩa cho trọn đạo làm người. Còn thiền là vô tướng khó chỉ, khó dạy nên chư Tổ thường dùng những lối kỳ đặc như đánh, hét để khơi lên cái sẵn có nơi thiền khách và thiền khách tự nhận ra gọi là ngộ, có khi qua những hình

ảnh vô thường vô phạt xem như không dính dáng gì đến thiên cũng ngộ như rót nước cũng ngộ, lá rơi cũng ngộ. Vậy đạo ở đâu mà ngộ nhiều quá vậy ?

Xin thưa, ngay nơi tướng sinh diệt, ngay nơi căn xúc trần mà ngộ chỗ vô sanh, ngộ cái bản thể chơn thật của các pháp, chỗ này là tự mình biết mình chứ không ai biết được, nên chư Tổ nói người ngộ rồi đồng với chưa ngộ, tự mình uống nước nóng lạnh tự biết thôi, mình cứu mình, mình độ mình chứ không ai độ mình được. Như hiện tại tôi đang bệnh đây, tôi ăn không ngon nhưng phải ráng mà ăn chứ ai ăn dùm tôi được, tôi uống thuốc chứ ai uống dùm tôi được.

Đức Phật vì lòng từ bi thương xót chúng sanh khi sắp nhập diệt ngài để lại kinh Di Giáo dặn dò chư Tỷ Kheo lấy tâm làm gốc, Phật không nói tu nhiều tu ít mà chỉ dụng cái tâm, nên Phật kể một câu chuyện dùng pháp quyền thừa mà chỉ dạy chỗ này.

Chuyện kể rằng có một bà già ăn xin được hai đồng xu, bà nhin ăn mua dầu đem cúng Phật, Phật tán thán công đức bà trước đại chúng; các đại thí chủ thời đó đa phần là bậc vua chúa rất ngạc nhiên không hiểu sao cúng có hai đồng xu dầu mà được Phật ngợi khen, Phật hiểu tâm niệm này nên bảo thầy hương đăng rót dầu của bà vào chong thấp sáng, thường thì hai xu dầu chỉ thấp đến nửa đêm đèn tắt, nhưng chong đèn của bà thấp đến sáng vẫn còn cháy, quý thầy quạt không tắt, đến Ngài Tôn Giả Mục Kiền Liên dùng thần thông thổi cũng không tắt. Nhân đây Phật thuyết giảng về chỗ cúng dường không do số lượng nhiều ít mà do ở tấm

lòng chí thành, đó là Phật dùng pháp khai quyền mà hiển thiết cho chúng ta thấy chỗ quan trọng tự nơi tâm.

Cho nên khi tu nên rà lại tự tâm mình, tự biết sức mình, nếu tu trực chỉ thiền không nổi thì phải từ phương tiện mà tiệm tu dần dần, ví như cái cây cong mình bẻ, mình đeo cho ngay rồi mình đánh bóng cho nó trơn nó láng cũng do nơi mình thôi. Tu tiệm đi từng bậc, quả vị thấp nhất là tu đà hoàn gọi là nhập lưu tức là sáu căn không còn hiệp trần bội giác, tuy sáu căn không nhiễm nhưng tham sân si từ vô lượng kiếp vẫn còn nằm yên trong tàng thức, nên phải tu chuyển lên bậc thính văn thừa, cũng còn kẹt vào chấp có bỏ không, đến duyên giác thừa chấp không bỏ có, rồi qua bồ tát quyền thừa, phát tứ vô lượng tâm, lục độ ba la mật.

Có người hỏi tôi: Nói tu hạnh bố thí vậy chớ bồ tát nghèo quá làm sao có tiền, mà bố thí thừa thầy?

Chỗ này chư vị cần hiểu rõ, mình chỉ đường cho người đi lạc cũng là bố thí, vì người tu đi lạc là người ta mệt, là người ta khổ, mình giúp cho người ta hết mệt hết khổ là bố thí rồi. Điều cốt yếu là đừng có bố thí hôm nay ngày mai kể ơn, nếu như vậy thì không phải hạnh bồ tát.

Kinh dạy: “Bố thí bất trụ ư tướng phước đức bất khả tư lượng”. (bố thí mà không kẹt vào tứ tướng: Ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả, thì vật thí tuy ít mà phước đức nhiều vô lượng)

Cho nên tóm lại trên đường tu cần nhất là giữ tâm, lập chí cho bền vững là tinh tấn thực hành, chịu khó mài dũa cho trơn láng.

Người xưa nói: Quan đâu mà đem đến đũa ngu, giàu đâu mà đem đến cho đũa ngủ lu bù ngày đêm.

Người dốt không học hành gì, một chữ ký tên không biết thì làm sao có chuyện ra làm quan? Người nghèo làm nhiều ăn ít, tiết kiệm dần dần thành giàu chứ không chịu làm cứ ngủ khi ra đó thì làm sao giàu được?

Và còn một điều kiện tối yếu cho việc tu hành là trí tuệ, vì có trí tuệ mới phá trừ vô minh được, ở trong mê mà mình không mê là giác. Đức Phật chủ trương giác ngộ chứ không chủ trương khổ hạnh, vì khổ hạnh không đi đến giác ngộ được, Phật dạy cứ sống với tâm bình thường đói thì ăn, khát thì uống, buồn ngủ thì đi ngủ, đi đứng nằm ngồi tâm không dính mắc tức là thiền.

Thưa chư thiện tri thức, đến đây tôi đã phân tích rõ từng bậc của thiền, mong chư vị nghe nhận và được nhiều lợi ích trên đường tu tập; Tôi xin hồi hướng công đức này cho tất cả chúng sanh trong pháp giới.

NAM MÔ BỐN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

BÀI 15

TAM MINH ĐỒNG THỂ NHẬP ĐẠO

Hôm nay ngày đầu năm, cũng là ngày kỷ niệm đức Bồ Sư xuất gia, tôi xin lấy đề tài Tam minh đồng thể nhập đạo để đưa vào chỗ huyết giáo huyết thiền, chư vị nào đã nghe rồi thì thôi, vị nào chưa nghe cần nên lắng lòng chú ý. Tam minh đây tôi muốn nói đến cái minh của mình chứ không phải tam minh của Phật chứng đạo dưới cội bồ đề. Vì sao tôi lại nói đến tam minh? Vì đó là điều kiện ắt có để vào đạo.

Một là tâm minh, hai là trí minh và ba là tánh minh.

Chư vị thấy không, cái thứ nhất là tâm minh, chính là điều kiện cần yếu, vì nếu tâm mình không minh là tâm ám, mà tâm ám rồi thì làm sao kiến tánh vào đạo được, cho nên trước hết tôi xin nói về tâm minh.

Sao là tâm minh? Trong tâm mình quý vị thử nhìn lại xem, nó thoát có thoát không, thoát minh thoát ám đó là do đâu?

Từ nơi khối thân tứ đại này có năm căn và bên trong có ý căn, chính khi tiếp xúc với trần nếu nó minh thì công đứng hàng đầu gọi là “Công vi thủ”, còn nếu nó không minh tức là ám, hay là vô minh thì nó cũng là nơi tạo tội trước nhất nên nói “tội vi khôi”. Cho nên chúng ta thấy rõ do từ căn, trần và thức, gọi chung là 18 giới, nếu 18 giới này bối giác hiệp trần thì tâm không minh, còn 18 giới bối trần hiệp giác thì đó là tâm minh.

Nhưng khi căn trần thức đều hợp giác mà còn kẹt trên pháp thì ví như con trâu qua cửa sổ lọt mà còn kẹt lại cái đuôi vậy, kẹt pháp tức là tâm ý còn giữ gìn chỗ được của mình.

Tâm minh là tâm thấy cảnh ngoại trần biết chơn biết vọng, khi vọng biết vọng liền dừng lại tức là chơn, đó cũng gọi là trực chỉ. Trong cái minh này thuộc về tâm, nếu được cái minh này thì thông được giáo pháp của Phật, thông mà không nắm giữ tức không chấp vào đó, cũng không mất, vì nó đã vào A lại Da rồi nên không mất.

Đến cái minh thứ hai là trí minh. Để hiểu chỗ này tôi xin lấy một ví dụ như một em học trò ở bậc tiểu học khác với em học trung học, em ở bậc trung học khác với em đại học, cái khác nhau đó là khác ở chỗ hiểu biết, ở cái trí của các em; ý tôi muốn nói phần trí này nó khai mở từ từ và nuôi lớn từ từ, không ai đem trồng một cái cây mà gọi là cây cổ thụ được, phải vun phân, tưới nước, chăm sóc từ lúc còn mầm non qua nhiều năm tháng cây cao lớn có lõi vững chắc không sợ mưa to gió lớn mới gọi là cổ thụ được.

Trong Duy thức học chia ra bốn bậc trí: Khi 5 căn xúc 5 trần không bị thức phân biệt, không làm đắm nhiễm thì được Thành sở tác trí; Ý căn đối với pháp trần không nhiễm trước, không buồn thương giận ghét thì được Diệu quang sát trí, thức mạt na không còn chấp ngã và ngã sở, không tham giữ những gì ưa thích, xua đuổi những gì ghét bỏ được Bình đẳng tánh trí, A Lại Da không còn chất chứa những hạt giống sanh tử, tâm thể lâu lâu trong sáng thì được Đại viên cảnh trí, đó là chỗ thành tựu viên mãn cũng gọi là Đại Bát nhã (tánh minh).

Khi chúng ta tu trí mình sáng từng phần, cái sáng của trí mình thấy được bờ kia nhưng chưa đến bờ kia nên chưa gọi là bát nhã. Nhưng thật ra bát nhã là tạm mượn danh từ để nói chỗ cũng không có gì là bát nhã, bởi vì khi còn phàm phu thì gọi là chúng sanh, khi tu sạch cái chúng sanh rồi thì gọi là chúng đắc chứ có gì là chúng đắc đâu, đó là tạm mượn danh từ chứ theo đúng tinh thần bát nhã thì “vô trí diệt vô đắc”. Người tu Phật nên hiểu thật rõ để đừng bị dính kẹt vào văn tự, như trong kinh nói: “Phật thuyết thế giới tức phi thế giới”, nghe rất khó hiểu, nên chư vị phải giảng trạch chỗ này, nếu còn tu nhơn thì còn có cái quả, nhơn tu chỗ nào thì quả đến chỗ đó, tu thập thiện thì quả về cõi trời, tu nhân thừa thì quả trở lại làm người, còn không gieo cái nhân chỗ đó thì chắc chắn sẽ không có cái quả chỗ đó, cho nên cái thế giới đó không phải là thế giới của mình chứ không phải là thế giới không có, cũng như có người khi còn sống tạo nhiều tội lỗi, đến lúc gần chết sợ đọa địa ngục, địa ngục ấy có thật với người tạo tội còn đối với người tu hành nghiêm minh thì cái thế giới lao ngục đó không có, nó không có là không có với người không tạo tội chứ không phải là không có địa ngục.

Trí mình đây là chỉ trạng thái tâm mình được thắp sáng, nhưng còn phải biết trưởng dưỡng nó gọi là nuôi huệ mạng, ví như mình trồng một cái cây, mình vun phân tưới nước một thời gian nó trở bông đó là sanh trí, nhưng phải trưởng dưỡng từ cái nụ nhỏ nhất mới có được trái to tức là đến bát nhã. Nhưng quý vị muốn đến đó thì phải hành theo từng chặng đường, được một chặng rồi tiến lên chặn kế tiếp, chứ đừng nghĩ mình tu như vậy là hay là đủ rồi thì cái trí mình không

phát triển đến chỗ viên mãn được. Vả lại nếu sanh tâm tư mãi tức bị vô minh che ám thì trí huệ đâu còn nữa. Như ngoài đời những người làm lớn chức cao quyền trong tay, ý mình có chức có quyền làm những chuyện vi phạm pháp luật không ai dám nói, đến chừng thúng không úp được miệng voi, vô tù mà ngồi thì chức quyền gì cũng mất hết.

Trí minh ví như ngọn đèn được thắp sáng làm tan đi bóng tối vô minh, hay nói cách khác chỗ nào có vô minh có vọng thức thì không có trí.

Phần trước là tâm minh, tâm sáng rồi trí mới làm chủ nhưng quý vị phải huân tập từ từ, tôi nêu một ví dụ cho quý vị dễ hiểu như nước dừa bắt lên bếp chum lửa suốt từ sáng đến chiều nó sặc lại thành nước màu, nghĩa là muốn có nước màu thì phải ra công chum lửa. Cũng vậy, muốn trí huệ khai mở chúng ta cũng phải huân tập dần dần, bởi vì trong nhiều kiếp luân hồi sanh tử chúng ta bị nghiệp thức làm mờ trí giác, lớp vỏ vô minh càng ngày càng dày đặc nên bây giờ phải bền tâm, trong từng sát na canh giữ đừng để tâm ô nhiễm theo sáu trần. Trong kinh có kể một câu chuyện Phật dùng phương tiện khai quyền hiển thiết cho chúng sanh để nhận ra chỗ này.

Chuyện kể một bà già bán bánh, một hôm có một vị khách đến quán bà ăn bánh và hỏi đùa:

- Bánh này ăn có no không ?

Bà già đáp:

- Tôi xin hứa bánh này ăn không no thì khỏi trả tiền.

Vị khách nghe qua nghĩ thầm mình sẽ làm cho bà lão này thua một keo, mình cứ ăn mà nói không no thì khỏi phải

trả tiền. Thế rồi hai bên cam kết miệng, vị khách bắt đầu ngồi vào bàn ăn bánh, ăn đến cái bánh thứ 10 rồi anh nói:

- Này bà lão, bánh của bà tôi ăn không no, thôi tôi đi đây.

Nói xong anh ta đứng dậy định đi. Bà lão tay bưng đĩa bánh nhẹ nhàng nói:

- Khoan đã, mời anh ngồi xuống ăn tiếp đi.

Vị khách ăn tiếp 5 cái bánh nữa vẫn nói không no, bà bưng thêm bánh ra:

Anh cứ ăn tiếp tục đi

- khách không biết làm sao phải tiếp tục ăn thêm 5 cái bánh nữa tổng cộng là 20 cái bánh, anh ta cảm thấy đầy cả bụng nghe như muốn phát ách, bà lão vẫn tiếp tục bưng thêm bánh mời ăn, ngật quá bao tử của anh đã hết chỗ chứa rồi, anh ngập ngừng nói:

- Thôi, xin lão bà đừng bưng bánh lên nữa, tôi no quá!

Bà chỉ chờ câu đó liền tính tiền 20 cái bánh, khách thấy mình thua cuộc liền móc tiền ra trả.

Cái bánh thứ 20 làm cho vị thực khách này nghe no nhưng thật sự nó đã có 19 cái bánh trước độn trong bụng rồi. Chúng ta tu cũng vậy, mỗi ngày huân một chút trí huệ làm giảm bớt một phần vô minh, cho đến khi trí huệ viên mãn thì không còn bóng dáng của vô minh nữa, mà khi không còn bóng dáng của vô minh nữa thì đó là gì? Là thể tánh trong sáng lâu lâu, là cái minh thứ ba tức là tánh minh vậy.

Trên tôi đã giải thích ba minh rồi, và bây giờ tôi xin nói lần lượt cách tu trì phương tiện đến rốt ráo viên mãn tức là đến cái minh thứ ba vừa nói ở phần trên.

Nhìn lại tâm mình chúng ta tự hỏi tại sao tâm mình bị vô minh chần chịt như ổ kén, như cuộn chỉ, như giồng cỏ mình sa?

Trong kinh Viên Giác đức Phật có nói do tâm ái làm nhân thọ thân ngũ uẩn, rồi do ái thân ngũ uẩn làm nhân để thọ thân sau, cứ như thế ràng rịt mãi trong ái mến luyến tiếc đó là cái nhân, là chất keo dính chặt với sanh tử luân hồi không bao giờ dứt được. Vì ái mến thân muốn sống lâu, kéo dài tuổi thọ để thụ hưởng muốn thụ hưởng phải tạo ra của cải cho thật nhiều, muốn ăn trên ngồi trước phải có địa vị cao sang, thế rồi suốt đời chạy theo danh theo lợi, lòng tham không đáy, sự hưởng thụ không bao giờ biết đủ để rồi cùng nhau quay cuồng trong một cuộc chạy đua không điểm đến, không lối thoát, không dừng nghỉ.

Đến một lúc nào đó giật mình chợt tỉnh thấy lợi danh trôi qua như bọt bóng, thành bại như hạt sương mai tuổi đời bóng ngả về chiều, tâm tư còn đọng lại những dấu ấn theo dòng chảy của thời gian hành trang mang theo chỉ là một khối nghiệp và cũng là sản phẩm của chính mình đó là lúc quay về Tam Bảo khơi lại một điểm sáng nơi tâm, thấy được cội gốc sanh tử của luân hồi của phiền não khổ đau, nương pháp Phật tìm đường giải thoát.

Tâm là nguồn tạo tội, tâm cũng là nơi phát sinh công đức lành, muốn minh tâm trước hết quý vị phải tri tâm, tức là phải thấy cái biến đổi của tâm, tâm như khỉ vượn chuyền cành, lăng xăng suốt ngày không dừng nghỉ thậm chí về đêm trong giấc ngủ cũng mộng mị gọi lại bóng dáng của sáu trần. Thấy được sự chuyển biến của tâm, dừng được dòng

quay đó tức là minh tâm, nhưng phải dùng bằng cách nào. Chỗ này chư thiện tri thức nên nhớ lại lời dặn dò sau cùng khi đức Phật sắp nhập diệt tại rừng Ta La song Thọ. Ngài A Nan thưa hỏi:

- Thế Tôn còn tại thế chúng con nương đức thế tôn làm thầy, khi Thế Tôn nhập diệt, chúng con nương ai làm thầy?

Đức Phật đáp:

- Khi Như Lai nhập diệt rồi chư Tỳ Kheo hãy nương Ba La Đề Mộc Xoa làm thầy.

Tại sao đức Phật có nhiều vị đại đệ tử mà không dạy nương nơi các Ngài, lại dạy nương nơi giới luật làm thầy? Như vậy giới luật có tầm quan trọng như thế nào, người giữ giới được lợi ích gì, điều này chắc hẳn những người con Phật khi cạo tóc xuất gia đều phải biết.

Giới là hàng rào ngăn chặn vọng tâm, là nền tảng tạo các pháp lành, là mầm nhân chánh yếu phát sanh trí huệ mà trí huệ là cánh cửa của con đường giải thoát. Lấy giới làm hạnh để giảm bớt dần những điều xấu ác, giữ giới tinh chuyên đến khi nào không còn thấy mình là người giữ giới. Như một em học trò học từ tiểu học đến trung học, lên đại học; không biết bao nhiêu là sách vở, đến khi ra trường bản thân vị đó không còn giữ một cuốn sách nào, nhưng hỏi đâu đáp đó rõ ràng thông suốt. Đó là sức học hỏi đã được huân tập vào tàng thức. Minh tu cũng vậy khi giới đã được huân tập thành thực rồi thì tâm được định, bởi vì giữ giới thì mình không làm điều gì sai trái, tâm không suy tính, không lo âu, không phiền muộn nên tâm được an định.

Khi có định rồi muốn khai mở trí huệ cần phải có giáo, chúng ta tu mà không nắm vững giáo pháp Phật là tu mù. Giới là cây gậy giúp chúng ta bước đi cho vững, giáo là tấm bản đồ giúp chúng ta không bị sai đường lạc lối.

Giáo pháp của Phật dạy có quyền có thiệt có đốn có tiệm, tùy theo căn cơ của chúng sanh mà giáo pháp có từng bậc. Trong kinh Pháp hoa ông trưởng giả đem ba xe dụ con ra khỏi nhà lửa để khỏi chết cháy, nhà lửa dụ cho tam giới, sắc giới, dục giới và vô sắc giới, đức Phật nhìn thấy ba cõi này đều là cõi khổ vì còn luân hồi, còn sanh tử nên ngài nói: “Tam giới vô an du như hỏa trạch”. Ba xe dụ cho ba thừa Phật giáo, trưởng giả dụ cho đức Phật.

Vì căn cơ của chúng sanh có sai khác nên giáo pháp của Phật có ba thừa để tùy duyên hóa độ cho kẻ lý kẻ cơ. Tuy nói ba thừa nhưng gom lại chỉ có nhứt thừa. Trong tấm bản đồ phải qua nhiều chặng đường mới đến địa điểm mà mình tìm, tu cũng vậy phải qua từng chặng một, nên người ta thường nói: học nhiều lớp, tu nhiều thầy, chư vị đừng hiểu lầm tu nhiều thầy là bỏ thầy hay phản thầy, không phải vậy đâu, tôi nêu cụ thể như một ông thầy dạy tiểu học, học trò học qua tiểu học lên trung học vào đại học, về làng gặp lại thầy, chào hỏi vui vẻ có gì là o phải đâu. Trong kinh Hoa Nghiêm ngài Thiện Tài Đồng Tử cầu học 52 vị thầy mới thành tựu trí huệ, chư vị nên biết mỗi một vị thầy có một cách khai mở trí huệ, chúng ta tu cần cầu học nhiều bậc để khai phá triệt để lớp vô minh cho đến khi nào trí huệ thành tựu viên mãn. Còn đối với thầy, ở cương vị làm trò chúng ta phải có sự tôn kính, dù ở xa thầy hay gần thầy tâm ta luôn ghi nhớ

công ơn thầy đã khai tâm mở trí cho chúng ta. Còn ở người thầy có tâm từ bi của thầy, thầy luôn luôn biết cảm thông với trò trong mỗi tình huống mỗi hoàn cảnh, đời có ngã nghiêng của đời, đạo có sự trăn trở của đạo, chúng ta tu nhờ những bậc cao minh trợ duyên giúp sức, vượt qua những chướng duyên đó để nuôi lớn huệ mạng của mình tiến lên đường giải thoát, người học đạo hiểu biết chỗ này mới thấy ơn thầy tổ rất lớn, nên Phật dạy người tu phải biết ơn thầy là một trọng tứ trọng ân.

Như trên tôi nói giáo pháp của đức Phật là tấm bản đồ chúng ta lần dò theo từng cây số để đến điểm nhắm, khi đến nơi rồi thì không cần bản đồ nữa, ví như nương nơi ngón tay để thấy mặt trăng, điểm nhắm là mặt trăng chứ không phải là ngón tay, cho nên khi tu chúng ta phải biết thủ, xả, gia, giảm, đừng bám vào pháp nào tu mà bị kẹt, kẹt vào chấp pháp thì rất khó tháo gỡ, ví như tên tù và tên lính canh tù, tên tù làm ngoài nắng thì tên lính cũng ở ngoài nắng, sợ tù trốn mình mình bị phạt ở tù nên giữ tù chẳng khác nào ở tù vậy. Pháp Phật là vị thuốc, tâm chấp của chúng sanh thì thiên hình vạn trạng, hễ bệnh gì thì có thuốc đó, khi hết bệnh rồi thì không dùng thuốc nữa, ví như mượn bè qua sông, khi qua đến bờ rồi thì chiếc bè phải bỏ.

Chư thiện tri thức có hiểu vì sao tôi phải nhắc đi nhắc lại chỗ này không ? Vì chúng ta tu, đích nhắm là chỗ rốt ráo viên mãn, chỗ đó thanh thang không dính mắc một cái gì dù là dính kẹt vào pháp mình đang tu cũng không thể nào đến được. Giữ giới thanh tịnh được định, học hiểu và thực hành giáo pháp Phật dạy được trí, đó là nền móng của sự tu hành,

rồi phải nuôi dưỡng cho trí càng ngày càng lớn mạnh, nếu trí không lớn mạnh tâm sẽ dễ tán loạn, hoặc rơi vào tình trạng định mà không trí là định si, định ví như cái nhà mà trí là ông chủ nhà nếu định mất thì huệ là ông chủ nhà cũng tiêu gia bại sản luôn.

Cái trí mà nhờ học giới, tu giới nó sáng ra đó là trí minh, cái minh này nó tương đối với ám, cũng như nói sống tương đối với chết, thiện tương đối với ác. Còn cái “huệ” trong thiền nó không còn tương đối nữa, huệ là huệ thôi nó thoát ra ngoài cái dính kết hai bên, nhưng nó ngay nơi chính mình chớ khỏi phải tìm kiếm đâu xa, chúng ta tu thương có tư tưởng tìm cầu nên nhà thiền thường ví như người cưỡi trâu đi tìm trâu, con trâu chính mình đang cưỡi quá gần với mình mà mình quên nó đi. Hôm nay tôi chỉ chỗ này cho chư thiện tri thức đó cũng chính là chỗ huyệt thiền, chỗ này không còn dính vào giáo ngữ nữa nghe, mà nó là thiền ngữ. Nói ai ăn nấy no ai khát nấy uống là chỗ này, ông Mít khát mà ông xoay uống thì ông Mít không bao giờ hết khát được, chỗ này không giảng nói, không giải bày được, nhưng qua hình ảnh của sáu trần mà hành giả hội đủ cơ duyên có thể khai ngộ được. Ví dụ như cái hét, cái đánh của chư Tổ mà môn đồ ngộ đạo, hay là người ngồi nhìn lá rơi hoa rụng mà ngộ đạo, tức là hành giả được khai mở huệ qua căn tai hoặc căn mắt v.v...

Ngộ đạo cũng có từng bậc, có khi học hỏi giáo lý biết được lẽ thật của thế gian, thí dụ như khi chưa tu thấy cái gì cũng thật cũng thường còn, nên ôm giữ chấp chặt nào là tiền của xe cộ, nhà cửa, khi tu biết luật vô thường thành, trụ, hoại, không nên có tâm xả không bám dính vào vật chất nữa thì sẽ

giảm được khổ đau trước sự mất còn của thế sự đó gọi là giác ngộ. Còn trường hợp một hình ảnh nào của năm trần tác động làm cho bừng sáng gọi là bát ngộ, đây là trạng thái dứt suy tư bất nghĩ lường, ngay lúc đó nội tâm dứt lặng tình thức và huệ được thấp sáng, mức độ bừng sáng cũng có sâu có cạn, nên hành giả cần phải bảo nhậm để nuôi dưỡng huệ mạng cho đến lúc thành tựu viên mãn, nhưng trường hợp này cũng hiếm có và thường dành cho người lợi căn lợi trí, còn đối với bậc trung căn hạ căn đều phải qua phương tiện. Kinh Pháp Hoa Phật khai thị tri kiến Phật qua bốn phương tiện: khai, thị, ngộ, nhập. Trong thiền trực chỉ tôi có nói qua bốn bậc là: trực, tri, nhận, nhập.

Đầu mối của nó là phải khai mở trí minh, có trí rồi mới trực, tri, nhận, nhập được, vì khi cái trí làm chủ được rồi thì cái tâm nếu còn gợn lên cái gì trong đó liền bị trí chế ngự. Do có trí mà biết có chúng sanh, biết Phật cũng từ nơi chúng sanh mà có vì thế mà không thể cầu Phật bên ngoài chúng sanh, phải ngay nơi cái chúng sanh nhận ra mình có thể tánh Phật, mê là chúng sanh hết mê đó là giác mà giác là Phật không phải bỏ mê đi tìm giác mà được, cũng không phải giữ cái mê mà có cái giác, tức là khi hết mê liền đó là cái giác chớ không giữ không bỏ gì cả.

Trên tôi đã phân tích tam minh rồi, bây giờ nói đồng thể nhập đạo là nhập cái gì ? Chắc chư thiện tri thức ai cũng hiểu chữ đạo, đây là chỉ chỗ thể tánh chân thật sẵn có của chính mình. Do vì vọng niệm sanh khởi che mờ bản thể, bây giờ cái minh thứ nhất biết được sở dĩ có vọng niệm là do căn xúc trần khởi thức phân biệt, biết như vậy rồi xoay sáu căn vào

bên trong nhìn lại chính mình gọi là bối trần hiệp giác. Ngài Quan Thế Âm dạy chúng ta tu phản văn văn tự tánh, phản là trở lại, văn là nghe, còn chữ văn tự tánh là cái tánh nghe của chính mình, tức là không nghe theo thanh trần bên ngoài mà trở về với tánh nghe nơi mình, khi dừng được các duyên bên ngoài, tâm được định trí huệ phát sinh đó là trí minh, trí huệ này thành tựu viên mãn tức là tánh minh ba minh gom về tánh minh nên nói đồng thể nhập đạo. Sở dĩ chia ba minh là để cho quý vị dễ nhận, dễ hiểu tu tuần tự, biết cái sanh diệt là cái tướng hư dối nên giữ gìn các căn không duyên theo trần để dứt lần các tướng hư dối, trở về với chỗ chân thật đó là chỗ vô sanh, đến chỗ này thì không còn tu gì nữa, không dụng công ngồi thiền nữa.

Chư Tổ thường nói:

Bất sanh bất diệt danh vi viết toạ

Cứu cánh vô chứng danh vi Niết Bàn.

Tâm không còn sanh diệt đó tức toạ, đến chỗ cứu cánh mà không chứng đắc tức thiền, vì còn chứng là còn tướng ngã như làm sao vào được chỗ vô sanh.

Đến đây tôi khuyên chư thiện tri thức cố gắng tu hành, kiên trì bền chí ví như người thợ săn đi từ sáng đến chiều không gặp con hưu con nai thì có con thỏ rừng đem về, quý vị cố gắng thì sẽ có kết quả hoặc nhiều hoặc ít đó thôi.

Thời pháp đến đây đã viên mãn, tôi nói chuyện với quý vị đây rồi chút nữa tôi đi mây về gió không sao biết được, cho nên được dịp gặp nhau, kết tạo chút ít duyên lành, mong được lợi ích cho tất cả thiện nam tín nữ trong đạo tràng này.

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

LỜI CẢN BẠCH

Nam-Mô Bốn-Sur Thích-Ca Mâu-Ni Phật
Nam-Mô Long-Hoa Giáo-Chủ Di-Lặc Tôn Phật
Nam-Mô Tây-Thiên Tứ Thất Đông Độ Nhị Tam Lịch
Đại Tổ-Sur Bồ-Tát Ma-Ha-Tát Từ-Bi Tác-Đại Chứng Minh.

“Bửu Minh tự linh thiêng
Khai sáng Trục-Chỉ-Thiền
Cổ đại lão Hòa-Thượng
Thiền-Sur lưu vạn niên”

“Thầy sở dĩ phân tách Trục-Chỉ-Thiền (Bát nhã) bấy lâu nay cũng chỉ vì lợi ích quần sanh, báo Phật ân đức mà thôi. Ngoài ra không vì việc gì hết”.

“Những cuốn băng và bộ sách từ điển Trục-Chỉ-Thiền mà Thầy đã phân tách đầu có trải qua 100 năm hay lâu xa hơn nữa nếu có Thiện-Tri-Thức hay sở hữu thiện căn nào hội đủ nhơn duyên xem qua đều được tỏ ngộ”.

“Các con nhờ Thầy mà nên đạo, Thầy cũng nhờ các con mà còn đạo...”

Kính bạch chư Tôn Đức và quý vị Thiện-Tri-Thức, thật là một đại sự nhơn duyên trong thời mạt pháp chúng ta được hội ngộ cùng Thầy. Gặp được một bậc Đại Thiện-Tri-Thức phân tách Trục-Chỉ Thiền Bát- Nhã là một điều hy hữu trên cõi đời này.

Để tôn trọng quy kính lời dạy ẩn khả phó chúc của Sư-Phụ và ngọn vô tận đăng Trục-Chỉ-Thiền đã thất truyền từ lâu đi vào quên lãng nay được Thầy làm sống lại mãi mãi với không gian thời gian vô tận. Đó chính là Như-Lai Tri-Kiến mà chư Phật, chư Tổ truyền thừa cũng chính là Bốn lai diện mục, Phật tánh của chính mình. Để đền đáp công ơn sư phụ hôm nay đệ tử chúng con thành kính xin kết lập và trùng tuyên.

Tuy thời gian 15 năm hoằng pháp lợi sanh, nhưng Thiền ngữ lục hiển cận nơi Thầy chỉ truyền thì như hư không bất sanh bất diệt...

Những đề tài Thầy phân tách thuyết giảng đều là kho báu vô giá Như-Lai, toàn là lời vàng, ngôn giản, lý lược. Có lúc khai viễn có lúc hiển cận, hiển thị thế gian pháp là Phật pháp là Bát-Nhã, là giải thoát (Hiển Phật-Tánh).

Hòa-Thượng Viện-Chủ tu viện Huệ-Quang Thượng Huệ Hạ Hưng là luật sư, Pháp-Sư, bậc danh tăng chơn tu đã nhiều lần tán thán Hòa-Thượng Bửu-Thắng Thiền-Sư trước đại chúng”

“Hòa-Thượng Bửu-Thắng phân tách Trục-Chỉ-Thiền lời nói hết sức từ tốn, giản dị, chơn thật, sâu kín, sắc bén tuôn tràn như thác đổ, thao thao bất tuyệt mà không hề có suy nghĩ (Tự tánh thuyết pháp). Có mấy lần Hòa-Thượng hỏi: Hòa-Thượng Bửu Thắng giảng đề tài gì để Hòa-Thượng giới thiệu, Hòa-Thượng Bửu Thắng đều nói: “Hễ lâm sàng mới ứng dụng Hòa-Thượng”. Hai vị Hòa-Thượng Thiền-Sư rất khéo “Ứng hóa vi chơn” pháp phương tiện cốt chỉ để giác-ngộ quần sanh mà thôi.

DUYÊN KHỞI VÀ SỰ HOÀNG PHÁP CỦA HÒA THƯỢNG BỬU THẮNG THIỀN SƯ.

Hòa-Thượng thượng Bửu hạ Thắng là vị Thiền-Sư đã ẩn tu từ lâu. Năm 1983 do cuốn băng của sư Giác-Trí trụ trì Tịnh-Xá Ngọc Thành huyện Chợ-Lách Tỉnh Bến-Tre thỉnh pháp: “Luận Thức Chỗ Tu Thiền” và “Chơn-Không, Diệu-Hữu”, do Hòa-Thượng Bửu Thắng giảng tại chùa Bửu-Minh.

Kế tiếp có Hòa-Thượng KQ thuộc Tông Thiền-Thai (tu đã đến tột cùng Chỉ Quán) đến tham vấn cầu đạo.

Sau khi trà nước, Hòa-Thượng Bửu-Thắng hỏi: Ngài đến viếng chùa hôm nay chắc nhơn tiện đi ngang ghé vô chơi?

-Hòa Thượng KQ: “Tôi đến thẳng đây để cầu ngài gỡ kẹt cho tôi”

-Hòa Thượng Bửu-Thắng: “Đã tu đến bậc Hòa-Thượng còn kẹt cái gì nữa”

-Hòa Thượng KQ: “Còn kẹt chớ Hòa Thượng! càng lên cao càng té nặng, mà hể té là tan xác”

-Hòa-Thượng Bửu-Thắng: “Vậy xin ngài cứ hỏi”

-Hòa Thượng KQ: “Tu làm sao để có Bát Nhã bạch Hòa Thượng?”

-Hòa-Thượng Bửu-Thắng im lặng mỉm cười.

-Hòa-Thượng KQ hỏi lại: “Tu làm sao để có Bát-Nhã bạch Hòa Thượng?”

-Hòa-Thượng Bửu-Thắng: Chỉ Quán.

-Hòa Thượng KQ: “Tu Chỉ quán là tu định huệ có phải không Hòa-Thượng?”

-Hòa-Thượng Bửu-Thắng chặn lại: “Trong kinh đâu có Bát-Nhã định, Bát-Nhã huệ, Bát-Nhã chỉ, Bát-Nhã quán”.

-Hòa Thượng KQ: “Vậy làm sao có Bát-Nhã bạch Hòa-Thượng?”

-Hòa Thượng Bửu Thắng: “Ra biển thì phát định huệ để tu, còn đến bờ thì phải định huệ xả”.

-Nghe đến đây Hòa-Thượng KQ bừng ngộ.
(Công án 22 trong 32 công án Trục Chỉ Thiền)

Cuốn băng của Sư Giác-Trí đã đến tay Hòa-Thượng Viện-Chủ Tu-Viện Huệ- Quang, biết là gặp được bậc Đại Thiện-Tri-Thức đang ẩn dật, Ngài liền cùng với Thượng-Tọa Thích Thiện-Lạc Viện chủ chùa Long-Hưng tức tốc xuống tận Gò Công chùa Bửu Minh để vấn an và tham vấn. Biết được Hòa-Thượng Thiền-Sư Bửu-Thắng đã đắc pháp bí truyền Trục-Chỉ-Thiền, nên liền thỉnh cầu Hòa Thượng Thiền Sư Bửu Thắng lên Tu Viện Huệ Quang khai Thiền-Trục-Chỉ (Bát- Nhã). Ngài nhận lời và đã phân tách Trục-Chỉ-Thiền đầu tiên tại Tu-Viện Huệ-Quang ngày 1-8-1985, kể từ đó đến tháng 4-1987 gần hai năm được hơn 40 đề tài làm đất bằng dậy sóng và Đầm-Sen hoa tỏa hương.

“Hữu duyên tắc thí, tán duyên tắc tịch”, đó là pháp tập tán duyên hợp đến tháng 4-1987 là hết duyên ở Tu-Viện Huệ-Quang. Hội đủ như duyên thời quả báo hoàn tự thọ, chỉ vài tháng sau Kim cang Bát-Nhã đạo tràng được hình thành liên tục cho đến ngày Thầy viên tịch. Thầy đã giảng dạy trên 50 đề tài thật sâu sắc, phong phú nhờ vậy mà sự hoằng pháp Trục-Chỉ-Thiền của Thầy được hoàn toàn viên mãn. Đề tài thuyết pháp sau cùng của Thầy là Minh-Tâm Kiến-Tánh năm 1997 tại chùa Long-Hưng.

Bộ sách từ điển Trục-Chỉ-Thiền này được kết tập và trùng tuyên là các đề tài Thầy thuyết giảng và dạy chúng. Để quý vị Thiện Tri-Thức dễ dàng tham cứu tu tập, lần bước theo những dấu chân Vô-Tướng của Thầy, mặc dầu các đề tài Thầy thuyết giảng rất đầy đủ tướng - tánh, lý - sự, thể - dụng, phương tiện – cứu cánh, khai viễn hiển cận, hiển mật thiện duyên, khai – giá trị phạm, quyền thiết đốn tiệm, thủ xả gia giảm, khai quyền hiển thiết, tác chỉ nhậm diệt, khai thị ngộ nhập Phật tri kiến, trực tri nhận nhập Như-Lai Tri-Kiến, hiển Phật- Tánh.. các mạch kinh huyệt Thiền đều dung nhiếp trong các tông môn, kinh, luật, luận, tục tạng kinh, để quý vị tham cứu dễ dàng nên đã sắp xếp theo từng chương mục. Trục chỉ, Ý chỉ, Diệu- Chỉ, Mật- Chỉ... có một số đề tài không y cứ theo thời gian, nhưng tất cả đều để y nguyên văn lời nói Thiền ngữ của Thầy.

Được duyên lành hội ngộ cùng Thầy ngay buổi ban đầu tại Đầm-Sen tu viện Huệ-Quang nghe Thầy phân tách Trục-Chỉ-Thiền (1-8-1985) thấy say mê, bằng hoàn tình ngộ do sức lôi cuốn của Thầy và kể từ đó theo Thầy học đạo cho đến lúc Thầy viên-tịch. Được Thầy chỉ định cho phép tác bạch trong các đề tài Thầy thuyết giảng và cũng nương theo đại nguyện của Thầy hoằng pháp lợi sanh báo Phật ân đức nên đã phát nguyện thiết tha kết lập bộ sách Từ Điển Trục-Chỉ- Thiền ngữ lục vào ngày lễ giỗ Tiểu Tường của Thầy tại Tổ đường chùa Bửu Minh trước chư Tăng, Ni và chư Phật tử câu hội về.

Con xin sám hối trước 10 phương chư Phật, chư Tổ và Thầy đệ tử tài hèn sức mọn, trí tuệ kém cỏi, nhưng vì bản nguyện nên cố gắng hết sức mình để kết tập hoàn thành bộ sách Thiền này mong sao Như-Lai Tri-Kiến của Thầy soi sáng làm cho chúng sanh sở hữu thiện căn sớm tỏ ngộ giải thoát.

Nguyện cầu 10 phương chư Phật chư Tổ và Giác linh nhị vị Hòa-Thượng Thiền-Sư Thượng Bửu Hạ Thắng và Hòa-Thượng Thượng Huệ Hạ Hưng, hộ trì cho bộ sách từ điển Trục-Chỉ-Thiền kết tập này được thành tựu viên mãn, phổ truyền khắp pháp giới để tất cả chúng sanh hiện đời và đời sau huân tập xông ướp để sớm được Minh-Tâm Kiến-Tánh, giải thoát hiện tiền và đời sống trong Bát-Nhã giải-thoát.

Nguyện đem công đức này hồi hướng về khắp tất cả, đệ tử và tất cả chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.
Nam-Mô A-Di-Đà Phật.

Đệ tử kết tập

Lê-Huệ Thiện-Trí

Ngày húy kỵ tiểu tường cố đại lão Hòa-Thượng thượng Bửu hạ Thắng. Rằm tháng 2 năm nhâm Ngọ Phật-Lịch 2545

NAM MÔ BỐN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Trích Bộ sách Từ Điển TRỤC CHỈ THIỀN